

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

SOUKSAVANH PATHCHAI

**PHÁT HUY VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN
DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIêng CHĂN
CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS Đặng Quang Định

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

SOUKSAVANH PATHCHAI

**PHÁT HUY VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN
DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIêng CHĂN
CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

Mã số: 9229002

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐINH VĂN THỤY



TS. NGUYỄN LƯƠNG NGỌC



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là luận án nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu được đưa ra trong luận án đều trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



SOUKSAVANH PATHCHAI

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	6
1.1. Những công trình liên quan đến vấn đề lý luận về phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể	6
1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng vai trò các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể	17
1.3. Những công trình liên quan đến giải pháp vai trò các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể	30
1.4. Khái quát kết quả các công trình đã tổng quan và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu	32
Chương 2. PHÁT HUY VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNNG CHĂN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	40
2.1. Bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn - quan niệm và tầm quan trọng	40
2.2. Phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn - quan niệm, thực chất và nhân tố tác động	68
Chương 3. VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNNG CHĂN - THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN	88
3.1. Thực trạng phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn	88
3.2. Nguyên nhân của thực trạng phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn	123
Chương 4. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNNG CHĂN TRONG THỜI GIAN TỚI	134
4.1. Quan điểm phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn	134
4.2. Giải pháp phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn	138
KẾT LUẬN	159
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	161

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHDCND	: Cộng hòa dân chủ nhân dân
DSVH	: Di sản văn hóa
DSVHVT	: Di sản văn hóa vật thể
DTLS - VH	: Di tích lịch sử - văn hóa
ĐNDCM	: Đảng Nhân dân cách mạng
QLNN	: Quản lý nhà nước
TTVH&DL	: Thông tin, văn hóa và du lịch
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Tổng kết đóng góp của Nhân dân (Ước tính giai đoạn 2015 - 2025)...	92
Bảng 3.2. Tổng hợp số liệu đầu tư tiêu biểu (Giai đoạn 2020 - 2025)	102
Bảng 3.3. Tổng hợp số liệu đầu tư quốc tế tiêu biểu (Giai đoạn 2020 - 2025).....	103

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Di sản văn hóa trong đó có di sản văn hóa vật thể là một trong những cội nguồn sức sống tiềm tàng, là một bộ phận vô cùng quan trọng của mỗi quốc gia hay từng địa phương cụ thể. Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, hoạt động giao lưu văn hoá ngày càng mạnh mẽ, thì vai trò của di sản này càng có vai trò lớn trong việc giới thiệu nền văn hoá của quốc gia, khu vực, thể hiện trí tuệ, lịch sử một dân tộc và sự phát triển kinh tế, giáo dục... Việc giữ gìn, bảo tồn các di sản văn hóa vật thể như các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, cổ vật, hiện vật của quốc gia, có vai trò rất lớn của các chủ thể trong xã hội, đặc biệt là nhà nước và nhân dân.

Thủ đô Viêng Chăn là trung tâm chính trị, văn hóa của Lào, sở hữu hàng trăm di tích lịch sử, kiến trúc Phật giáo và các làng nghề truyền thống với giá trị lịch sử, thẩm mỹ vô giá như: Thạt Luồng Viêng Chăn, Vát Ông Tụ, Vát Xi Xạ Kết, Vát In Peng, Vát Hỏ Phạ Kẹo, Vát Xi Mương, Công Viên Phật Xiêng Khoan, Khải hoàn môn (Pạ Tu Xay). Tuy nhiên, trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, công tác bảo tồn di sản đang đối mặt với nhiều thách thức từ sự thay đổi cảnh quan, thiếu kinh phí và nhận thức chưa thực sự đồng đều giữa các tầng lớp nhân dân.

Trong những năm qua, Nhà nước Lào đã xây dựng khung pháp lý vững chắc để quản lý và bảo tồn di sản văn hóa, với Luật Di sản văn hóa quốc gia ban hành năm 2005, sửa đổi năm 2012 quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ trong công tác bảo vệ di tích: *“Di sản văn hóa Lào là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc và là một bộ phận không thể tách rời của di sản nhân loại, đóng vai trò then chốt trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước”* [167]. Đặc biệt, Chính phủ đã phân cấp quản lý di sản theo cấp bộ và địa phương, đồng thời đầu tư ngân sách thường xuyên tăng cường cho công tác tôn tạo, tu bổ các di tích như Công viên Phật Xiêng Khoan, Thạt Luồng Viêng Chăn.

Ngoài ra, nhà nước còn tổ chức kiểm kê, phân loại di tích theo giá trị và lập hồ sơ xin xếp hạng quốc gia, tạo cơ sở để quản lý hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế trong việc phối hợp giữa các bộ ngành và xử lý kịp thời các hành động vi phạm quy chế bảo tồn DSVHVT.

Nhân dân là chủ thể trực tiếp sống và làm việc trong không gian di sản, do đó ý thức và sự tham gia của họ quyết định đến hiệu quả lâu dài của công tác bảo tồn. Khi được giáo dục về giá trị lịch sử, văn hóa của các di tích, người dân sẽ tự giác ngăn chặn các hành động phá hoại, bảo vệ môi trường xung quanh di tích và tham gia vào các hoạt động phát huy di sản như tổ chức lễ hội truyền thống, quảng bá di sản cho du khách. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một bộ phận nhân dân thiếu hiểu biết về giá trị di sản, dễ bị ảnh hưởng bởi xu hướng thương mại hóa không phù hợp hoặc làm hư hại các công trình kiến trúc cổ.

Chỉ khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa hai chủ thể thì công tác bảo tồn DSVHVT mới đạt hiệu quả tối ưu. Nhà nước có thể xây dựng chính sách, cấp kinh phí và quản lý chung, còn nhân dân sẽ thực hiện giám sát tại địa phương, tham gia trực tiếp vào công tác bảo tồn và phát huy DSVHVT.

Vì vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***“Phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào”*** làm luận án Tiến sĩ, ngành chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Đây là chủ đề thực sự có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận và thực trạng vai trò của các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào hiện nay, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan và chỉ rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

- Phân tích và làm rõ một số vấn đề lý luận của việc phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào.

- Phân tích và làm rõ thực trạng vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào.

- Đề xuất các giải pháp phát huy có hiệu quả vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án tập trung nghiên cứu vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT tiêu biểu có tính đại diện ở thủ đô Viêng Chăn đã được đề cập trong Luật Di sản Quốc gia năm 2005, sửa đổi năm 2013 của Cộng hòa dân chủ nhân Lào.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu:* Luận án tập trung nghiên cứu việc *phát huy vai trò các chủ thể* trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào.

Chủ thể bảo tồn các DSVHVT, xét trên bình diện rộng, là con người và các cộng đồng người như nhóm người, giai cấp, tập đoàn xã hội, dân tộc, thậm chí là cả loài người trong những điều kiện lịch sử nhất định. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, vấn đề bảo tồn các DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, Lào được tiếp cận chủ yếu từ hai chủ thể cơ bản là nhân dân và nhà nước.

Nhân dân là chủ thể trực tiếp gắn bó với di sản, vừa là người sáng tạo ra các giá trị văn hóa trong lịch sử, vừa là người gìn giữ, thực hành và truyền tiếp các giá trị ấy trong đời sống hiện tại. Thông qua ý thức cộng đồng, phong tục, tập quán và các hoạt động văn hóa, nhân dân góp phần duy trì sức sống của di sản và bảo đảm tính liên tục của truyền thống. Trong khi đó, nhà nước

giữ vai trò chủ thể quản lý và điều tiết, thể hiện ở việc ban hành chính sách, pháp luật, quy hoạch, đầu tư nguồn lực và tổ chức các hoạt động tu bổ, tôn tạo, nhằm bảo vệ di sản một cách hệ thống, lâu dài và hiệu quả. Sự phối hợp hài hòa giữa nhân dân và nhà nước là điều kiện quan trọng để công tác bảo tồn đạt kết quả bền vững.

- *Về không gian*: Luận án khảo sát các di tích khảo cổ, cổ vật, danh lam thắng cảnh tiêu biểu tại thủ đô Viêng Chăn.

- *Về thời gian*: Luận án tập trung từ khi Lào đổi mới (1986) đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận của

Luận án dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng Kayson Phômvihan, quan điểm của Đảng Nhân dân cách mạng Lào về văn hóa, di sản văn hóa, vai trò của chủ thể trong bảo tồn phát huy di sản văn hóa...

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, phương pháp tiếp cận và nghiên cứu hệ thống, kết hợp phương pháp lôgic và lịch sử, phân tích tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp điền dã, sử dụng các kết quả nghiên cứu từ các công trình đã công bố ở nước CHDCND Lào và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan trực tiếp tới đề tài.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án có những đóng góp mới nổi bật ở cả phương diện nhận thức và phương diện đề xuất giải pháp.

Trước hết, trên cơ sở khảo sát và phân tích tư liệu, luận án đã làm rõ thực trạng thực hiện vai trò của các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, đồng thời chỉ ra các nguyên nhân chủ yếu chi phối thực trạng đó. Các nguyên nhân được nhận diện không chỉ ở khía cạnh nguồn lực và cơ chế quản lý, mà còn ở mức độ phối hợp giữa các chủ thể, năng lực tổ chức thực

hiện, nhận thức cộng đồng, cũng như tác động của bối cảnh đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Qua đó, luận án góp phần bổ sung luận cứ khoa học để đánh giá đúng vị trí, vai trò và những điểm nghẽn trong bảo tồn DSVHVT tại địa bàn nghiên cứu.

Thứ hai, luận án đã đề xuất một hệ giải pháp tương đối đồng bộ nhằm phát huy hiệu quả vai trò của các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn trong điều kiện mới. Hệ giải pháp hướng tới tăng cường năng lực quản trị, hoàn thiện cơ chế chính sách, huy động và phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao phối hợp liên ngành, phát huy vai trò cộng đồng và xã hội hóa, gắn bảo tồn với giáo dục, truyền thông và phát triển bền vững. Các đề xuất này có ý nghĩa thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả bảo tồn DSVHVT trong giai đoạn hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Từ kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất các nhóm giải pháp về phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn theo hướng phát triển các chính sách phù hợp với chiến lược phát triển của thủ đô Viêng Chăn, nước CHDCND Lào.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án cung cấp các cứ liệu khoa học và kết quả nghiên cứu khả tín cho các công trình khoa học liên quan đến các DSVHVT có quy mô nhỏ và trung bình ở thủ đô Viêng Chăn, nước CHDCND Lào.

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp căn cứ giúp cho các nhà quản lý, các chuyên gia có phương hướng hoạch định được chiến lược tổ chức bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT tại các thành phố của Lào có điều kiện tương đồng.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Nội dung luận án được triển khai trong 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ

1.1.1. Nghiên cứu về di sản văn hóa, di sản văn hóa vật thể

Nghiên cứu về DSVH, DSVHVT được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Việc nghiên cứu được tiếp cận dưới nhiều góc độ của các ngành khoa học. Một số công trình nghiên cứu liên quan như:

Công trình nghiên cứu “*Managing Tourism at World Heritage Sites*” (Quản lý du lịch tại các khu di sản thế giới) của tác giả Arthur Pederson, xuất bản năm 2002 [182], dưới sự hỗ trợ sáng kiến cho Trung tâm Di sản thế giới của UNESCO là tổ chức TEMA và UNEP (Chương trình Môi trường của Liên hiệp Quốc). Đây là tài liệu hướng dẫn cho các nhà quản lý thuộc các khu di sản thế giới. Nội dung nghiên cứu được đề cập đồng thời cũng là tài liệu hướng dẫn cho những người làm công tác du lịch, giúp họ có thể đồng hành với các nhà quản lý để đảm bảo sự phát triển bền vững tại các khu di sản thế giới. Nội dung tài liệu đã đề cập tới các vấn đề như: tiếp thị và xử lý rủi ro trong thương trường, quản lý kinh doanh, phương pháp tiếp cận thực tế, v.v.. Công trình có thể cung cấp những kiến thức và kinh nghiệm để luận án có thể phân tích và đề xuất giải pháp vận dụng giúp cho Chính phủ Lào và chính quyền thủ đô Viêng Chăn quản lý tốt hơn các di sản văn hóa thế giới trên địa bàn phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Cuốn sách tiếng Việt của Paul Eagles: “*Du lịch bền vững trong những khu vực được bảo vệ*” do Ủy ban liên chính phủ Bảo vệ Di sản Bảo toàn Thiên nhiên Thế giới (UNEP, IUCN) và Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO) xuất bản năm 2002 [70]. Nội dung cuốn sách đề cập đến du lịch và những vấn đề du lịch trong các khu DSVH được bảo vệ. Nội dung cuốn sách đã phản ánh

mối quan hệ giữa hoạt động phát triển du lịch bền vững với bảo tồn di sản trong các khu vực. Tài liệu sẽ được khai thác dưới góc độ xem xét những nhân tố tác động và việc nâng cao hiệu quả phát huy vai trò chủ thể nhân dân và nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với hoạt động bảo tồn DSVHVT.

Cuốn sách *“Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập”* của tác giả Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2009), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật [111]. Nội dung cuốn sách nêu những cơ hội và thách thức trong hoạt động bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Nội dung nghiên cứu cũng đề cập đến trách nhiệm và hành động của con người trong việc gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống.

Cuốn sách *“Đình Chùa Lăng Miếu - Di sản văn hóa vật thể của người Việt tại thành phố Hồ Chí Minh”* của tác giả Hồ Sơn Diệp và Nguyễn Văn Hiệp, do Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh phát hành năm 2013 [47]. Nội dung nghiên cứu về thiết chế văn hóa tâm linh, đặc điểm và hiện trạng Đình Chùa Lăng Miếu, một số Đình Chùa Lăng Miếu tiêu biểu của người Việt và vấn đề bảo tồn giá trị văn hóa vật thể của Đình Chùa Lăng Miếu của người Việt ở thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ đô thị hóa. Đây là một công trình khoa học hữu ích, giúp luận án có thể tham khảo về một trường hợp di sản vật thể cụ thể được gìn giữ, bảo tồn và phát huy như thế nào.

Cuốn sách *“Di sản văn hóa Việt Nam, Bản sắc và những vấn đề về quản lý, bảo tồn”* của tác giả Nguyễn Thịnh, do Nxb Xây dựng phát hành năm 2012 [112]. Nội dung nghiên cứu đề cập đến sự tác động của yếu tố kinh tế thị trường và toàn cầu hóa đến những DSVH (DSVH) ở Việt Nam; Làm thế nào để bảo tồn được những DSVH và gìn giữ bản sắc văn hóa Việt Nam trước tác động của văn hóa ngoại lai; sự hòa nhập văn hóa Việt Nam với văn hóa thế giới nhưng không bị hòa tan. Cuốn sách nêu lên những thách thức, khó khăn trong quá trình gìn giữ, bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, là một góc nhìn tham chiếu từ Việt Nam cho Lào về chủ đề này.

Bài viết của tác giả Phạm Sanh Châu: “*Sức sống cho sự tồn tại của di sản văn hóa*”, Tạp chí Di sản văn hóa số 34 (2011) [24]. Tác giả đã nghiên cứu và đưa ra nhận định sâu sắc về DSVH Việt Nam, các DSVHVT của Việt Nam được UNESCO công nhận là DSVHVT thế giới. Bài viết có nêu, danh hiệu UNESCO rất uy tín, bởi vì, UNESCO là tổ chức chuyên môn duy nhất trong hệ thống Liên Hợp quốc, được giao chức năng công nhận danh hiệu di sản trên thế giới, UNESCO đã góp phần làm sống lại và nâng cao hình ảnh cho di sản đất nước Việt Nam. UNESCO xây dựng được mạng lưới chuyên gia ở khắp nơi cùng với các tiêu chí xét duyệt khắt khe thông qua các văn bản pháp lý như công ước, tuyên bố, chương trình và cuối cùng là luôn có một hội đồng được hình thành với các tiêu chí khác nhau để xem xét có hay không công nhận một di sản. Vì vậy, khi đạt được danh hiệu di sản của UNESCO trao tặng, có nghĩa là di sản đó sẽ được khẳng định vị thế của mình trên phạm vi toàn cầu. Đối với các DSVH vật thể tại Việt Nam, kể từ khi được UNESCO công nhận, hoạt động bảo tồn DSVHVT thế giới đã được quan tâm đáng kể. Với sự nhìn nhận DSVHVT thế giới vừa là tài sản riêng của quốc gia, nhưng đồng thời là tài sản chung của nhân loại, do đó việc bảo tồn các DSVHVT thế giới ngày càng được quan tâm hơn.

Bài viết “*Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa*” của tác giả Lưu Trần Tiêu, trên Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật năm 2002 [117]. Góp phần giúp bạn đọc sẽ tiếp cận được con đường khoa học, lĩnh vực khoa học mà một nhà khoa học của ngành Văn hóa, Thông tin từng dành tâm huyết và trí tuệ để thực hiện. Kết quả nghiên cứu của tác giả muốn mọi người hiểu rõ thêm về DSVH Việt Nam, tự hào và trân trọng DSVH dân tộc.

Cuốn sách của Cục Di sản văn hóa “*Một con đường tiếp cận di sản văn hóa, tập 7*” của nhiều tác giả, Nxb Văn hóa dân tộc, năm 2014 [40]. Tác phẩm được hoàn thiện với nguồn tài liệu của Cục Di sản văn hóa, gồm các bài viết của nhiều tác giả, tập trung vào 3 nội dung chính: văn hóa vật thể, văn hóa phi

vật thể và bảo tàng. Cuốn sách đã viết về sự đa dạng của DSVH Việt Nam, cách tiếp cận về bảo tồn và phát huy những giá trị DSVH Việt Nam.

Cuốn sách *“Di sản thế giới, Văn hóa - Tự nhiên - Hỗn hợp”* của tác giả Bùi Đẹp do Nxb Trẻ Hà Nội xuất bản năm 1999 [65]. Nội dung cuốn sách đã tổng hợp các công trình kiến trúc như: cung điện, đền đài, thành quách, những công trình là di sản do con người và thiên nhiên tạo nên, sống mãi với thời gian mà ngày nay chúng ta cũng nhìn thấy những kiệt tác vô giá đã trải qua hàng nghìn năm vẫn còn nguyên giá trị với nhân loại. Công trình có một cách chuyển tải, một cách tiếp cận hay khi dùng “vật” để nói về “người” qua vẻ đẹp của các công trình di sản ấy. Qua đó, chúng ta hiểu được những công lao, tài hoa, nỗ lực của các chủ thể tạo dựng, giữ gìn chúng trường tồn qua thời gian.

Luận án tiến sĩ *“Khai thác hợp lý các di sản văn hoá thế giới nhằm phát triển du lịch miền Trung Việt Nam”*, năm 2012, của Nguyễn Thị Thông Nhất [87]. Tác giả nghiên cứu về vai trò của DSVH thế giới đối với du lịch Việt Nam và du lịch miền Trung. Miền Trung tập hợp rất nhiều di sản VHVTG, như: quần thể di tích Cố đô Huế, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Phố cổ Hội An, v.v.. Nội dung luận án đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của DSVH thế giới, bởi các DSVH vật thể này gắn liền quá khứ với hiện tại, giúp con người nhận thức giá trị của văn hóa truyền thống trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước và con người. Tuy nhiên, DSVH cũng rất mong manh, nếu như không giữ gìn cẩn thận thì nguy cơ bị hư hại, trở thành phế tích là rất cao. Do đó, vấn đề bảo tồn một cách hợp lý để phát huy giá trị DSVH thế giới phải được đặt lên hàng đầu, để vừa đảm bảo khai thác di sản mang về giá trị kinh tế cho đất nước, nhưng cũng phải bảo đảm được nguyên vẹn hiện trạng của DSVH thế giới cho các thế hệ mai sau.

Cuốn sách *“Bảo vật hoàng cung triều Nguyễn”*, Nguyễn Văn Cường (Chủ biên), xuất bản năm 2016 [43]. Nội dung cuốn sách nói về DSVH triều Nguyễn. DSVH cung đình triều Nguyễn là một bộ phận hợp thành kho tàng

DSVH dân tộc. Tuy nhiên, tác giả cũng nêu rõ, sự tác động của toàn cầu hóa và hội nhập, rất cần một chiến lược đúng đắn, cùng với những kế hoạch, giải pháp cụ thể để khai thác và bảo tồn DSVH vật thể Cố đô Huế, đảm bảo tính hiệu quả và bền vững. Đây không chỉ là công việc của các nhà quản lý văn hóa, quản lý DSVH mà còn là trách nhiệm, sự chung tay, nỗ lực của cả cộng đồng và xã hội.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến vai trò các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể

Kỷ yếu Hội thảo khoa học về *bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa ở các tỉnh miền Trung* cung cấp thông tin, kinh nghiệm quý trong việc bảo tồn phát huy giá trị các di sản văn hóa khu vực này của miền Trung Việt Nam. Các tham luận tập trung vào những nội dung sau: Giải quyết mối quan hệ giữa khai thác với bảo tồn DSVH; Liên kết vùng trong việc phát huy giá trị DSVH các tỉnh miền Trung; Xây dựng thương hiệu và quảng bá hoạt động điềm đến du lịch miền Trung; Phát triển bền vững du lịch DSVH Huế theo hướng quản lý tổng thể và đồng bộ; Phát triển lễ hội các chùa ở Huế nhằm khai thác tiềm năng du lịch văn hóa tâm linh. Tại hội thảo, các nhà quản lý, nhà khoa học, nhà nghiên cứu đã chia sẻ những kinh nghiệm về quản lý nhà nước (QLNN) về DSVH và phát huy lợi thế khu di sản để phát triển du lịch, từ đó có một cách nhìn toàn diện trong QLNN về DSVH trong thời gian tới. Ngoài ra, tham luận của các nhà khoa học cũng đề cập tới những giá trị của DSVH miền Trung đối với sự phát triển du lịch, nghiên cứu về cơ hội và thách thức giữa bảo tồn các DSVH với phát triển du lịch từ cách tiếp cận QLNN trên các lĩnh vực này; những tiềm năng của DSVH và quản lý phối hợp giữa các di sản của các tỉnh miền Trung để có hướng bảo tồn và khai thác hết tiềm năng, không tạo ra cạnh tranh giữa hoạt động bảo tồn DSVH với quá trình phát triển du lịch miền Trung, mà định hướng vừa bảo tồn DSVH vừa phát triển du lịch bền vững, từ đó rút ra những kinh nghiệm và giải pháp đột phá trong QLNN về DSVH, phát huy hình ảnh điềm đến của DSVH để phát triển du lịch.

Luận án tiến sĩ "*The guideline for conservation of living heritage temples in Thailand context*" (Hướng dẫn bảo tồn các ngôi đền di sản trong hoàn cảnh của Thái Lan), năm 2011 của tác giả Bhakhakanok Ratanawaraporn, trường Đại học Silpakorn Thái Lan [206]. Nội dung luận án đã đề cập đến khái niệm bảo tồn DSVH của một số quốc gia và của tổ chức quốc tế; giới thiệu và chỉ ra vai trò và sự cần thiết của việc bảo tồn và phát huy giá trị các ngôi đền di sản của Thái Lan; xác định những giá trị văn hóa của Đảo Rattanakosin và 12 ngôi đền di sản trên đảo này; nghiên cứu cũng đưa ra một số hướng dẫn mẫu trong việc bảo tồn các ngôi đền DSVH tại Thái Lan.

Cuốn sách "*Asean Heritage Management, context, concerns and prospects*" (Quản lý di sản Châu Á, bối cảnh, quan tâm và triển vọng) [188], của hai tác giả Kapila D. Silva và Neel Kamal Chapagain, được xuất bản năm 2013. Cuốn sách được biên tập từ các bài viết của nhiều tác giả. Nội dung cuốn sách nghiên cứu những vấn đề quản lý di sản ở Châu Á. Đồng thời chỉ ra một số bài học kinh nghiệm trong việc bảo tồn, phát huy các di sản này. Các tác giả mới chỉ đề cập một cách khái quát tới hoạt động bảo tồn của các quốc gia nói chung, không đi vào chi tiết hoạt động tham gia bảo tồn các di sản văn hóa của các chủ thể. Dù vậy, công trình cũng cung cấp những thông tin bổ ích, có giá trị tham khảo đến từ nhiều quốc gia trong khu vực.

Cuốn sách "*Heritage: Management, Interpretation, Identity*" (Di sản Quản diển giải, bản sắc) của tác giả Peter Howard, Nxb A&C Black, 2003 [195] Nội dung cuốn sách đã nghiên cứu một vấn đề lớn được thế giới quan tâm, đó là vấn đề di sản và bảo tồn di sản. Theo tác giả, việc thiết lập các biện pháp bảo vệ, bảo tồn, quản lý các di sản thiên nhiên và văn hóa là rất cần thiết trong việc thu hút khách du lịch. Đây là trách nhiệm của các gia đình, các cộng đồng và các quốc gia. Nội dung cuốn sách đã phân chia các di sản thành các nhóm lĩnh vực cảnh quan, di sản thiên nhiên, khu di tích, đồ tạo tác, đài kỷ niệm, các hoạt động và con người, cũng như đề cập tới vai trò, trách nhiệm của các chủ thể.

Cuốn sách "*Transcending the Culture - Nature Divide in Cultural Heritage, Views from the Asia-Pacific Region*" (Vượt qua ranh giới Văn hoá - Thiên nhiên, Di sản Văn hoá nhìn từ Khu vực Châu Á Thái Bình Dương) của Sally Brockwell, Sue O'Connor & Denis Byrne, được Trường Đại học Quốc gia Úc (The Australian National University), xuất bản năm 2013 [196]. Nội dung cuốn sách bao gồm các nghiên cứu của nhiều tác giả về thiên nhiên và văn hoá trong quá trình quản lý DSVH thế giới nhìn từ khu vực Châu Á Thái Bình Dương; Hệ thống quản lý và phong tục của DSVH thế giới ở các đảo Thái Bình Dương; Di sản địa phương và các vấn đề với bảo tồn; thay đổi quan điểm về mối quan hệ giữa di sản, cảnh quan và cộng đồng địa phương; quản lý DSVH ở Papua New Guinea, những cơ chế đang được thực hiện ở khu vực để bảo tồn giá trị các DSVH. Nội dung cuốn sách tập trung vào phạm vi quản lý cho phép, hỗ trợ hoặc ngăn cản mối quan hệ liên tục giữa các khu di sản và phong cảnh thiên nhiên và đưa ra những vấn đề mà các cơ quan gặp phải trong hoạt động bảo tồn và quản lý các khu di sản.

Cuốn sách "*Principles for the Conservation of Heritage Sites in China*" (Những nguyên tắc về bảo tồn các khu di sản ở Trung Quốc), của tác giả Neville Agnew và Martha Demas, được Viện Bảo tồn Getty xuất bản năm 2004 [192]. Nội dung cuốn sách nghiên cứu về nguyên tắc bảo tồn các khu DSVH ở Trung Quốc, được coi là một bản hướng dẫn chuyên môn trong khuôn khổ luật pháp và quy định về bảo tồn các khu di sản. Những nguyên tắc này cũng giải thích một số quy định của pháp luật Trung Quốc về bảo vệ DSVH và là cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề nảy sinh tại các khu di sản

Cuốn sách "*Handbook of Conservation of Heritage Buildings*" (Sổ tay bảo tồn di sản công trình xây dựng) do Central Public Works Department (Cục Công chính Trung ương Ấn Độ) phát hành tại New Delhi, năm 2013 [183]. Cuốn sách giới thiệu tất cả các di sản cổ của Ấn độ được bảo vệ, hướng dẫn về việc bảo tồn những công trình di sản của Ấn Độ, bao gồm: nêu tổng quan về lịch sử công tác

bảo tồn di sản, tiêu chí, phương pháp lập danh sách những hạng mục di sản cần bảo tồn, vẽ sơ đồ, xếp hạng các công trình di sản, giới thiệu những đạo luật và quy định về việc xác lập những khu vực được phép và khu vực cấm tại các di tích, các tổ chức có liên quan, các yếu tố xuống cấp các công trình di sản và kỹ thuật bảo tồn di sản. Nội dung của cuốn sách cho thấy, Chính phủ Ấn Độ đang cố gắng tốt nhất để phục hồi và bảo tồn các di sản cổ của quốc gia mình; điều này cho thấy sự cố gắng, nỗ lực của Chính phủ, để cộng đồng chia sẻ trách nhiệm trong việc tôn trọng, bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị các khu di sản và truyền lại cho các thế hệ mai sau, hiểu và gìn giữ di sản và văn hóa.

Bài viết "*Cultural Heritage Management: A Possible Role for Charters and Principles in Asia*" (Quản lý di sản văn hoá: Vai trò khả dụng của Hiến chương và các nguyên tắc ở Châu Á), của tác giả Ken Taylor, đăng trên tạp chí quốc tế về nghiên cứu di sản, năm 2004 (International Journal of Heritage Studies Vol 10, No. 5, December 2004, p. 417-433) [189]. Nội dung bài viết, tác giả đã chỉ ra những vấn đề của một số quốc gia trong việc áp dụng những bản hiến chương, các nguyên tắc để tăng cường biện pháp quản lý và bảo tồn các giá trị DSVH. Theo tác giả, điều kiện then chốt của những bản hiến chương và công ước là quy trình thiết lập và đánh giá các giá trị di sản; đồng thời đặt ra ý kiến về những bản hiến chương này để quản lý di sản ở Châu Á.

Kế hoạch quản lý các di sản thế giới của UNESCO, "*Hướng dẫn xây dựng, thực hiện và giám sát các kế hoạch quản lý*" [125]. Ấn phẩm này đã được xây dựng với sự trợ giúp của Chương trình hợp tác xuyên biên giới của IPA Adriatica Nội dung của ấn phẩm thuộc trách nhiệm duy nhất của Trung tâm Bảo tồn và Khảo cổ học Montenegro và không phản ánh vị trí của các Cơ quan Chương trình Hợp tác Biên giới Adriatic của IPA. Nội dung của hướng dẫn này nhằm góp phần tăng cường quá trình quản lý các di sản thế giới trên khu vực Adriatic. Qua đây sẽ đưa vào khuôn khổ chương trình để xây dựng, thực hiện các kế hoạch quản lý các di sản thế giới của các nước thuộc vùng

Adriatic. Khi thoả thuận với tổ chức Di sản thế giới thông qua khuôn khổ của Công ước Di sản Thế giới, nhằm nhận dạng, bảo tồn, bảo vệ và truyền tải cho các thế hệ tương lai về DSVH và thiên nhiên thế giới có giá trị trên toàn cầu.

Luận án “*Quản lý nhà nước về di tích quốc gia đặc biệt vùng đồng bằng sông Hồng*” của tác giả Quách Ngọc Dũng, năm 2018 [49]. Nội dung luận án đã đề cập đến thực trạng QLNN về di tích quốc gia đặc biệt vùng đồng bằng sông Hồng. Nội dung bao gồm một số DSVH thế giới ở một số tỉnh/thành phố vùng đồng bằng sông Hồng, như: Di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội), di tích Tràng An (Ninh Bình). Tác giả luận án đã đề xuất một số giải pháp QLNN về di tích quốc gia đặc biệt vùng đồng bằng sông Hồng, trong đó ít nhiều đề cập tới vai trò của các chủ thể trong hoạt động giữ gìn, bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản nổi tiếng này ở Việt Nam.

Bài viết “*Một số kinh nghiệm quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá và thiên nhiên*” của Nguyễn Quốc Hùng, Tạp chí Di sản văn hoá số 3 (2013) [77]. Nội dung được đề cập trong bài viết của tác giả là: Việt Nam đã phê chuẩn và tham gia Công ước về bảo vệ DSVH và thiên nhiên; hoạt động bảo tồn DSVH và thiên nhiên của UNESCO, một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, Đông Á và châu Âu; những công cụ quản lý hữu hiệu để bảo vệ DSVH và thiên nhiên.

Bài viết “*Vấn đề nghiên cứu, áp dụng quy định quốc tế trong thực tiễn bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở nước ta*” của Nguyễn Việt Cường, Tạp chí Di sản văn hoá số 1, (2014) [45]. Nội dung bài viết đã tập trung vào mô hình quản lý các DSVH và thiên nhiên thế giới của UNESCO. Mô hình này bao gồm: cơ cấu tổ chức bộ máy; vị trí, chức năng, và nhiệm vụ và vai trò, có quy chế hoạt động thực hiện chức năng quản lý DSVH ở các quốc gia thành viên. Nội dung bài viết cũng đề cập tới khả năng tài chính, khả năng tư vấn của các tổ chức xã hội và cộng đồng, nhằm hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn DSVH và

thiên nhiên. Nội dung bài viết cũng nhận định, việc nghiên cứu Công ước quốc tế về bảo tồn các DSVH và thiên nhiên ngày càng trở nên cần thiết và quan trọng.

Bài viết *“Một số giải pháp đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá trong thời gian tới”*, của Nguyễn Quốc Hùng [78], Tạp chí Di sản văn hoá số 2 (43), năm 2013, đã đề cập đến các hoạt động quốc tế về DSVH và thiên nhiên ở Việt Nam, hoạt động hợp tác thông qua UNESCO hỗ trợ cho việc bảo tồn DSVH và thiên nhiên của Việt Nam. Tác giả bài viết cho rằng, cần có các giải pháp như: tập trung phát triển năng lực đội ngũ công chức, viên chức; hoàn thiện các quy định pháp luật về DSVH với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn và tham gia; đánh giá và điều chỉnh thích hợp với các quy định pháp luật về DSVH.

Bài viết *“Quản lý di sản ở Việt Nam còn nhiều bất cập”* [115] của tác giả Phương Thúy và Đào Yến. Nội dung bài viết cho thấy, thực trạng QLNN về DSVH thế giới ở một số nơi hiện nay còn hạn chế. Đồng thời, nội dung bài viết cũng nêu ra một số nguyên nhân của bất cập trong quản lý di sản VHVTTCG tại Việt Nam là do: thể chế và chính sách chưa hoàn thiện dẫn tới thiếu quy định, quy chế xử lý vấn đề phát sinh; chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành. Tác giả bài viết cũng cho rằng, cần thiết phải quan tâm đến năng lực của đội ngũ quản lý, kiểm soát các hoạt động về DSVH và thiên nhiên thế giới.

Bài viết *“Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá trong xu thế giao lưu hội nhập, bài học nhìn từ một số quốc gia Châu Á”* của Nguyễn Toàn Thắng, Tạp chí Di sản văn hoá số 1 (42) (2013) [107]. Kết quả nghiên cứu chia sẻ kinh nghiệm của một số quốc gia Châu Á về quản lý và bảo tồn DSVH, như kinh nghiệm của Nhật Bản về bảo tồn, khai thác DSVH; kinh nghiệm của Trung Quốc, Hàn Quốc về giáo dục cộng đồng, huy động cộng đồng xã hội tham gia bảo vệ DSVH. Theo tác giả, Việt Nam cần phải thúc đẩy giao lưu hội nhập trong quá trình phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản

sắc dân tộc; đồng thời, nhận diện và học tập những kinh nghiệm thành công của các quốc gia trong khu vực châu Á Thái Bình Dương về bảo tồn các DSVH.

Tác giả Hà An có bài viết: “*Bộ Văn hóa "siết" quản lý di tích*”, đăng trên Báo mới điện tử, ngày 07/2/2013 [1]. Nội dung bài viết đề cập đến việc tu bổ di sản, di tích ở nhiều nơi còn lộn xộn, tùy tiện. Nguyên nhân là còn nhiều mô hình tổ chức quản lý di sản khác nhau, dẫn đến nhiều bất cập trong quản lý DSVH. Bài viết đã tổng hợp một số hạn chế trong quản lý di sản hiện nay (theo đánh giá của Cục Di sản văn hóa) như: tên gọi của các đơn vị quản lý di tích chưa thống nhất; Sự chòng chẹo về chức năng, nhiệm vụ quản lý di sản; Còn có hiện tượng tranh chấp quản lý nguồn thu giữa ban quản lý di tích với chính quyền địa phương và người trực tiếp trông giữ di tích; Đội ngũ viên chức ban quản lý di tích còn hạn chế về kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Bài viết “*Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa hiện nay*” của tác giả Hoàng Tuấn Anh, đăng trên Tạp chí điện tử Quốc phòng toàn dân ngày 11/8/2014 [5]. Nội dung bài viết đã chỉ ra hiệu quả công tác QLNN về văn hóa trong thời gian qua, như: pháp luật về văn hóa ngày càng được hoàn thiện, tương đối đồng bộ, có giá trị pháp lý cao, góp phần hoàn thiện QLNN về văn hóa; Hệ thống tổ chức bộ máy QLNN về văn hóa được củng cố và kiện toàn. Đội ngũ cán bộ ngày càng được chuẩn hóa. Tuy nhiên, tác giả cũng cho rằng, QLNN về văn hóa vẫn còn nhiều hạn chế: một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức văn hóa thiếu tính chủ động, còn trông chờ vào nhà nước; việc triển khai tổ chức thực hiện thể chế văn hóa còn chậm, một số quy định pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn, một bộ phận cán bộ văn hóa cấp cơ sở luôn biến động, còn nhiều hạn chế về chuyên môn theo yêu cầu của công việc. Chưa tách bạch giữa QLNN với hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sự nghiệp, nhất là trong các lĩnh vực DSVH. Đánh giá về nguyên nhân của hạn chế, tác giả cho rằng, văn hóa là một ngành đa lĩnh vực, phức tạp, nhạy

cảm, mang tính đặc thù cao, nên việc quản lý gặp rất nhiều khó khăn. Quy định pháp luật văn hóa chưa đồng bộ, trùng chéo hoặc còn nhiều khoảng trống. Nguồn lực tài chính dành cho hoạt động quản lý chưa được phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả. Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý ngành quản lý văn hóa còn nhiều hạn chế. Tác giả đã đưa ra 6 giải pháp nhằm đạt được những bước đột phá theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về văn hóa, cụ thể là: củng cố, hoàn thiện thể chế văn hóa; đổi mới QLNN về văn hóa trong điều kiện phát triển Việt Nam; hoàn thiện phương thức quản lý theo hướng đồng bộ, thống nhất; tăng cường trách nhiệm về thanh tra, kiểm tra, giám sát văn hóa của cá nhân và tổ chức; quan tâm bồi dưỡng chất lượng đội ngũ công chức, Viên chức ngành văn hóa; tăng cường phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, đoàn thể trong QLNN về văn hóa.

Bài viết “*Thống nhất đầu mối quản lý di tích về các phòng DSVH*” của tác giả An Ngọc, đăng trên trang tin Vietnamnet.vn tháng 9/2014 [86]. Nội dung bài viết đề cập đến việc kiện toàn bộ máy quản lý di tích theo Công văn số 2946/BVHTTDL-DSVH ngày 27/8/2014 của Bộ VHTTDL, gửi các cơ quan QLNN và UBND các tỉnh/thành phố trong cả nước, yêu cầu kiện toàn bộ máy ban quản lý di tích. Trong đó, địa phương phải thống nhất đầu mối đơn vị tham mưu QLNN về di tích, về các phòng DSVH thuộc các sở VHTTDL. Nội dung công văn cũng nêu rõ, mỗi di tích chỉ có một tổ chức quản lý, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng di tích đã được xếp hạng mà không rõ đơn vị, cá nhân nào được giao trách nhiệm và quyền hạn để bảo vệ, quản lý di tích. Tác giả đã đề cập đến vai trò của một trong các chủ thể quan trọng trong quá trình quản lý, bảo tồn các di sản văn hóa, trong đó có các DSVHVT.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ

1.2.1. Những công trình nghiên cứu ở Việt Nam

Việc bảo tồn và phát huy các giá trị tinh hoa của DSVH dân tộc trong đó có DSVH Thăng Long - Hà Nội là công việc rất quan trọng. Công trình:

"Bảo tồn, phát huy giá trị DSVHVT Thăng Long - Hà Nội" của nhà nghiên cứu Nguyễn Chí Bền [12]; Công trình: "Bảo tồn, phát huy giá trị DSVH phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội" của nhà nghiên cứu Võ Quang Trọng [119], đã làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn kinh nghiệm bảo tồn, phát huy giá trị của DSVH vật thể Thăng Long - Hà Nội, tiếp thu những quan điểm mới về quản lý di sản một số nước trên thế giới để vận dụng vào công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản vật thể Thăng Long - Hà Nội; quan điểm của UNESCO, Đảng và Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH phi vật thể, đồng thời nêu kinh nghiệm một số nước trong công tác này. "Bảo tồn cần phải đi kèm với khai thác, phát huy giá trị DSVH trong đời sống...Bảo tồn cần phải quan tâm đến đặc điểm xã hội trong từng thời điểm cụ thể để có những điều chỉnh phù hợp với thời đại" [119, tr.237]. Một trong những biện pháp hữu hiệu để giữ gìn và phát huy giá trị DSVH là cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức tự giác, trách nhiệm của người dân tham gia vào công tác này. Trên cơ sở chỉ ra những nguy cơ, thách thức của việc phát huy giá trị DSVH và đề xuất các giải pháp nhằm phát huy hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản vật thể Thăng Long - Hà Nội.

Việc tham quan du lịch hiện nay không chỉ đơn thuần là thăm thú cảnh quan, mà du khách còn có nhu cầu tìm hiểu khám phá những nét độc đáo của truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của các điểm đến. Tác giả Nguyễn Văn Đức trong bài viết: "Tổ chức các hoạt động du lịch tại một số di tích lịch sử văn hóa quốc gia của Hà Nội theo hướng phát triển bền vững" [69] đã làm rõ sự kết hợp giữa các đơn vị kinh doanh du lịch với các đơn vị quản lý di tích lịch sử văn hóa để phát triển các sản phẩm du lịch theo hướng phát triển bền vững. Định hướng tổ chức các hoạt động du lịch tại các di tích lịch sử văn hóa theo hướng bền vững bao gồm; thỏa mãn nhu cầu trải nghiệm của khách du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích thông qua tổ chức các hoạt động du lịch hướng tới tự chủ về tài chính, tối đa lợi ích giữa các bên liên quan, bảo vệ môi trường và văn hóa cộng đồng. Tác giả Nguyễn Văn Đức đã

lựa chọn ba di tích lịch sử văn hóa quốc gia ở Hà Nội để nghiên cứu, gồm: Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, di tích Đền Ngọc Sơn, di tích Cổ Loa. Mặc dù nghiên cứu ba di tích trong đó có Văn Miếu - Quốc Tử Giám, song đề tài chỉ nghiên cứu bốn hoạt động cung ứng dịch vụ là: trưng bày hiện vật, hướng dẫn tham quan, biểu diễn nghệ thuật, bán hàng lưu niệm mà chưa nghiên cứu sâu về giá trị DSVH Văn Miếu - Quốc Tử Giám với phát triển du lịch ở Hà Nội.

Dự án “*Nghiên cứu tác động của du lịch biển đối với di sản thế giới Vịnh Hạ Long*” do nhóm chuyên gia đến từ Đại học Kent và Đại học Bradford (Vương quốc Anh) phối hợp với Khoa Du lịch học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội), thực hiện từ tháng 01/2015 [121]. Dự án tập trung vào các tác động kinh tế - xã hội của hoạt động du lịch tới Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long. Sự tác động của yếu tố này đang được nhiều quốc gia quan tâm. Các chuyên gia đã đánh giá, Vịnh Hạ Long không chỉ quan trọng đối với Việt Nam mà còn quan trọng cả với thế giới. Mặc dù Vịnh Hạ Long đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trước sự phát triển các hoạt động du lịch, song không thể phủ nhận những lợi ích về kinh tế mà hoạt động du lịch mang lại. Kết quả nghiên cứu sẽ hỗ trợ việc phát triển di sản thế giới Vịnh Hạ Long. Việc phối hợp trong nghiên cứu đã tạo nên mạng lưới liên kết rộng rãi giữa các học giả, nhà nghiên cứu và quản lý về du lịch, trong đó có phát triển du lịch biển trong khối ASEAN.

Dự án “*Hợp tác quốc tế trong bảo tồn và quản lý Tràng An*” nghiên cứu về cách thích ứng của cộng đồng người tiền sử với những biến đổi về khí hậu, môi trường, cảnh quan khu di sản suốt hơn 30.000 năm qua ở di sản thế giới Tràng An, do nhóm chuyên gia của Trường Đại học Cambridge và Đại học Belfast (Vương quốc Anh) nghiên cứu từ năm 2017 [52]. Dự án được thực hiện nhằm thúc đẩy việc hợp tác quốc tế trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị của di sản thế giới Tràng An. Quan trọng hơn, các nhà khoa học khẳng định, Tràng An là trường hợp hiếm trên thế giới minh chứng cho cách thức con

người sớm tương tác với cảnh quan thiên nhiên và thích ứng với những biến động lớn của môi trường trong liên tục hơn 30.000 năm. Các nghiên cứu của quốc tế và Việt Nam sẽ tiếp tục triển khai dự án hợp tác nghiên cứu về cách thích ứng của người tiền sử ở Tràng An với các chu kỳ biển tiến, biển thoái và các biến đổi của thiên nhiên suốt hàng chục ngàn năm, đồng thời tiến hành các khảo sát ban đầu về đa dạng sinh học tại đây. Đây được đánh giá là dự án quan trọng với thế giới. Trong số hơn 1.000 di sản thế giới, chỉ có hơn 30 di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên của thế giới, Tràng An của Việt Nam là di sản hỗn hợp duy nhất ở Đông Nam Á. Việc tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp tục nghiên cứu giá trị toàn cầu của di sản Tràng An đã khẳng định nỗ lực của Việt Nam và tỉnh Ninh Bình trong việc thực hiện những cam kết với UNESCO.

Hội thảo Quốc tế về “*Bảo tồn và phát huy giá trị của đô thị di sản*” do UBND tỉnh Quảng Nam, Ủy ban Quốc gia UNESCO, Bộ VHTTDL phối hợp tổ chức, ngày 14/6/2017 [126]. Tại hội thảo, Trưởng Đại diện UNESCO tại Việt Nam cho rằng: “Cùng với sự tăng trưởng kinh tế và vai trò ngày càng quan trọng của các đô thị trong tiến trình phát triển chung, vấn đề bảo vệ các thành phố di sản ở các nước đang phát triển ở châu Á không còn phụ thuộc hoàn toàn vào các tổ chức quốc tế. Bên cạnh đó, trước nguy cơ ngày càng gia tăng của thiên tai, biến đổi khí hậu và áp lực đô thị, đòi hỏi phải xác định các biện pháp bảo tồn DSVH phù hợp, trong bối cảnh đô thị đòi hỏi phải có sự cân bằng tinh tế giữa bảo tồn và phát triển. Để Hội An và các di sản đô thị khác ở châu Á tiếp tục tăng trưởng và phát triển bền vững, điều quan trọng là công tác bảo vệ di sản địa phương và thúc đẩy tính sáng tạo ngày càng gắn liền với cuộc sống thực tiễn hàng ngày. UNESCO tin tưởng rằng với 2 thành tố này, chúng ta sẽ đạt được sự phát triển lâu dài và sự kết nối về văn hóa”. Cũng tại hội thảo, đại diện UBND tỉnh Quảng Nam cho rằng, đô thị cổ Hội An đang đứng trước nhiều thách thức mới do biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xói lở bờ biển, lũ lụt, áp lực dân số cùng mặt trái của đô thị hóa và phát triển du lịch,

ảnh hưởng lớn việc bảo tồn di sản. "Những nguy cơ thách thức trong thời gian qua đối với đô thị cổ Hội An cũng chính là tình trạng phổ biến của các đô thị cổ khác trên thế giới. Do đó, cần có sự hợp tác tham khảo, học tập chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau giữa các đô thị và các di sản trong nước và thế giới. Ý kiến đóng góp của các chuyên gia Việt Nam và quốc tế trong công tác bảo tồn các đô thị cổ, sự hợp tác giúp đỡ về khoa học và tài chính của các tổ chức quốc tế nhằm mục đích bảo tồn và phát huy hơn nữa loại hình đô thị di sản này".

Bài viết "*Bảo tồn di sản văn hoá vật thể Cố đô Huế trong giai đoạn hiện nay*" của tác giả Hoàng Đạo Kính, trong tập tiểu luận "Di sản văn hoá - Bảo tồn và trùng tu" [84]. Nội dung bài viết nói về dịp tác giả cùng kiến trúc sư P.Pichard, một chuyên gia của UNESCO, khảo sát các di tích kiến trúc cung đình ở Huế để lập dự án bảo tồn Cố đô Huế. Tình trạng các di tích của Huế khi đó (1978) thật sự nặng nề, đổ nát và thiếu sự bảo tồn. Tuy nhiên, nhờ có những chuyến khảo sát cùng với chuyên gia của UNESCO mà Cố đô Huế đã được đầu tư trùng tu, công cuộc giữ gìn và phát huy giá trị DSVH vật thể Cố đô Huế bước sang một giai đoạn mới. Trong bài viết, tác giả có nêu ra một vài vấn đề về nội dung công việc cần làm để bảo tồn khu di sản, đó là: phải chuyển công việc nghiên cứu, điều tra, kiểm kê và đánh giá về di sản văn hoá vật thể ở Huế sang một giai đoạn mới. Những tư liệu khoa học đã từng đưa ra là chưa đủ trong việc nhìn nhận và đánh giá, đặc biệt chưa đủ yên tâm khi xây dựng các dự án bảo tồn và trùng tu; Cần tiến hành sưu tầm và tập trung mọi tư liệu về DSVH vật thể ở Huế; Tiến hành tổng điều tra, và tư liệu hoá mọi nhân tố cấu thành DSVH vật thể Huế. Việc điều tra và kiểm kê được tiến hành từ nhiều phương diện, theo những tiêu chí thống nhất.

Luận án "*Quản lý Di sản thế giới ở Việt Nam qua trường hợp cố đô Huế và đô thị cổ Hội An*", Trịnh Ngọc Chung (năm 2015) [38]. Nội dung luận án đã đề cập đến: thực trạng hoạt động của Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế và Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hoá Hội An; phân tích, đánh giá

những hạn chế trong QLNN về di sản VHVTG Cố đô Huế và di sản VHVTG đô thị cổ Hội An; đồng thời, đã đề xuất được mô hình tổ chức bộ máy và một số giải pháp QLNN về DSVH Cố đô Huế và đô thị Cổ Hội An.

Bài báo “*Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Nhìn từ góc độ quản lý nhà nước*” của tác giả Đặng Văn Bài (nguyên Cục trưởng Cục Di sản Văn hoá) [8]. Nội dung bài báo nhấn mạnh, Vịnh Hạ Long là một tuyệt tác thiên nhiên của Quảng Ninh và Việt Nam, và là niềm kiêu hãnh lớn lao cho đất nước. Vịnh Hạ Long thể hiện được giá trị thẩm mỹ, cảnh quan thiên nhiên kỳ thú kết hợp giữa biển và núi non với hệ thống hang động có nhũ đá với hình thù kỳ lạ, đa dạng về địa chất và sinh học, có giá trị lịch sử văn hoá, thể hiện qua các di chỉ khảo cổ. Những lý do trên khiến Vịnh Hạ Long có sức hấp dẫn và lôi cuốn khách du lịch trong nước và quốc tế. UBND tỉnh Quảng Ninh đã rất tích cực trong QLNN về di sản văn hoá trong phạm vi địa phương và di sản thiên nhiên thế giới. Từ đó, bài viết đã nêu ra những mặt đã làm được trong quản lý với di sản thiên nhiên thế giới của chính quyền địa phương, ban, ngành, đoàn thể, đồng thời bài viết cũng nêu ra những hạn chế trong quá trình quản lý và đưa ra những nguyên tắc cơ bản về các hoạt động bảo tồn Khu Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long.

Bài báo “*Phát triển du lịch với việc quản lý di sản văn hoá ở Hội An*”, tác giả Nguyễn Thị Thu Hà, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam [74]. Nội dung bài báo nêu những đóng góp của hoạt động du lịch như thế nào cho cộng đồng dân cư địa phương và việc quản lý các DSVH của Phố cổ Hội An. Hội An đã trở thành một trong những trường hợp thành công nhất ở Việt Nam trong việc quản lý và bảo tồn các DSVH, cải thiện mức sống và chất lượng sống của người dân bằng định hướng phát triển hoạt động du lịch. Thành công này là do Hội An có một hệ thống các chính sách liên kết chặt chẽ giữa bảo tồn di sản văn hoá và phát triển du lịch bền vững.

Bài viết “*Những hành vi bị cấm ở di sản vịnh Hạ Long, Quảng Ninh*” [82] của tác giả An Khanh. Trong nội dung bài viết, tác giả cho rằng cần phải

xem xét bổ sung các quy định pháp luật về bảo tồn, khai thác di sản vịnh Hạ Long, đó là cơ sở để việc triển khai thực hiện quản lý các di sản phù hợp với pháp luật Việt Nam và Công ước quốc tế.

Bài viết “*Nhiều sai phạm tại Ban Quản lý Vịnh Hạ Long*” của tác giả Trọng Tài [105]. Nội dung bài viết nêu lên một số vi phạm trong QLNN về DSVH tại Vịnh Hạ Long, như buông lỏng quản lý, thiếu chặt chẽ việc sử dụng nguồn lực tài chính nhà nước và xã hội hóa, làm cho ngân sách thất thu, ảnh hưởng lớn đến nhiệm vụ QLNN về DSVH. Đây là bài học kinh nghiệm mà Lào cần học tập, tham khảo để phát huy tốt vai trò của các chủ thể.

1.2.2. Những công trình nghiên cứu ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Vào những năm 50 của thế kỷ XX, xuất hiện công trình nghiên cứu về nghệ thuật Lào: “*L'Art du Laos*” (Nghệ thuật Lào) của Gendron và Parmentier (1954) [198]. Hai học giả này đã đi đến một công trình nghiên cứu rất công phu về nghệ thuật Lào. Trong công trình nghiên cứu, Gendron và Parmentier đã tiến hành khảo sát toàn bộ các lĩnh vực của kiến trúc tôn giáo và nghệ thuật tạo hình Lào như các chùa tháp, tượng Phật và điêu khắc, trang trí, kiến trúc. Về trang trí, công trình nói trên đã phân tích chủ yếu các mô típ trang trí của nghệ thuật Lào như: ở đầu hồi, cánh cửa. Trong các mô típ trang trí, hoa lá là những yếu tố quan trọng nhất làm nổi bật giá trị thẩm mỹ. Qua cách miêu tả của hai học giả cho thấy việc đề cập đến chủ thể nhân dân một cách gián tiếp, những nghệ nhân, người dân Lào có một thể gởi quan tinh tế và thẩm mỹ cao, bàn tay khéo léo mới có thể tạo ra được những công trình kiến trúc có giá trị thẩm mỹ cao như vậy.

Trong những bài viết in tại kỷ yếu *Hội thảo bảo tồn di sản cùng với kỹ thuật và lịch sử Lào*” do Bộ Thông tin và Văn hóa Lào phối hợp với Viện nghiên cứu Viễn Đông của Pháp (EFEO) tổ chức tháng 2 năm 1996 tại thủ đô Viêng Chăn, “ có công trình của Francis Bizot (EFEO) nhan đề “Bảo vệ di sản” [138]. Công trình này nghiên cứu bảo tồn di sản quốc gia với những tác

động từ khách du lịch. Các DSVH đã tham gia vào quá trình phát triển nhưng cũng có nhiều vấn đề mới nảy sinh như: doanh nhân nước ngoài quá chú trọng đến lợi ích cá nhân, không quan tâm tới lợi ích chung; DSVH dễ bị xâm hại...

Ngoài những vấn đề về bảo tồn di sản, Francis Bizot nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc bảo tồn di sản. Để các di sản thực sự phát huy vai trò quan trọng đó, là ngoài vai trò định hướng của Nhà nước cần phải có sự nhận thức, suy nghĩ và chung tay hành động của cả cộng đồng. Cũng trong tài liệu này, Pierre Pichard là kiến trúc sư của (EFEO) từ Ấn Độ viết bài “Trùng tu” [138]. Bài viết cho chúng ta nhiều kinh nghiệm về việc bảo vệ kiến trúc cổ được làm từ chất liệu đá, đất nung, gỗ của Châu Á. Trong đó, tác giả cũng trình bày rất kỹ về DSVH của từng nước ở châu Á trong tâm thức của con người qua cách nhìn mô phỏng. Đặc biệt, bài viết nhấn mạnh đến các công nghệ xử lý vật liệu và cách thức sử dụng các công cụ để xây dựng nên các di sản. Đây là những yếu tố quan trọng của DSVH cần phải bảo tồn, giữ gìn.

Trong đó Bounthieng Siliraphan nêu lên “Ý kiến chung về nghệ thuật của Lào và trang trí điểm đặc biệt” [138] in trong kỷ yếu Hội thảo "*Bảo tồn di sản cùng với kỹ thuật và lịch sử Lào*". Bounthieng Siliraphan đã trình bày những ý kiến chung về nghệ thuật trang trí Lào và những đặc trưng của các bộ môn nghệ thuật này. Trong đó, Bounthieng Siliraphan chỉ ra một số nguyên nhân làm mất mát và biến dạng các di tích. Ngoài ra, Bounthieng Siliraphan còn giới thiệu về đặc trưng và phong cách nghệ thuật các miền của Lào như: phong cách của nghệ thuật tỉnh Luông Phạ Bàng, giới thiệu các hoa văn, phong cách được thể hiện tại ngôi chùa và ngọn tháp, đồng thời cách vẽ hoa văn để tạo nên tác phẩm nghệ thuật có giá trị về văn hóa. Francis Engelmann trong công trình “Tổ chức bảo vệ di sản trong khu vực” [138] đã trình bày những vấn đề chung của việc bảo vệ di sản dựa vào khái niệm cơ bản về di sản, đưa ra những yếu tố để bảo vệ di sản, trong đó có yếu tố luật pháp, cơ sở hạ tầng, quy trình quản lý. Để bảo vệ di sản, cần đảm bảo tính thống nhất trong nghiên

cứu, chính sách và truyền thông đại chúng. Qua đó, người dân hiểu và có thái độ hợp tác, hành động phù hợp trong bảo vệ di sản. M. Cristoper Pottier, một kiến trúc sư của EFEO Ăng Co (Campuchia) đã viết bài “Tái thiết và trùng tu” [138] bàn về các thành phần, cách trùng tu và tái thiết một công trình, một DSVH. Sự khác biệt của tái thiết với trùng tu biểu hiện ở cách làm việc, quy mô, tần số, cấu trúc, chất lượng và giá trị. Lựa chọn trùng tu hay tái thiết phải dựa trên hiện trạng của di sản các dấu vết lịch sử và các nền văn minh khác nhau.

Năm 1985, Ngô Văn Doanh [48] đã có những nghiên cứu về nghệ thuật Lào bao gồm kiến trúc, điêu khắc và ca múa nhạc kịch. Ngoài bài viết riêng về kiến trúc và điêu khắc Lào, Ngô Văn Doanh còn trình bày về các nghệ thuật trong khu vực trong số bài viết về nghệ thuật Đông Nam Á. Theo đó, Ngô Văn Doanh trong cuốn “Nghệ thuật Đông Nam Á”, đã mô tả rất rõ ràng về các ngả đường Phật giáo vào Lào vào thế kỷ XIV, đạo Phật đã được vua Phạ Ngừm đưa lên địa vị quốc giáo và phát huy ảnh hưởng to lớn tới mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, văn hoá và xã hội Lào. Điều này lý giải vì sao hệ thống chùa phát triển mạnh trong giai đoạn này với những đặc trưng về kiến trúc nghệ thuật. Thông qua công trình nghiên cứu của tác giả cho thấy vai trò của Nhà nước là rất quan trọng trong việc thúc đẩy không chỉ tôn giáo phát triển gắn liền với nơi thờ tự mà còn định hướng tạo nên những kiến tác kiến trúc cho các thế hệ... nếu thiếu vắng những nỗ lực chỉ đạo thúc đẩy của chính quyền Nhà nước (phong kiến). Chúng ta không thể có những DSVHVT như ngày nay.

Năm 2009, Arne Kislenko viết tác phẩm “*Culture and Customs of Laos*” (Văn hóa và Phong tục của Lào) [181], công trình này đã giới thiệu về vùng đất và con người của quốc gia Lào bao gồm lịch sử ngắn gọn và tổng quan về nền kinh tế. Tiếp theo là các chương liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau, tạo nên một bức tranh toàn cảnh về văn hóa bao hàm cả tư tưởng, tôn giáo, dân tộc học, văn học, các loại hình nghệ thuật, kiến trúc và nhà ở, ẩm thực, trang phục truyền thống, giới tính, tình yêu và hôn nhân, lễ hội và các hoạt động giải trí, âm nhạc

và khiêu vũ, lối sống. Trong chương 6: Kiến trúc và thiết kế: lịch sử kiến trúc và kiến trúc truyền thống, Arne Kislenko nhấn mạnh: “Kiến trúc truyền thống ở Lào phản ánh chủ yếu các ảnh hưởng từ: Ấn Độ, Khme, Miến Điện, Thái Lan và Trung Quốc. Thật không may, phần lớn các di sản cổ xưa của đất nước đã bị mất trong nhiều thế kỷ do chiến tranh và bỏ bê, nhưng vẫn có những địa điểm minh họa cho vẻ hùng vĩ trong quá khứ của nó. Đặc biệt, Lào có một loạt các ngôi chùa Phật giáo được xem là thú vị và quan trọng nhất trong số những công trình kiến trúc tôn giáo nổi tiếng trên thế giới” [181, tr. 95].

Năm 2003, Thongmy Duansakda với công trình “*Vất Xi Xạ Kệt: Nghệ thuật kiến trúc và điêu Khắc*” [113] với hai nội dung chính: Nội dung thứ nhất nghiên cứu về đạo Phật và sự phát triển của chùa ở Lào, xác định vị trí, lịch sử ra đời của Vất Xi Xạ Kệt. Nội dung thứ hai nghiên cứu nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc tượng và nghệ thuật tạo tác đồ thờ. Thongmy Duansakda giới thiệu một số pho tượng Phật chính đặt ở trong không gian thờ tự và viết về lễ hội ở chùa Xi Xạ Kệt, đây là các giá trị trong đời sống văn hoá của cộng đồng cư dân các bộ tộc Lào. Qua đó góp phần khẳng định thêm giá trị của nghệ thuật tạo hình trong các ngôi chùa Lào ở thủ đô Viêng Chăn mà chùa Xi Xạ Kệt là một trong trường hợp tiêu biểu.

Năm 2003, Bunnam Phongbuapheun công trình “*Mỹ thuật Phật giáo Lào thế kỷ XVI - XVII ở thủ đô Viêng Chăn*” [141] đã dành một chương để viết về mỹ thuật Phật giáo Lào. Chương này tập trung vào ba nội dung chính: kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc tượng tròn và nghệ thuật hội họa. Về kiến trúc Phật giáo, đã nêu quá trình hình thành, đặc trưng kiến trúc chùa, các cụm kiến trúc và chức năng của nó trong bố cục tổng thể ngôi chùa. Bên cạnh đó, giới thiệu một số ngôi chùa tiêu biểu ở thủ đô Viêng Chăn, phân tích và nghiên cứu khá kỹ về điêu khắc tượng Phật thế kỷ XVI - XVII, đã phân tích những giai đoạn về đặc điểm lịch sử xã hội ảnh hưởng đến nghệ thuật tạc tượng từ các nghiên cứu ở các nước trong khu vực, đã có những nghiên cứu vượt trội và sáng tạo.

Bunnam Phongbuapheun cũng dành một chương để đề xuất một số giải pháp về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa mỹ thuật Phật giáo Lào trong thời đại hiện nay.

Năm 2007, Chome Khathoumphon viết bài “*Công viên Phật Xiêng Khuan với hoạt động du lịch ở thủ đô Viêng Chăn*” [37] đã cho hiểu rõ hơn về Công viên Phật Xiêng Khuan - di tích tiêu biểu ở thủ đô Viêng Chăn, với kiến trúc hoành tráng, độc đáo, đặc sắc riêng biệt của nền kiến trúc Phật giáo Lào. Ý nghĩa của công viên đối với đời sống và sự phát triển kinh tế xã hội của Lào, thực trạng hoạt động du lịch và một số giải pháp xây dựng công viên Phật Xiêng Khuan trở thành điểm du lịch hấp dẫn của thủ đô Viêng Chăn.

Năm 2008, Sophie Clement - Charpentier và Piere Clément viết bài “*Les debuts de Vientiane, capital colonial*” (Sự khởi đầu của thủ đô thuộc địa, Viêng Chăn) [205]. Bài báo này gợi lại sự khởi đầu của Viêng Chăn dưới thời thuộc địa Pháp trong những năm cuối của thế kỷ XIX, đề cập đến bối cảnh lịch sử và các vấn đề khác nhau nảy sinh khi người Pháp xây dựng trung tâm hành chính của họ. Thủ đô của Lào đã bị lãng quên bởi người Xiêm năm 1828, dần dần được xây dựng lại, sau khi xóa bỏ các công trình hiện có như tường thành và đền thờ của Pháp, các khái niệm về trật tự không gian và tượng đài chồng chất lên cấu trúc không gian của thị trấn Lào cổ.

Năm 2010, Himmakone Manotham công trình “*Thủ đô Chăn 450 năm, nguồn gốc thủ đô Viêng Chăn*” [157] đã xuất bản 5 tập đề cập đến lịch sử thủ đô Chăn, nhân dịp kỷ niệm 450 năm thành lập thành phố Viêng Chăn, tập 2 viết về thủ đô Viêng Chăn ở Vương quốc Lan Xạng năm 1560 - 1893, mô tả sự thịnh vượng về văn hóa, như việc tạo dựng các di tích, đặc biệt là những ngôi đền cổ có ý nghĩa văn hóa quan trọng ở Viêng Chăn thời bấy giờ như là Cung điện hoàng gia, tập 3 viết về Viêng Chăn thời Pháp thuộc, đã chỉ ra một môi trường kinh tế xã hội giai đoạn 1883 - 1945, nơi DSVH Phật giáo đã được khôi phục cũng như việc xây dựng đường phố, văn phòng và các tòa nhà.

Năm 2010, Luận án tiến sĩ “*Nghệ thuật tạo hình ngôi chùa Lào ở thủ đô Viêng Chăn*” BuaNgeun Phimmachak [140] đã đề cập đến mỹ thuật Phật giáo, nghệ thuật tạo hình ngôi chùa Lào; tìm hiểu quá trình du nhập Phật giáo, ảnh hưởng của nó đối với đời sống bản mường Lào và nền nghệ thuật Lào qua tiến trình lịch sử; nghiên cứu những giá trị văn hóa điển hình của mỹ thuật Phật giáo, đặc biệt là nghệ thuật tạo hình chùa, tháp, xác định giá trị tạo hình tượng, phù điêu, tranh tường của Lào, điển hình là ở thủ đô Viêng Chăn, đã phân tích giá trị và những tác động tích cực của nó đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và đề ra một số giải pháp về bảo tồn và phát huy giá trị vốn có của chúng. Buangeun Phimmachak cho rằng: “Nghệ thuật tạo hình chùa Lào nói chung và các ngôi chùa ở thủ đô Viêng Chăn nói riêng là những DSVH độc đáo, có giá trị trong nền văn hóa truyền thống của đất nước Lào, có thể coi đó là những biểu tượng của quốc gia và là giá trị văn hóa gắn với quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo vào Lào” [140, tr.76].

Năm 2011, Phadone Insaveang đã viết bài “*Di sản văn hóa cổ đô Luông Phạ Bàng với việc phát triển du lịch*” [90]. Dưới góc nhìn Văn hóa học, Phadone Insaveang nghiên cứu các DSVH cổ đô Luông Phạ Bàng nhằm khai thác những giá trị của nó để phục vụ cho du lịch một cách khoa học và hiệu quả. Trong công trình này tác giả đã nghiên cứu các DSVHVT và phi vật thể ở Luông Phạ Bàng, đi sâu phân tích các công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật đặc sắc như kiến trúc chùa tháp Phật giáo, đặc điểm chung về kiến trúc chùa ở Luông Phạ Bàng, kiến trúc tháp tiêu biểu, nghệ thuật điêu khắc tượng Phật, kiến trúc kiểu Pháp, kiến trúc nhà cổ kiểu Lào...

Năm 2012, nhân dịp lễ kỷ niệm Vesak ở Chăn, ngày 16 tháng 11 năm 2012, Cục Di sản, Bộ Thông tin và Văn hóa (nay là Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch) đã xuất bản cuốn sách “*Nhà cột mốc ở thành phố Chăn*” [147]. Cuốn sách này đã nêu kết quả khảo sát cột mốc cổ trên đường ở khu vực trung tâm thành phố. Đây là bằng chứng quan trọng cho khảo cổ về nền văn minh ở Lào.

Các di tích đó cũng cho thấy các phong tục truyền thống và tín ngưỡng cổ xưa của người Lào về xây dựng một ngôi nhà, xây dựng một thành phố cũng như một khu định cư của người Lào trước đây. Có thể nói, đó là sự tổng hợp các sự kiện lịch sử, cũng như DSVH quốc gia. Điều đó rất hữu ích cho người học, nghiên cứu và tìm hiểu về tầm quan trọng của các DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn.

Năm 2002, ngoài những nhà nghiên cứu phương Tây và nhà nghiên cứu Việt Nam, các học giả Thái Lan cũng nghiên cứu về di tích lịch sử văn hóa ở Lào. Nổi bật là Somkiart Lophetsarat nghiên cứu “*Lao Buddha: the image and its history*” (Lịch sử xây dựng hình tượng Phật Lạn xạng) [209], và Sangoan Lotboun “Nghệ thuật Phật giáo Lào” [208]. Các công trình này đã phác họa hình tượng Phật ở Lào với những đặc trưng rất riêng, khẳng định những giá trị quý báu mà nhân dân Lào cần phải giữ gìn, phát huy

Năm 2011, Kheungkeo Keopaseuth viết bài “*Những giá trị văn hóa nghệ thuật của chùa Xi Mưòng, quận Xi Xạt Tạ Nác, thủ đô Viêng Chăn*” [83] đã nghiên cứu sự ra đời của chùa Xi Mưòng theo truyền thuyết và sử liệu gắn liền với sự du nhập của Phật giáo vào thủ đô Viêng Chăn nói riêng và đất nước Lào nói chung, cũng khảo sát thực trạng các giá trị văn hóa vật thể (bao gồm kiến trúc, điêu khắc, hội họa, trang trí...) và các giá trị văn hóa phi vật thể (bao gồm các lễ hội truyền thống của chùa) của một khu vực của thủ đô. Từ đó, đã đề xuất giải pháp nhằm bảo tồn, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa của khu di tích lịch sử chùa Xi Mưòng.

Năm 2013, Luận án tiến sĩ “*Vientiane - Sim: Form, Aesthetic and Symbol*” (Viêng Chăn - Xim: Mô hình, Thẩm mỹ và Biểu tượng) của Khamsouk Keovongxay [207] bàn luận về màu sắc, hình thức và bản sắc của Viêng Chăn trong giai đoạn [1560-1974]. Một phần luận án này đã chỉ ra sự ra đời của Phật giáo vào Lào khi thiết lập vương quốc Lạn Xạng. Trong thời điểm đó, vương quốc phải lấy tháp làm trung tâm với hoàng cung và nhà ở để mở rộng thành phố. Ví dụ, khi thành lập Viêng Chăn là thủ đô đầu tiên,

vua Xay Xết Thạ Thi Lát đã xây dựng tháp Thạt Luổng ở Viêng Chăn trước và 120 chùa nữa ở hai bên sông Mê Kông như: Chùa Xi Mường, chùa Ông Tư, chùa In Peng, chùa Phô Thi Xạ Lát, chùa Phạ Xay Xết Thả Thi Lát, chùa Thạt Luổng v.v..

Năm 2015, Phonesit Yernsengsuly với công trình “*Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, trang trí Vất Xi Xạ Kệt, thủ đô Viêng Chăn, Lào*” [92] đã nghiên cứu chuyên sâu về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, trang trí của Vất Xi Xạ Kệt và xác định giá trị nghệ thuật của ngôi chùa tiêu biểu cho văn hoá vật chất của thủ đô, đồng thời cũng tìm hiểu về các giá trị truyền thống, các hình thức trang trí, hình tượng, ý nghĩa, phong cách nghệ thuật trên công trình Phật giáo tiêu biểu này tại thủ đô Viêng Chăn.

Trong luận án tiến sĩ kinh tế của Phutsady Phanyasith chỉ ra nguyên nhân hạn chế trong QLNN bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở Lào. Từ đó, tác giả đưa ra một số giải pháp: Tăng cường công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về du lịch; đẩy mạnh tổ chức thực hiện pháp luật về du lịch; tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra trong xử lý vi phạm hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với HDDL; tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất trong lĩnh vực du lịch; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đối với QLNN bằng pháp luật đối với lĩnh vực HDDL [92].

1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ

Bên cạnh các công trình chuyên khảo, trên các tạp chí khoa học còn có nhiều bài viết đề cập đến vấn đề này như:

Nguyễn Văn Hùng (1996), trong bài "*Vấn đề bảo vệ cổ vật trong các di tích lịch sử văn hóa ở Hà Nội*" đăng trên Tạp chí Văn hóa nghệ thuật [79], đã chỉ ra thực trạng có nhiều trường hợp cổ vật bị đánh cắp trong các di tích ở Hà Nội, vấn đề đặt ra là làm thế nào để bảo vệ vốn di sản vô giá đó, thiết nghĩ cần

phải có sự phối kết hợp giữa Nhà nước và người dân nâng cao nhận thức về giá trị của vốn văn hóa truyền thống nằm trong cổ vật, đồng thời có hành động thiết thực bảo vệ của mỗi công dân đối với cổ vật trong các di tích lịch sử văn hóa ở Hà Nội.

Trần Thị Hồng Yến, Thạch Thiết Hà (2007), trong bài "*Bảo vệ DSVH truyền thống ở các làng xã được chuyển thành phường tại Thủ đô Hà Nội hiện nay*", đăng trên Tạp chí Dân tộc học [132], đã phân tích giá trị DSVH truyền thống các làng xã, đồng thời, khẳng định sự cần thiết phải bảo vệ và đưa ra giải pháp thực hiện việc bảo vệ DSVH truyền thống ở các địa danh nông thôn khi được chuyển thành phường tại thủ đô Hà Nội gần đây.

Nguyễn Danh Tiên (2014), với bài "*Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*", đăng trên Tạp chí Cộng sản [116], đã nêu rõ việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Hà Nội cần chú ý đến các vấn đề: Nâng cao vai trò lãnh đạo và tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy đảng và của từng đảng viên đối với sự nghiệp phát triển văn hóa Thủ đô, cũng như trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của Hà Nội. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về văn hóa, đồng thời, không ngừng nâng cao trình độ lãnh đạo và quản lý văn hóa. Chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH, tín ngưỡng của Thủ đô đi đôi với không ngừng tiếp biến văn hóa toàn nhân loại. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động văn hóa và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật và xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa đáp ứng yêu cầu. Từ bài viết của tác giả, có thể đối chiếu, tìm thấy những mẫu số chung trong quá trình ban hành các chính sách, hoạt động quản lý, bảo tồn các di sản văn hóa nói chung, DSVHVT nói riêng ở cả hai thủ đô và Viêng Chăn học được nhiều kinh nghiệm quý từ công tác bảo tồn của thủ đô Hà Nội.

Bài viết "*Quản lý nhà nước về DSVH - những vấn đề đặt ra và giải pháp hoàn thiện*" của tác giả Nguyễn Khánh Tùng, Trần Bá Hùng [123], Tạp

chí Quản lý nhà nước điện tử, số 301, tháng 02/2021. Nội dung bài viết đề cập đến vai trò ngày càng quan trọng của DSVH trong quá trình phát triển đất nước, thời kỳ Công nghiệp hóa - hiện đại hóa; tập trung phân tích một số thực trạng QLNN về DSVH ở Việt Nam, từ đó, bài viết nêu ra 4 giải pháp, như: hoàn thiện pháp luật và chính sách; nâng cao nhận thức luật pháp văn hóa cho cán bộ, công chức và người dân; phát triển năng lực đội ngũ cán bộ QLNN; tăng cường hoạt động kiểm soát. Từ những nội dung trình bày trong bài viết, luận án nhận được những gợi mở hữu ích trong việc xây dựng các đề xuất giải pháp cho việc phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn các DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn hiện nay.

Những công trình khoa học nghiên cứu về văn hóa, DSVH cũng như công tác bảo tồn, phát huy các giá trị DSVH Hà Nội đã đề cập đến những vấn đề lý luận chung về DSVH; mô tả đậm nét những di tích lịch sử, DSVHVT; nêu thực trạng bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH; đề xuất phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tất cả những dữ liệu thông tin từ các công trình sẽ là nguồn tri thức quý giá để tham khảo hoàn thiện luận án một cách tốt nhất.

1.4. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.4.1. Khái quát kết quả các công trình đã tổng quan

Các công trình nghiên cứu về DSVH, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH khá phong phú về thể loại, bao gồm sách, báo, tạp chí, đề tài và kỷ yếu hội thảo khoa học, thể hiện rõ sự quan tâm của các tổ chức, cá nhân các nhà khoa học trong và ngoài nước.

Các công trình nghiên cứu nêu trên được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như triết học, văn hóa học, lịch sử văn hóa, quản lý văn hóa, bảo tồn bảo tàng, du lịch... và sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu như phân tích, tổng hợp, so sánh, lịch sử, lôgic, v.v... Sự đa dạng trong cách tiếp cận và

phương pháp nghiên cứu đã cung cấp cho nghiên cứu sinh "phông" kiến thức khá đầy đủ về văn hóa, về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH; giúp nghiên cứu sinh có cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu đa diện hơn với sự phân tích, luận giải bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trong mối quan hệ biện chứng và tác động tương hỗ với các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về vai trò của chủ thể trong việc bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn.

Hầu hết các công trình nghiên cứu được luận giải dưới góc độ văn hóa học, lịch sử văn hóa, quản lý văn hóa, bảo tồn bảo tàng, du lịch... Một số công trình có đề cập đến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về văn hóa, về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Khái quát lại, các công trình nghiên cứu nêu trên đã đạt được một số kết quả sau:

Một là, các học giả, nhà nghiên cứu đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến vấn đề các chủ thể về bảo tồn DSVHVT, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy DSVHVT, thực trạng bảo tồn phát huy giá trị DSVHVT, công tác bảo tồn phát huy, những ưu điểm, nhược điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, những vấn đề đặt ra trong việc bảo tồn và phát huy DSVHVT của cả nước nói chung và thủ đô Viêng Chăn nói riêng dưới nhiều góc độ lý luận và thực tiễn khác nhau.

Hai là, có nhiều công trình đi sâu nghiên cứu làm rõ tầm quan trọng của các chủ thể, bảo tồn DSVHVT trong đời sống xã hội; đi sâu nghiên cứu lý luận các chủ thể, khái niệm DSVH, DSVHVT, những đặc điểm của các loại hình di sản và vấn đề quản lý di sản trong xu thế mới, nhấn mạnh đến tính thời đại và nhu cầu của con người trong việc khai thác, bảo tồn và phát triển bền vững các chủ thể trong bảo tồn DSVH nói chung và DSVHVT nói riêng.

Ba là, các công trình dù tiếp cận văn hóa, DSVHVT theo nhiều cách khác nhau, nhưng đều khẳng định quan điểm của Đảng NDCM Lào: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự

phát triển; nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nền văn hóa Lào là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Lào.

Như vậy, các công trình khoa học được đề cập dưới các góc độ tiếp cận khác nhau những đều là những kết quả đáng trân trọng. Do đối tượng và phạm vi nghiên cứu khác nhau nên hầu hết các công trình nghiên cứu bảo tồn, giữ gìn và phát huy DSVHVT thuần túy dưới góc độ văn hóa học, lịch sử văn hóa, quản lý văn hóa, bảo tồn bảo tàng, du lịch... mà chưa đề cập nhiều đến các chủ thể về bảo tồn DSVHVT và mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy DSVHVT với tác động của kinh tế thị trường, giữa giữ gìn với phát triển. Có thể khẳng định rằng, cho đến nay, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách chuyên biệt về phát huy vai trò các chủ thể đối với bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT từ đời mới đến nay.

Vì vậy, trên cơ sở kế thừa và tiếp thu kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, việc bổ sung vào khoảng trống các vấn đề nghiên cứu còn bỏ ngỏ để hoàn thiện thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc bảo tồn và phát huy DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn là hướng phát triển nghiên cứu tiếp theo.

1.4.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu tổng quan cho thấy, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu DSVHVT ở các địa bàn riêng lẻ khác nhau; các công trình nêu trên chưa chú trọng tới việc phân tích, lý giải cơ sở khoa học phát huy vai trò của các chủ thể đối với DSVHVT dưới góc độ bảo tồn. Những cơ sở lý luận liên quan đến phát huy vai trò của các chủ thể về bảo tồn di sản VHVT chưa được triển khai nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống. Một số khoảng trống về trong khuôn mặt lý luận nói trên nhất thiết cần phải được triển khai nghiên cứu khổ đề tài luận án. Vấn đề thống nhất quản lý và phân cấp, phân quyền đối với di sản VHVT tại thủ đô Viêng Chăn, sự phối hợp trong phát huy vai trò của các chủ thể về bảo tồn di sản VHVT hầu như chưa

được đề cập đến trong các nghiên cứu. Xu hướng liên kết trong PHVTCCT về bảo tồn DSVHVT giữa các địa phương có DSVHVT tại thủ đô Viêng Chăn cũng chưa được nghiên cứu rõ nét. Các nghiên cứu trong lĩnh vực DSVHVT được công bố còn ít, chủ yếu là các bài nghiên cứu chuyên khảo trên các tạp chí chuyên ngành, các ấn phẩm khoa học độc lập. Chưa có công trình nào nghiên cứu mang tính toàn diện, hệ thống, chuyên sâu dưới góc độ chuyên ngành chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử về, thực trạng và giải pháp để tiếp tục hoàn thiện DSVHVT tại thủ đô Viêng Chăn. Vì vậy, nghiên cứu đề tài luận án sẽ tiếp tục làm rõ những nội dung sau:

Thứ nhất, luận án xác lập mục tiêu và phạm vi nghiên cứu theo hướng vừa kế thừa tri thức quốc tế và kinh nghiệm khu vực, vừa bám sát bối cảnh đặc thù của Viêng Chăn. Trọng tâm không dừng ở việc mô tả di sản hay đánh giá tình trạng xuống cấp, mà đi vào phân tích cơ chế phát huy vai trò chủ thể trong toàn bộ chu trình bảo tồn, từ nhận diện giá trị, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, huy động nguồn lực, giám sát, đến phát huy giá trị trong đời sống văn hóa và phát triển du lịch đô thị. Phạm vi không gian được xác định là thủ đô Viêng Chăn với hệ thống di sản vật thể tiêu biểu, đặc biệt là các chùa tháp, công trình Phật giáo và các dấu tích kiến trúc lịch sử gắn với bản sắc đô thị.

Thứ hai, luận án dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm phân tích vai trò các chủ thể như một hệ quan hệ xã hội vận động. Theo đó, vai trò chủ thể trong bảo tồn di sản được xem là kết quả của sự tác động qua lại giữa điều kiện kinh tế xã hội, thiết chế chính trị pháp lý, nhu cầu văn hóa tinh thần, cấu trúc cộng đồng và tác động của toàn cầu hóa, đô thị hóa, du lịch hóa. Luận án định hướng nhận diện những mâu thuẫn khách quan như mâu thuẫn giữa bảo tồn tính nguyên gốc với nhu cầu khai thác kinh tế, mâu thuẫn giữa lợi ích ngắn hạn và phát triển bền vững, mâu thuẫn giữa yêu cầu quản lý thống nhất và tính đa dạng chủ thể tham gia, mâu thuẫn giữa chuẩn mực bảo tồn chuyên môn và tập quán địa

phương. Trên cơ sở nhận diện mâu thuẫn, luận án làm rõ khả năng chuyển hóa mâu thuẫn thành động lực phát triển thông qua thiết kế thể chế, cơ chế phối hợp và nâng cao năng lực chủ thể.

Thứ ba, luận án xây dựng khung phân tích chủ thể theo hướng hệ thống và phân tầng. Một là, chủ thể lãnh đạo và định hướng chính trị, bao gồm các cơ quan lãnh đạo có thẩm quyền trong việc hoạch định đường lối, mục tiêu bảo tồn gắn với phát triển thủ đô. Hai là, chủ thể quản lý nhà nước, gồm cơ quan văn hóa, du lịch, quy hoạch xây dựng, tài chính, giáo dục, môi trường và chính quyền địa phương các cấp chịu trách nhiệm ban hành, tổ chức thực thi, kiểm tra giám sát. Ba là, chủ thể chuyên môn, gồm các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, chuyên gia bảo tồn, kiến trúc sư, nhà khảo cổ, bảo tàng, các tổ chức nghề nghiệp. Bốn là, chủ thể cộng đồng, gồm cư dân địa phương, cộng đồng tín đồ, các nhóm gắn bó trực tiếp với chùa tháp và không gian di sản, lực lượng tình nguyện và các thiết chế tự quản. Năm là chủ thể thị trường và xã hội, gồm doanh nghiệp du lịch, dịch vụ, nhà tài trợ, truyền thông, du khách, cùng các tổ chức quốc tế tham gia hỗ trợ kỹ thuật và tài chính. Điểm nhấn của luận án là làm rõ vai trò, lợi ích, trách nhiệm, quyền hạn của từng nhóm, đồng thời chỉ ra cơ chế phối hợp và điều tiết để tránh xung đột lợi ích và bảo đảm mục tiêu bảo tồn bền vững.

Thứ tư, về nội dung nghiên cứu thực trạng, luận án định hướng khảo sát có hệ thống các biểu hiện vai trò chủ thể trong các khâu cụ thể của bảo tồn di sản ở Viên Chăn. Ở khâu nhận diện và kiểm kê, luận án đánh giá mức độ đầy đủ của dữ liệu di sản, chất lượng hồ sơ khoa học, khả năng phân loại và xếp hạng, mức độ tham gia của chuyên gia và cộng đồng. Ở khâu lập kế hoạch và triển khai, luận án xem xét tính đồng bộ giữa quy hoạch đô thị và quy hoạch bảo tồn, năng lực tổ chức thực hiện dự án trùng tu, cơ chế lựa chọn nhà thầu, giám sát chất lượng, cũng như mức độ tuân thủ chuẩn mực chuyên môn. Ở khâu huy động nguồn lực, luận án phân tích cơ chế ngân sách, xã hội hóa,

đóng góp cộng đồng, hợp tác quốc tế, và cách phân bổ nguồn lực theo ưu tiên bảo tồn. Ở khâu phát huy giá trị, luận án đánh giá mô hình gắn di sản với du lịch văn hóa, giáo dục di sản, hoạt động lễ hội, truyền thông, cùng tác động của công nghệ và mạng xã hội đến cách tiếp cận di sản. Từ thực trạng, luận án làm rõ nguyên nhân của hạn chế, trong đó chú ý nguyên nhân thể chế, năng lực quản trị, cơ chế phối hợp, nhận thức cộng đồng, lợi ích kinh tế và sức ép đô thị hóa.

Thứ năm, về hướng đề xuất giải pháp, luận án định vị giải pháp theo quan điểm bảo tồn gắn với phát triển bền vững và quản trị đô thị hiện đại của Việt Nam. Nhóm giải pháp thứ nhất là hoàn thiện chính sách và pháp luật về di sản văn hóa vật thể, bảo đảm rõ thẩm quyền, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, chế tài xử lý vi phạm, đồng thời bảo đảm tính tương thích với các nguyên tắc quốc tế và điều kiện Lào. Nhóm giải pháp thứ hai là kiện toàn tổ chức bộ máy và cơ chế phối hợp liên ngành, xác lập đầu mối rõ ràng, xây dựng quy chế phối hợp giữa văn hóa, du lịch, xây dựng, quy hoạch, tài chính và các thiết chế tôn giáo, cộng đồng; tăng cường cơ chế giám sát độc lập và trách nhiệm giải trình. Nhóm giải pháp thứ ba là phát triển nguồn nhân lực và năng lực chuyên môn, chú trọng đào tạo chuyên gia trùng tu, kiểm kê, bảo tàng, diễn giải di sản; bồi dưỡng cán bộ quản lý di sản cấp cơ sở; xây dựng mạng lưới chuyên gia trong nước kết nối quốc tế. Nhóm giải pháp thứ tư là huy động và quản lý hiệu quả nguồn lực, đa dạng hóa nguồn tài chính, thúc đẩy xã hội hóa có điều tiết, gắn tài trợ với mục tiêu bảo tồn, minh bạch hóa sử dụng nguồn lực và ưu tiên di sản có nguy cơ xuống cấp cao. Nhóm giải pháp thứ năm là phát huy vai trò cộng đồng và giáo dục di sản, xây dựng cơ chế tham gia thực chất của cộng đồng trong giám sát, bảo vệ, hướng dẫn ứng xử, đồng thời phát triển chương trình giáo dục trong nhà trường và truyền thông đại chúng. Nhóm giải pháp thứ sáu là quản lý du lịch di sản có trách nhiệm, thiết kế sản phẩm du lịch văn hóa phù hợp sức chịu tải di sản, kiểm soát tác động thương mại hóa, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa nhà nước, cộng đồng và doanh nghiệp. Nhóm giải pháp thứ bảy là ứng dụng khoa học công nghệ, số hóa di sản, xây dựng cơ sở dữ

liệu thống nhất, ứng dụng công nghệ trong quan trắc, cảnh báo rủi ro, quản lý hồ sơ tu bổ và truyền thông số về di sản.

Thứ sáu, về đóng góp dự kiến của luận án trong trường nghiên cứu, hướng nghiên cứu thể hiện ở ba điểm nổi bật. Thứ nhất là hệ thống hóa khung lý luận về phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể theo tiếp cận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, từ đó làm rõ logic vận động của quan hệ chủ thể và điều kiện bảo tồn trong bối cảnh đô thị. Thứ hai là khảo sát thực trạng vai trò chủ thể ở Viêng Chăn một cách có cấu trúc, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân theo nhóm chủ thể và theo khâu bảo tồn, qua đó tránh tình trạng nhận xét chung chung. Thứ ba là đề xuất hệ giải pháp theo hướng khả thi, gắn với chiến lược phát triển thủ đô Viêng Chăn và điều kiện thể chế của Lào, nhấn mạnh cơ chế phối hợp, phân cấp, huy động nguồn lực và phát huy cộng đồng, nhằm tạo chuyển biến thực chất trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể hiện nay.

Thứ bảy, trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu đã cung cấp, luận án có thể xác định rõ tính kế thừa và tính phát triển. Kế thừa ở chỗ tiếp thu hệ tri thức về quản lý di sản, du lịch bền vững, nguyên tắc trùng tu, kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam, cùng các nghiên cứu mô tả lịch sử nghệ thuật, kiến trúc, chùa tháp ở Lào. Phát triển ở chỗ tập trung vào mối quan hệ giữa các chủ thể như một hệ thống hành động có cơ chế vận hành, đề cao quản trị, thể chế, phối hợp và trách nhiệm, đồng thời đặt di sản Viêng Chăn trong bối cảnh đô thị hóa và hội nhập, từ đó xây dựng giải pháp vừa đúng về khoa học, vừa sát về thực tiễn, đáp ứng yêu cầu bảo tồn bền vững di sản văn hóa vật thể của thủ đô Viêng Chăn trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu đề tài luận án “Phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào” trong giai đoạn tới có tính cấp thiết, tính thời sự, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Đề tài luận án Phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào là công trình khoa học, nghiên cứu chuyên sâu dưới góc độ luận án tiến sĩ, chuyên ngành chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Tiểu kết chương 1

Bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị DSVHVT có vai trò quan trọng trong phát triển của các quốc gia. Bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị DSVHVT không chỉ là trách nhiệm của riêng từng quốc gia, mà còn là trách nhiệm chung của cộng đồng quốc tế. Do vậy, chương I của luận án đã tập trung nghiên cứu tổng quan các công trình có liên quan đến đề tài luận án. Đó là những công trình nghiên cứu của các tổ chức và cá nhân các nhà khoa học của Lào và nước ngoài về DSVH, DSVHVT tại thủ đô Viêng Chăn và phát huy các chủ thể về bảo tồn DSVHVT đó ở các khía cạnh khác nhau, nghiên cứu tìm hiểu những kinh nghiệm quốc tế trong phát huy các chủ thể về bảo tồn DSVHVT để có thể áp dụng trong phát huy vai trò các chủ thể đối với hoạt động bảo tồn DSVHVT ở Viêng Chăn.

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước có liên quan, luận án rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, luận án đã tổng quan được kết quả nghiên cứu về DSVH, DSVHVT; phát huy của các chủ thể về bảo tồn DSVHVT thông qua một số nghiên cứu của các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài.

Thứ hai, luận án có thể kế thừa một số cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng cũng như tham khảo những giải pháp khi nghiên cứu phát huy của các chủ thể về bảo tồn DSVHVT.

Thứ ba, luận án tiếp tục nghiên cứu, hệ thống hóa và bổ sung làm rõ cơ sở lý luận, nội dung, thực trạng phát huy vai trò của các chủ thể về bảo tồn DSVHVT tại thủ đô Viêng Chăn từ khi Lào đổi mới đến nay; tổng hợp những quan điểm của UNESCO, của ĐNDCM Lào, định hướng, mục tiêu của Nhà nước; đồng thời đề xuất các giải pháp tiếp tục hoàn thiện cơ chế nhằm phát huy thật hiệu quả vai trò các chủ thể về bảo tồn DSVHVT tại thủ đô Viêng Chăn trong giai đoạn tới.

Chương 2

PHÁT HUY VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN - QUAN NIỆM VÀ TẦM QUAN TRỌNG

2.1.1. Di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

2.1.1.1. *Khái niệm di sản văn hóa và di sản văn hóa vật thể*

- Di sản văn hóa

Theo Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: “Di sản là cái của thời trước để lại; văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử” [91, tr.254]. Trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, DSVH được xem là một thuật ngữ khoa học xuất phát điểm hình thành từ cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Sau thành công của cuộc cách mạng, Nhà nước Pháp lúc bấy giờ đã tiến hành kiểm kê, mô tả sắp xếp, phân loại các công trình lịch sử để xác định thứ tự ưu tiên nhằm khôi phục và bảo tồn di sản quốc gia. UNESCO đã ra công ước bảo vệ DSVH và tự nhiên của thế giới vào năm 1972, công ước đã đưa ra các quan niệm DSVH bao gồm các 13 di tích, quần thể, thắng cảnh. Công ước nhấn mạnh đến các đối tượng miêu tả là các công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa, các di chỉ khảo cổ, các công trình của con người tạo ra hoặc những công trình có sự kết hợp của con người với thiên nhiên...có ý nghĩa, giá trị quốc tế về phương diện lịch sử, nghệ thuật, thẩm mỹ, khoa học. Từ đó, ta nhận thấy rằng điểm nổi bật thấy rõ rằng quan niệm này của UNESCO đã nghiêng về yếu tố vật chất của DSVH.

Thuật ngữ DSVH được đề cập nhiều trong các hiến chương, công ước và văn kiện của tổ chức quốc tế. Theo Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới của UNESCO năm 1972, “DSVH bao gồm: di tích, các

quần thể, các thắng cảnh có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật, khoa học, thẩm mỹ, dân tộc hoặc nhân học”. Theo khái niệm này, DSVH đồng nghĩa với DSVH vật thể. Trong thực tế, nói đến DSVH thì không chỉ có DSVH vật thể mà còn có những DSVH phi vật thể. Do vậy, tại Hội nghị thế giới về các chính sách văn hóa được tổ chức ở Mexico, năm 1982, UNESCO đã khẳng định DSVH bao gồm cả DSVH vật thể và phi vật thể. Đồng thời UNESCO đã đưa ra định nghĩa về DSVH phi vật thể: “Di sản văn hóa phi vật thể: được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần DSVH của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, DSVH phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Vì những mục đích của Công ước này, chỉ xét đến những DSVH phi vật thể phù hợp với các văn kiện Quốc tế hiện hành về quyền con người, cũng như những yêu cầu về sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân, và về phát triển bền vững”. Đến năm 1992, Ủy ban Di sản thế giới bổ sung khái niệm di sản hỗn hợp hay còn gọi là cảnh quan văn hóa để miêu tả các mối quan hệ tương hỗ nổi bật giữa văn hóa và thiên nhiên của một số khu di sản. Ở Việt Nam, thuật ngữ Di sản văn hóa, được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Dưới góc độ từ điển, DSVH được tổng hợp từ hai khái niệm là “Di sản” và “Văn hóa”. Theo từ điển Tiếng Việt, di sản là "tài sản của người chết để lại"; "Cái của thời trước để lại". Theo Từ điển Hán Việt Từ Nguyên, di là để lại, sản là của cải - di sản là “của cải giá trị của người chết, của người trước để lại”. Theo một số từ điển khác, thuật ngữ di

sản được hiểu là tính năng thuộc về nền văn hóa của một xã hội cụ thể, chẳng hạn như truyền thống, ngôn ngữ, hoặc các tòa nhà, đã được tạo ra trong quá khứ và vẫn còn có tầm quan trọng lịch sử. Di sản văn hóa là những tài sản văn hóa có giá trị của quá khứ còn tồn tại trong cuộc sống đương đại. Luật Di sản văn hoá của Việt Nam đã nêu rõ: di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá phi vật thể và di sản văn hoá vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác [96]. Từ cách tiếp cận trên, khái niệm Di sản văn hoá trong luận án được hiểu là *một hệ thống các sản phẩm vật chất, tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, do thiên nhiên và con người sáng tạo, được tích lũy và lưu truyền từ thế hệ nay sang thế hệ khác trong quá trình phát triển lâu dài của lịch sử.*

Di sản văn hoá là một bộ phận cơ bản và quan trọng của nền văn hóa, là những giá trị văn hoá đặc biệt, có ý nghĩa về lịch sử, văn hóa, khoa học, được sáng tạo và có sự thẩm định khắt khe bằng sự thừa nhận của cả cộng đồng người, được lưu truyền và chọn lọc qua một quá trình lịch sử lâu dài, đó chính là tính chất đặc thù của DSVH.

Có thể nói, di sản văn hóa là hệ thống các giá trị tinh thần và vật chất do con người sáng tạo ra trong quá khứ, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa và khoa học, được lưu truyền qua nhiều thế hệ và tiếp tục được bảo tồn, phát huy trong đời sống hiện tại. Di sản văn hóa không chỉ là dấu vết của thời gian hay sự tồn tại của những công trình cũ, mà là kết tinh của trí tuệ, lao động, tâm hồn và bản sắc của các cộng đồng người trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Thông qua di sản, con người hôm nay có thể hiểu sâu hơn về cội nguồn dân tộc, về cách tổ chức đời sống xã hội, về quan niệm thẩm mỹ, tín ngưỡng, đạo đức và những kinh nghiệm ứng xử với tự nhiên, cộng đồng của cha ông.

Về bản chất, di sản văn hóa là tài sản chung của cộng đồng. Tài sản ấy không chỉ mang giá trị vật chất, mà quan trọng hơn là giá trị tinh thần, thể hiện trong ký ức tập thể và bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền, mỗi dân tộc.

Di sản là minh chứng sống động cho năng lực sáng tạo của con người, cho cách con người xây dựng không gian sinh tồn, tạo lập quan hệ xã hội và hình thành các chuẩn mực văn hóa trong lịch sử. Bởi vậy, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa không phải là công việc riêng của một cá nhân hay một nhóm nhỏ, mà là trách nhiệm chung của xã hội, nhằm gìn giữ những giá trị bền vững đã được lịch sử sàng lọc và khẳng định.

Về giá trị, di sản văn hóa không đồng nhất với những đồ vật cổ hay những công trình cũ kỹ tồn tại đơn thuần. Một hiện vật hoặc một công trình chỉ thực sự trở thành di sản khi nó chứa đựng những giá trị đặc biệt, có khả năng cung cấp tri thức lịch sử, thể hiện giá trị thẩm mỹ nghệ thuật hoặc ghi dấu những kinh nghiệm khoa học, kỹ thuật của con người trong quá khứ. Di sản văn hóa giúp tái hiện bức tranh đời sống của các thế hệ trước, từ lao động sản xuất, tổ chức cộng đồng, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán đến nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc, văn học dân gian. Mỗi yếu tố di sản đều có thể trở thành nguồn tư liệu quan trọng giúp con người nhận thức rõ hơn về sự hình thành, phát triển và biến đổi của xã hội qua các thời kỳ.

Không chỉ có giá trị nhận thức, di sản văn hóa còn có giá trị giáo dục sâu sắc. Di sản bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, nuôi dưỡng tình yêu quê hương, giúp các thế hệ trẻ hình thành ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và Tổ quốc. Đồng thời, di sản cũng góp phần tạo dựng nền tảng tinh thần cho sự phát triển bền vững, bởi nó chứa đựng những bài học ứng xử nhân văn, những chuẩn mực đạo đức và những giá trị thẩm mỹ có khả năng định hướng lối sống. Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, di sản văn hóa còn là yếu tố quan trọng giúp khẳng định bản sắc, tạo ra sức hấp dẫn và vị thế của mỗi quốc gia, mỗi địa phương trong giao lưu văn hóa.

Tóm lại, di sản văn hóa là một hệ giá trị kết tinh từ quá khứ, vừa phản ánh lịch sử, vừa nuôi dưỡng hiện tại, đồng thời mở ra những định hướng cho tương lai. Việc nhận thức đúng bản chất và giá trị của di sản văn hóa là cơ sở

để bảo tồn và phát huy hiệu quả, biến di sản trở thành nguồn lực tinh thần và động lực phát triển trong đời sống xã hội hôm nay.

- Di sản văn hóa vật thể

Di sản văn hóa vật thể, theo quan điểm của UNESCO và Luật Di sản văn 32 hóa Việt Nam, DSVH bao gồm 2 loại: DSVH vật thể và DSVH phi vật thể. Tuy nhiên, cách phân loại này cũng chỉ mang tính chất tương đối, bởi mọi hiện tượng văn hóa đều có phần vật thể và phi vật thể. Theo UNESCO, “DSVH vật thể bao gồm các công trình và các khu vực lịch sử, các tượng đài, hiện vật, mà được xem là đáng được bảo tồn cho tương lai. Các DSVHVT này có ý nghĩa về mặt khảo cổ, kiến trúc, khoa học hoặc kỹ thuật của một nền văn hóa cụ thể [96]. Theo Luật Di sản văn hóa Việt Nam, “DSVHVT là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia” [96]. Như vậy, DSVHVT được hiểu là một dạng thức tồn tại của DSVH chủ yếu dưới dạng vật thể có hình khối, chiều cao, chiều rộng, trọng lượng, đường nét, màu sắc, kiểu dáng và tồn tại trong không gian và thời gian xác định.

DSVHVT được cụ thể hóa tại Điều 4, Luật Di sản văn hóa Việt Nam, bao gồm: Một là, “di tích lịch sử - văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học”. Hai là, “danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học”. Ba là, “di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch văn hóa, khoa học”. Bốn là, “cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học, có từ một trăm năm tuổi trở lên”. Năm là, “bảo vật quốc gia hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu của đất nước về lịch sử văn hóa, khoa học”.

Theo UNESCO, “tính toàn vẹn là một thước đo của sự toàn thể và sự nguyên vẹn của DSVH hoặc thiên nhiên và các đặc tính của nó. Việc đánh giá

các điều kiện về tính toàn vẹn do đó đòi hỏi việc xem xét mức độ mà di sản: bao gồm tất cả các yếu tố cần thiết để biểu đạt giá trị nổi bật toàn cầu của nó; có qui mô phù hợp để bảo đảm rằng các đặc điểm và các quá trình truyền tải ý nghĩa của di sản được đại diện một cách đầy đủ; chịu những tác động tiêu cực của sự phát triển và/hoặc thiếu quan tâm” [175, tr.18].

Như vậy, theo quy định của UNESCO, một DSVHVT khi được công nhận là di sản VHVTTG thì phải đồng thời đáp ứng được các điều kiện sau: một là, đáp ứng điều kiện về tính toàn vẹn; hai là, đáp ứng được ít nhất 1 trong 10 tiêu chí nêu trên, cụ thể: đối với DSVH, phải đáp ứng ít nhất 1 tiêu chí về văn hóa (tiêu chí 1 đến tiêu chí 6); đối với di sản thiên nhiên, phải đáp ứng ít nhất 1 tiêu chí (tiêu chí 7 đến tiêu chí 10); đối với di sản hỗn hợp, phải đáp ứng ít nhất 1 tiêu chí về DSVH (tiêu chí 1 đến tiêu chí 6) và 1 tiêu chí về di sản thiên nhiên (tiêu chí 7 đến tiêu chí 10). Với các quy định trên về điều kiện công nhận một DSVHVT là di sản VHVTTG, UNESCO đã phân loại DSVH thế giới thành 3 loại, gồm: Di sản văn hóa; Di sản thiên nhiên; Di sản hỗn hợp.

2.1.1.2. Khái quát các di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Viêng Chăn - thủ đô của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào - không chỉ là trung tâm chính trị, kinh tế mà còn là không gian văn hóa đặc sắc có bề dày lịch sử. Chính vì vậy, hệ thống DSVHVT đa dạng, bao gồm các chùa tháp, cung điện, kiến trúc cổ, các công trình lịch sử - cách mạng và di tích khảo cổ. Những giá trị vật thể ấy không chỉ phản ánh căn tính văn hóa của người Lào, mà còn là minh chứng sinh động cho quá trình hình thành, phát triển của cộng đồng cư dân vùng hạ lưu sông Mê Kông. DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn phản ánh, lịch sử, tôn giáo, đời sống tinh thần của đời sống người dân Viêng Chăn nói riêng, nhân dân Lào nói chung.

Theo Danh sách thống kê về Di sản Văn hóa, Lịch sử và Thiên nhiên ở thủ đô Viêng Chăn của Cục Di sản, Bộ TTVH&DL Lào năm 2015-2016, hiện nay thủ đô Viêng Chăn có 56 di tích (tính theo tên gọi) và 73 di tích (tính theo

địa điểm vị trí) với niên đại hơn 50 năm. Trong đó có 6 di tích được Chính phủ và Nhà nước Lào công nhận và xếp hạng di tích cấp Quốc gia như Thạt Luồng, Vất Xi Xạ Kệt, Vất Hồ Phạ Kẹo, Vất Xi Mường. DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn được thể hiện chủ yếu thông qua các loại sau đây:

Một là tháp

“Tháp” ở Lào (tiếng Lào: Thạt) là một biểu tượng tôn giáo - văn hóa đặc biệt quan trọng, gắn liền với Phật giáo Theravada và bản sắc dân tộc Lào. Đây không chỉ là công trình kiến trúc mà còn là biểu tượng thiêng liêng của quốc gia. Tháp ở Lào tượng trưng cho tâm linh, lịch sử và bản sắc dân tộc. Tháp vừa là công trình tôn giáo, vừa là biểu tượng văn hóa - quốc gia và luôn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Lào.

Tháp là loại công trình kiến trúc Phật giáo có dạng bảo tháp, thường dùng để: Tôn thờ xá lợi Phật hoặc xá lợi của cao tăng; Ghi dấu sự kiện tôn giáo - lịch sử; tưởng nhớ các vị vua, anh hùng, hoặc người có công. Tháp thường có hình chuông, búp măng hoặc kim tự tháp thuôn nhọn, mang phong cách kiến trúc đặc trưng của Phật giáo Nam tông ở Lào. Ở thủ đô Viêng Chăn có một số tháp tiêu biểu sau:

i) Thạt Luồng (Tháp lớn)

Thạt Luồng được xây dựng từ giữa thế kỷ XVI (khoảng những năm 1566) trên phế tích của một ngôi đền Ấn Độ từ thế kỷ XIII. Phía mặt ngoài của toàn bộ khối kiến trúc này được dát vàng. Đây cũng chính là tháp xá lợi lớn nhất và đẹp nhất ở Lào. Lễ hội của Thạt Luồng mang tầm quốc gia. Pha That Luang nằm ngay trung tâm thủ đô Viêng Chăn với hình ảnh dát vàng ấn tượng. Với độ cao 45m, tháp có nhiều bậc thang và mỗi bậc sẽ tượng trưng cho một giai đoạn khác nhau của sự khai sáng Phật giáo, bậc thấp nhất là vật chất còn cao nhất là hư không. Xung quanh chân tháp lớn có 30 ngọn tháp nhỏ đồng dạng bao quanh bốn phía. Vòng ngoài là hai bức tường tháp được trang trí hình những hoa sen dựng đứng, bốn góc của bức tường ngoài cũng dựng bốn ngọn tháp nhỏ [40, tr.22].

ii) Thạt Đăm (Tháp đen)

Thạt Đăm nghĩa là “Tháp đen”. Thạt Đăm nằm cách Vất Hỏ Phạ Kẹo khoảng 200m về phía Đông, thuộc bản Xi Xạ Kệt, huyện Chăn Thạ Bu Ly, thủ đô Viêng Chăn. Thạt Đăm có một vị trí rất quan trọng, nằm ở trung tâm của đường Chăn Thạ Kum Man. Đây cũng là trung tâm của nhiều các ngôi nhà kiểu kiến trúc thời Pháp, bởi đây là thời gian khôi phục lại Viêng Chăn vào những năm 1920 - 1940 của Pháp.

Hiện nay, không có tài liệu cụ thể nào nói về niên đại xây dựng Thạt Đăm. Thường trong khu vực có nhiều ngọn tháp phủ lên nhiều màu vàng rực rỡ đẹp đẽ, nhưng riêng Thạt Đăm lại có màu đen và rất cũ kỹ. Theo một số học giả Lào, tuy chưa xác minh được nhưng Thạt Đăm có thể được xây dựng vào khoảng thời kỳ hưng thịnh của Vương quốc Lào Lạn Xạng thế kỷ XVI [39, tr.36].

iii) Thạt Vất Nác (tháp Nác)

Ở thủ đô Viêng Chăn có một ngôi chùa tháp mang tên Vất Nác. Nác nghĩa là “con rắn”. Đây là nơi thờ Nác từ xa xưa của người Lào. Ngôi chùa tháp được xây dựng khoảng thế kỷ XVI - XVII. Mặc dù hiện nay ngôi chùa tháp đã bị hỏng nhiều nhưng vẫn có thể thấy được hình hài của nó. Ngôi tháp được xây dựng bằng gạch, có bốn mặt, ba tầng, tầng dưới cùng to nhất, tầng hai nhỏ dần. Trang trí của tháp là những rãnh dọc theo thân tháp, lối trang trí này nhất quán từ chân đến đỉnh tháp, đỉnh tháp nhỏ nhưng không nhọn lắm. Có thể nói đây là một ngôi tháp khá đặc biệt ở Viêng Chăn [5, tr.34].

Hai là chùa

“Chùa” trong tiếng Lào gọi là Vất, là nơi thờ Phật, tụng kinh, giảng pháp, thiền định và tu hành của tăng ni; là nơi thờ Phật và thực hành Phật giáo Theravada, tôn giáo chủ yếu ở Lào. Chùa cũng là nơi người dân thực hành công đức, như dâng đồ ăn buổi sáng, làm phước, cầu an, cầu siêu. Chùa có tác dụng duy trì đạo đức xã hội, vì kinh Phật được giảng dạy thường xuyên, ảnh hưởng mạnh đến nhân sinh quan Lào. Đồng thời, chùa cũng là trung tâm văn

hóa - xã hội cộng đồng (có thể dạy chữ cho trẻ em), là nơi tổ chức các lễ hội truyền thống (Bun Pi May, Bun Bang Fai...).

Chùa là nơi lưu giữ tinh hoa nghệ thuật Lào với kiến trúc mái cong nhiều tầng, đầu nóc chạm trổ tinh tế và nhiều tượng Phật cổ, tranh tường, phù điêu... Chùa ở CHDCND Lào không chỉ là cơ sở tôn giáo, mà là trụ cột của đời sống tinh thần - văn hóa - xã hội, đóng vai trò trong nhiều phương diện như tôn giáo, văn hóa, giáo dục, sinh hoạt cộng đồng, nghệ thuật - du lịch, bảo tồn bản sắc dân tộc.

Một số ngôi chùa tiêu biểu ở Viêng Chăn như:

i) Vát Xi Xạ Kệt

Nằm ở phía Đông Nam thủ đô Viêng Chăn, thuộc bản Xi Xạ Kệt, quận Chăn Thạ Bu Ly. Nằm ngay trên con phố dẫn đến Phủ Thủ tướng Lào. Chùa có hơn 10.000 tác phẩm điêu khắc Phật với nhiều kích cỡ và kiểu dáng khác nhau nằm ở dãy hành lang bao quanh "sim" (chùa chính). Theo thư tịch, Vát Xi Xạ Kệt có 2 tên gọi là: Vát Xi Xạ Kệt và Vát Sa Y Nhiên, phần lớn quần chúng nhân dân rất ít người biết đến những tên gọi đó, họ chỉ quen biết và gọi là Vát Xi Xạ Kệt.

Vát Xi Xạ Kệt có điểm đặc biệt hơn các chùa ở Lào vì 5 điểm sau:

1. Ngôi chùa xây dựng theo hướng Tây (đa số chùa Lào đều hướng Nam, không có chùa nào cắt ngang dòng sông).
2. Có Kôm Ma Liên (hành lang) bao quanh.
3. Có nhiều tượng Phật nhất ở Lào (khoảng 2.500 pho tượng) và trên tường có nhiều họa, có nhiều tượng Phật, khoảng 9.168 tượng Phật Thích Ca.
4. Có Hồ Tây Pi Độc (tủ sách/thư viện) rất đặc biệt.
5. Chưa bao giờ bị chiến tranh tàn phá, tuy đã nhiều lần trùng tu nhưng không phá hỏng kết cấu cũ của ngôi chùa [4, tr.45].

ii) Vát Xi Mưòng

Vát Xi Mưòng hay chùa Sĩ Muông (Sĩ Muông) là ngôi chùa Khmer có ý nghĩa to lớn với người dân Lào. Chùa là nơi đặt cột trụ chính của thành phố,

nơi người người tìm đến để cầu an. Cấu trúc chính của chùa gồm một nhà chính thờ Phật và khu vực thờ Mẹ Sĩ Muông. Bên trong khuôn viên có nhiều tượng Phật, nổi bật có thể kể đến là tượng Phật Thích Ca nằm dưới tán cây bồ đề Vất Xi Mường nằm ở đường cắt giữa hai phố là phố Xay Xệt Thả Thi Lát và phố Xám Xẻn Thai (nay thuộc địa phận bản Xi Mường, quận Xi Xat Tạ Nác, thủ đô Viêng Chăn). Ngôi chùa này có quan hệ mật thiết với Thất Luồng Viêng Chăn. Lễ hội lớn của thủ đô Viêng Chăn bao giờ cũng được tổ chức ở Vất Xi Mường dưới sự chủ trì của Chủ tịch thành phố Viêng Chăn. Vào đêm 13 tháng 12 Phật lịch, người dân sẽ làm lễ ở ngôi chùa này. Sau khi đã làm lễ ở Thất Luồng, người ta mới mang lễ vật đến các chùa như Vất Ông Tụ, chùa In Peng để làm lễ rồi mới kết thúc lễ hội tháng 12. Những lễ hội này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

iii) Vất Hỏ Phạ Kẹo (chùa Phạ Kẹo)

Vất Hỏ Phạ Kẹo được xây dựng vào năm 1565, thời kỳ vua Xay Xệt Thả Thi Lát dời đô từ Xiêng Thoỏng về Viêng Chăn. Ngôi chùa được xây dựng làm nơi ngự của tượng Phật Phạ Bàng mà vua Xay Xệt Thả Thi Lát đưa từ Xiêng Thoỏng về Lào Lạn Xạng. Chùa được xây dựng ngay trong khu vực cung điện của nhà vua, cách sông Mê Kông 150m.

Chùa này có rất nhiều di vật quý giá: tượng Phật Pang Sạ Nạ Man (tượng Phật Thích Ca thiền hay còn gọi là Phật chiến thắng), là một tượng Phật thể hiện sự chiến thắng quân xâm lược, chiến thắng sự độc ác. Tượng Phật cũng là biểu tượng của đất nước Lào thời hưng thịnh. Tượng này được tạo tác bằng gạch, vôi, dầu trám, nhựa cây, nước mía, v.v... Pho tượng có quy mô lớn và là một trong những di vật quý giá nhất của Vất Xạ Kệt. Tượng Phật được tạc theo phong cách Đơ Va Ra Na Va Ti (trường phái Môn). Hai bên cạnh tượng Phật này là hai pho tượng Phật Phạ Bàng được đúc bằng đồng thau. Hai tượng Phật này được tạc theo phong cách Khme, đúc vào những năm xây dựng Vất Xi Xạ Kệt, dưới thời vua A Nụ Vông. Đặc trưng kiến trúc

của hai tượng Phật này là pho tượng Phật Phạ Bàng (hiện ở Luồng Phạ Bàng) mà vua Khme tặng vua Chậu Phạ Ngừm năm 1359 [142, tr.34].

Ba là các khu di tích khảo cổ

Các di tích khảo cổ ở thủ đô Viêng Chăn (như dấu tích tường thành cổ, nền tháp cũ, di tích kiến trúc thời Lan Xang...) là chứng cứ vật chất về quá trình hình thành đô thị Viêng Chăn, là chứng tích của sự phát triển của các thời kỳ lịch sử (Lan Xang - Chao Anouvong - Pháp thuộc...), thể hiện sự tiếp nối văn hóa bản địa và tín ngưỡng Phật giáo Theravada. Giúp khẳng định tính liên tục lịch sử, nguồn gốc dân tộc và bản sắc Lào. Các di tích khảo cổ ở Viêng Chăn không chỉ là dấu tích của lịch sử, mà còn giữ vai trò bảo tồn giá trị văn hóa - nghệ thuật, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phục vụ du lịch và phát triển kinh tế, xây dựng bản sắc đô thị, gắn kết cộng đồng, quảng bá hình ảnh đất nước Lào. Có thể nhận diện một số khu khảo cổ có giá trị ở nơi đây như sau:

i) Thành cổ Viêng Chăn

Thành cổ Viêng Chăn nằm trên địa phận của 3 quận nội thành Viêng Chăn: quận Chăn Thạ Bu Ly, quận Xay Xệt Thả và quận Xi Xát Tạ Nác. Khu Thành cổ Viêng Chăn có từ cách đây 4 thế kỷ. Thành cổ gồm 3 vòng thành. Vòng thứ nhất là vòng trong gần sông Mê Kông, vòng thứ hai nằm ở giữa vòng thành một và vòng thành ba (vòng ngoài). Về mặt cấu trúc, thành có hình gần giống hình chữ nhật, chiều rộng là từ Đông sang Tây và chạy dài từ phía Bắc xuống phía Nam, theo chiều dọc sông Mê Kông. Phía Tây tận dụng lấy sông Mê Kông làm hào nước tự nhiên, ở phía Đông còn thêm một vòng thành ngoài.

ii) Hồ Lạc Mường Viêng Chăn (Nhà cột mốc Viêng Chăn)

Các nhà khảo cổ học của Cục Di sản, Bộ TTVH&DL đã tổ chức cuộc khai quật khảo cổ lớn ở quận Xi Xát Tạ Nác, thủ đô Viêng Chăn vào đầu năm 2007. Cuộc khai quật này đã thu thập 193 cột trụ cổ. Sau đó, vào

năm 2009, các nhà khảo cổ học đã thấy 225 cột trụ cổ. Địa điểm khảo cổ này nằm trên đường Xám Xén Thai, làng Phia Vát, quận Xi Xát Tạ Nác. Các cuộc khai quật khảo cổ lần này được các nhà khảo cổ của Cục Di sản, Bộ TTVH&DL đã dụng công nghệ hiện đại để khám phá và khai quật khảo cổ nhằm tìm hiểu rõ hơn lịch sử hình thành và phát triển thành phố cổ Viêng Chăn, thành cổ của các vương quốc Lan Xạng trong nhiều thế kỷ [48, tr.12]. Đây chỉ là một phần của công trình kiến trúc cổ hiện ở trên con đường Xám Xén Thai. Hiện vẫn còn nhiều địa điểm chưa được khai quật. Các nhà nghiên cứu dự đoán rằng có thể vẫn còn nhiều phần của công trình kiến trúc cổ được xây dựng bằng đá và gạch, kể cả các cấu trúc xây dựng, điêu khắc các loại hình Phật đã bị hủy hoại dưới mặt đất.

Bốn là di tích lịch sử, khu tưởng niệm

Đây là những công trình, địa điểm, dấu tích vật chất có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật... phản ánh các sự kiện, nhân vật, giai đoạn phát triển của đất nước Lào và thủ đô Viêng Chăn. Là không gian được xây dựng để ghi nhớ, tôn vinh và tri ân các anh hùng dân tộc, liệt sĩ, nhân vật lịch sử hoặc những sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với quốc gia. Ở thủ đô Viêng Chăn, các di tích lịch sử và khu tưởng niệm tạo thành phần lõi của ký ức đô thị, giúp nhận diện quá khứ và bản sắc dân tộc.

i) Khải hoàn môn (Pa Tu Xay)

Pa Tu Xay nằm ở trung tâm thủ đô Viêng Chăn, thuộc quận Chăn Thạ Bu Ly, được xây dựng trên một khu đất rất rộng hình chữ nhật, nằm góc giao lộ giữa đại lộ Lan Xạng, đường Thạt Luồng (hiện nay là đường 23 Sính Hà), đường Phôn Khênh (hiện là đường Cây Xón Phôm Vi Hản) và đường Xi Boun Heung. Tên gọi trước kia của Pa Tu Xay là đài A Nụ Sa Va Ry (tức là đài chiến sĩ vô danh) được xây dựng từ năm 1958, với phần dưới và phần ngoài mô phỏng theo công trình Arc de Triumphe tại thủ đô Paris nước Pháp. Phần trên và toàn bộ kiến trúc điêu khắc lại đậm dấu ấn kiến trúc Lào. Nếu

đứng trên tầng cao nhất của Khải hoàn môn, du khách có thể thu toàn cảnh thủ đô Viêng Chăn trong tầm mắt [58, tr.11].

ii) Hồ Khăm (Phủ Chủ tịch)

Hồ Khăm đã trở thành biểu tượng của người dân Lào trước và cả sau khi tuyên bố thành lập nước CHDCND Lào. Người Lào sống ở trong nước hay ở nước ngoài đều quen thuộc với mảnh đất này, nơi có Hồ Khăm nổi tiếng trong một thời gian dài. Năm 1974, Chính phủ Liên minh được thành lập theo Hiệp định Viêng Chăn được ký kết năm 1973, bao gồm đại diện của các lực lượng yêu nước và các lực lượng chính phủ của Viêng Chăn. Họ đồng ý xây dựng một tòa nhà Hồ Khăm mới với mục đích làm nơi cư ngụ cho Vua của Luông Phạ Bàng để thực hiện nhiệm vụ chính thức của nhà vua ở Viêng Chăn. Hoàng tử Xu Van Na Phum Ma, Thủ tướng khi đó, đã sử dụng một thiết kế kiến trúc kiểu Pháp giống như lâu đài Grand Trianon để xây dựng tòa nhà Hồ Khăm. Tòa nhà xây dựng vào năm 1975.

iii) Khu Đài tưởng niệm vua Phạ Ngừm

Khu Đài tưởng niệm nằm ở ngã ba đường Xám Xén Thai và đường Xu Pha Nụ Vông, thuộc quận Xi Khốt Tạ Boông, thủ đô Viêng Chăn. Tại đây có đài Đài tưởng niệm vua Phạ Ngừm được đúc bằng đồng đen với tổng chiều cao là 11.03m, nặng 3 tấn, được dựng vào ngày 5/1/2003 nhân dịp kỷ niệm 650 năm ngày thành lập vương quốc Lạn Xạng thời vua Phạ Ngừm. Vì vậy, vua Phạ Ngừm là người xác định căn bản lãnh thổ quốc gia và chiều hướng phát triển lịch sử của các bộ tộc Lào.

iv) Khu di tích lưu niệm Chủ tịch Cay Xỏn Phôm Vi Hản

Tháng 7 năm 1975, Chủ tịch Cay Xỏn Phôm Vi Hản cùng Trung ương Đảng từ vùng giải phóng về Viêng Chăn. Trung ương Đảng đã chọn địa điểm công trình kiến trúc ở khu vực cây số 6 để tập trung cơ quan đầu não chỉ đạo cuộc nổi dậy và giành chính quyền trong cả nước. Sau nơi đây trở thành Khu di tích lưu niệm Chủ tịch Cay Xỏn Phôm Vi Hản.

v) *Nhà Bảo tàng Quốc gia Lào*

Nhà Bảo tàng Quốc gia Lào được xây dựng từ năm 1925, trong thời kỳ thuộc Pháp. Nhà Bảo tàng xưa kia là nơi các cơ quan làm nhà khách để đón tiếp Vua Xi Xạ Vang Vông mỗi khi về Viêng Chăn. Nhà Bảo tàng có kiến trúc kiểu Pháp, gồm có hai tầng, xây bằng gạch, lợp bằng gói, xây dựng trên một khu đất rất rộng.

Những năm đầu giải phóng (năm 1975), bảo tàng là nhà trưng bày truyền thống cách mạng Lào và đến năm 1985 được nâng cấp thành Bảo tàng Cách mạng Lào với 6 chủ đề về đất nước Lào, lịch sử đấu tranh cách mạng Lào và thời kỳ sau cách mạng Lào. Có thể nói, Bảo tàng quốc gia Lào là nơi tập hợp các hiện vật cổ xưa quý giá từ khắp đất nước. Với những hiện vật quý giá đó, bảo tàng đã trở thành trung tâm du lịch của thủ đô và cả nước.

vi) *Công viên Phật Xiêng Khuan (Buddha Park)*

Viêng Chăn là một vùng đất giàu truyền thống, từng là nơi hưng thịnh nhất của nền Phật giáo, là trung tâm của các công trình Phật giáo lớn nhất ở Lào hiện nay, và cũng là nơi hội tụ các công trình kiến trúc Phật giáo độc đáo bậc nhất của Lào. Công viên Phật Xiêng Khuan thuộc huyện Hạng Xai Phông, cách trung tâm thủ đô Viêng Chăn 24 km về phía Đông Nam, và cách cây cầu hữu nghị Lào - Thái Lan 7 km. Công viên Phật giáo nằm trải dài trên bãi cỏ cạnh sông Mê Kông, được xây dựng năm 1958. Công viên Phật giáo này là một trong những địa danh trở thành biểu tượng của thủ đô Viêng Chăn.

Tóm lại, DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn là kho tàng vô giá, lưu giữ ký ức dân tộc và phản ánh lịch trình phát triển của văn minh Lào. Hiểu đúng bản chất, giá trị và vai trò của di sản có ý nghĩa then chốt trong việc xây dựng chiến lược bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Hệ thống chùa tháp, di tích lịch sử, kiến trúc đô thị cổ và các di chỉ khảo cổ không chỉ là nhân chứng của quá khứ, mà còn là nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững. Việc bảo tồn cần gắn với phát triển kinh tế - xã hội, sẽ

góp phần giữ gìn và lan tỏa những giá trị độc đáo của thủ đô Viêng Chăn - thành phố của chùa tháp, của di sản Phật giáo Nam Tông, của sự hòa hợp và bản sắc dân tộc Lào.

2.1.2. Quan niệm về bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

2.1.2.1. Khái niệm bảo tồn di sản văn hóa vật thể

- Bảo tồn di sản văn hóa

Bảo tồn, theo *Từ điển Tiếng Việt* là “giữ lại không để cho mất đi” [91, tr.23]. Bảo tồn là bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của sự vật hiện tượng theo dạng thức vốn có của nó, bảo tồn là không để mai một, không để bị thay đổi, biến hóa hay biến đổi hình thái. Nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm cho rằng: “Bảo tồn là hoạt động giữ gìn một cách đến tầm khi sự tổn hại, sự xuống cấp hoặc phá hoại xảy ra, hay nói cách khác bảo tồn là bảo quản kết cấu của một địa điểm ở hiện trạng và kìm hãm sự xuống cấp của kết cấu đó” [108, tr.16]. Trong tiến trình lịch sử, hoạt động bảo tồn di sản văn hoá xuất hiện ngay từ khi con người ý thức được giá trị của di sản văn hoá trong đời sống, đồng thời hiểu được mối nguy hại do tác động của thiên nhiên và chính con người gây ra, họ đã không ngừng tìm kiếm các biện pháp bảo tồn.

Năm 1964, Hiến chương về bảo tồn, trùng tu di tích, di chỉ của tổ chức Hội đồng Quốc tế các di tích và di chỉ (ICOMOS) nhấn mạnh việc bảo tồn đòi hỏi phải giữ gìn tình trạng nguyên gốc, có nghĩa không được phép làm thêm hay bớt đi mà phải bảo tồn nguyên vẹn: “Khi hãy còn là một khung cảnh truyền thống thì khung cảnh đó phải được bảo vệ. Không một công trình xây dựng gì mới, một sự phá hoại hoặc sửa sang nào mà làm biến đổi mối tương quan giữa khối hình và màu sắc được phép tiến hành”.

+ Bảo tồn nguyên trạng/nguyên vẹn/nguyên gốc

Trên thực tế, vấn đề bảo tồn nguyên trạng được áp dụng khá phổ biến trong lĩnh vực di sản văn hoá vật thể. Đó chính là các di tích, di vật cùng với không gian chung. Đây là những công trình tồn tại hiện hữu mà chúng ta có

thể quan sát được hàng ngày nó ít khi có sự biến đổi mang tính chất lớn. Bởi vì, bản thân chúng là những sản phẩm mà thế hệ trước để lại cho thế hệ sau và được chúng ta bảo tồn nguyên vẹn như nó đã có.

Bảo tồn nguyên vẹn văn hoá vật thể ở dạng “tĩnh” là vận dụng thành quả kho học kỹ thuật công nghệ cao, hiện đại, đảm bảo giữ nguyên trạng hiện vật như sự vốn có của nó về kích thước, hình dáng, màu sắc, đường nét. Khi cần khôi phục nguyên các di sản văn hoá vật thể cần sử dụng một số phương tiện kỹ thuật: Đồ hoạ, công nghệ 3D theo không gian ba chiều, chụp ảnh, quay băng, ghi hình, xác định trọng lượng, chất liệu của DSVHVT. Sau khi được bảo tồn nguyên dạng phải so sánh đối chiếu với nguyên gốc đã được lưu trữ để không làm biến dạng DSVHVT.

Bảo tồn nguyên vẹn DSVH phi vật thể ở dạng “tĩnh” là tiến hành, điều tra, sưu tầm, thu thập các dạng thức văn hoá phi vật thể như nó hiện có theo quy trình khoa học, nghiêm túc, chặt chẽ, lưu giữ DSVH phi vật thể trong sách vở, mô tả chúng bằng hình ảnh, âm thanh qua các băng đĩa, chụp ảnh...Tất cả các hiện tượng văn hoá này có thể lưu trữ trong các viện bảo tàng, các kho tư liệu.

+ *Bảo tồn kế thừa*

Là bảo tồn các hiện tượng văn hoá trên cơ sở kế thừa. Các di sản văn hoá vật thể sẽ được bảo tồn trên tinh thần giữ gìn những đường nét cơ bản của di tích, cố gắng phục chế lại nguyên gốc di sản văn hoá vật thể bằng nhiều hình thức kỹ thuật công nghệ hiện đại. Đối với di sản văn hoá phi vật thể, bảo tồn “động” trên cơ sở kế thừa là bảo tồn các hiện tượng văn hoá trong chính đời sống cộng đồng. Bởi lẽ, cộng đồng là môi trường sản sinh, nơi giữ gìn, bảo vệ và làm phong phú, phát huy văn hoá phi vật thể trong đời sống cộng đồng theo thời gian.

+ *Bảo tồn và phát triển*

Hiện nay, trên thế giới, trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy di sản, các nhà khoa học và các nhà quản lý đã phát triển xa hơn và không quá chú trọng đến

những tranh cãi xung quanh quan điểm bảo tồn nguyên trạng hay bảo tồn trên cơ sở kế thừa. Quan điểm mới này cho rằng, quản lý một loại hình di sản (lễ hội là một ví dụ) không còn là vấn đề tìm những biện pháp để bảo tồn nguyên vẹn di sản mà quan trọng hơn là làm thế nào để di sản văn hoá tồn tại song hành phù hợp với xã hội đương đại của chúng ta. Vì vậy, cần có những biện pháp quản lý di sản một cách thích hợp với yêu cầu của thời đại hiện nay. Những yêu cầu của thời đại luôn được đặt trong bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội - văn hoá nhất định. Mọi quan hệ giữa di sản và những bối cảnh nêu trên là mối quan hệ hai chiều, ảnh hưởng tương hỗ lẫn nhau.

Trong Luật Di sản Quốc gia Lào, thuật ngữ này được định nghĩa như sau

Bảo vệ di sản quốc gia nghĩa là sự đề phòng không cho ăn cắp, tàn phá, thiêu đốt, mất mát từ thiên nhiên hay được áp dụng không đúng với pháp luật.

Bảo tồn di sản quốc gia nghĩa là giữ gìn giá trị, dấu vết, màu sắc văn hóa, lịch sử, thiên nhiên của di sản quốc gia không để suy yếu hay diệt vong.

Tôn tạo/trùng tu di sản quốc gia nghĩa là quá trình sửa chữa, giữ gìn mô hình, hoa văn, chi tiết nguyên thủy, xây dựng hợp lý theo từng thời kỳ đương nhiên phải tôn trọng theo đúng hình dáng xưa đã bị hủy hoại.

Bảo tồn DSVH là văn hóa hình thành trong hoạt động sống của con người và mối quan hệ tương tác giữa con người với tự nhiên. Trong quá trình hình thành và phát triển, văn hóa hàm chứa một hệ giá trị được xã hội, cộng đồng thừa nhận. Các giá trị văn hóa là cốt lõi của văn hóa. Giá trị văn hóa chứa đựng, kết tinh trong DSVH và thông qua DSVH để thực hiện các chức năng xã hội. Di sản văn hóa là hình thức tồn tại của giá trị văn hóa, hệ giá trị văn hóa có nguồn gốc từ nhu cầu của con người, nó thể hiện một chuẩn mực xã hội mà con người muốn hướng tới, nói cách khác nó là tiêu chí để đánh giá, điều chỉnh hành vi, suy nghĩ... của một cá nhân trong một cộng đồng xã hội nhất định. Các giá trị văn hóa là yếu tố cốt lõi của văn hóa, nó được sáng tạo và kết tinh trong quá trình lịch sử của mỗi cộng đồng, tương ứng với môi trường tự nhiên và xã hội

nhất định. Giá trị văn hóa hướng tới thỏa mãn những nhu cầu và khát vọng của cộng đồng về những điều tốt đẹp, bồi đắp và nâng cao bản chất người. Di sản văn hóa được xem như là những yếu tố đặc biệt, nổi bật, là tinh hoa của văn hóa. Hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về “Di sản văn hóa”.

Theo UNESCO và Luật Di sản văn hóa Việt Nam, bảo tồn không chỉ là "giữ nguyên" mà còn bao gồm việc quản lý sự thay đổi để di sản không bị mất đi giá trị cốt lõi.

*Bảo tồn di sản văn hóa là tổng hợp các biện pháp, nỗ lực (về luật pháp, kỹ thuật, tài chính, giáo dục) nhằm bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của di sản theo **dạng thức vốn có** (tính nguyên gốc) của nó, nhằm kéo dài tuổi thọ và truyền lại cho các thế hệ tương lai.*

*Bảo tồn di sản văn hóa vật thể là tổng hợp các biện pháp, nỗ lực (về luật pháp, kỹ thuật, tài chính, giáo dục) nhằm bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của di sản văn hóa vật thể theo **dạng thức vốn có** (tính nguyên gốc) của nó, nhằm kéo dài tuổi thọ và truyền lại cho các thế hệ tương lai.*

Bảo tồn di sản văn hóa vật thể là tổng thể các hoạt động nhằm bảo vệ, giữ gìn và kéo dài tuổi thọ của các thực thể vật chất chứa đựng giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. Để một dự án bảo tồn được quốc tế công nhận (đặc biệt là theo tiêu chuẩn UNESCO), cần tuân thủ 3 nguyên tắc: ii) Tính xác thực (Authenticity): Phải giữ được giá trị gốc về thiết kế, vật liệu, kỹ thuật và vị trí. Không được "giả cổ" hoặc làm sai lệch lịch sử; ii) Tính toàn vẹn (Integrity): Di sản phải được giữ trong một chỉnh thể thống nhất, bao gồm cả không gian cảnh quan xung quanh (vùng đệm); iii) Sự can thiệp tối thiểu: Chỉ can thiệp khi thực sự cần thiết. Mọi vật liệu mới đưa vào phải có khả năng "đảo ngược" (tức là có thể tháo rời nếu sau này tìm thấy công nghệ tốt hơn).

2.1.2.2. Nội dung bảo tồn văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Thứ nhất, giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Việc giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn bao gồm các nội dung cụ thể sau:

Trước hết các chủ thể phải nhận diện và xác định đúng yếu tố gốc của di sản. Xác định rõ các thành phần cấu thành di sản: kiến trúc, vật liệu, hiện vật, không gian, cảnh quan... Phải phân biệt rõ yếu tố gốc với các phần bổ sung, cải tạo ở những giai đoạn sau sau đó để làm cơ sở khoa học cho việc bảo vệ nguyên trạng, hạn chế can thiệp không cần thiết. Các chủ thể phải khoanh vùng và thiết lập khu vực bảo vệ di sản văn hóa vật thể. Xác định ranh giới khu vực bảo vệ di sản để cắm mốc giới, lập bản đồ bảo vệ di tích. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng, khai thác trong và xung quanh di sản văn hóa vật thể.

Các chủ thể thực hiện các biện pháp bảo quản phòng ngừa, hạn chế sự xuống cấp một cách tự nhiên theo thời gian. Có phương án kiểm soát tác động của môi trường như độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng, sinh vật gây hại cho các di sản văn hóa vật thể. Có nguồn lực và triển khai kịp thời việc gia cố nhẹ, chống đỡ tạm thời khi di sản có nguy cơ hư hỏng nghiêm trọng. Để bảo quản và duy trì tình trạng ổn định của di sản phía hạn chế can thiệp, phải tôn trọng tính nguyên gốc, không tự ý thay đổi kết cấu, vật liệu, hình dáng của di sản. Tránh “làm mới”, “hiện đại hóa” di sản dưới mọi hình thức. Mọi can thiệp đều phải dựa trên cơ sở khoa học và được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Chủ thể có chức năng quản lý cần quản lý, giám sát di sản văn hóa vật thể một cách thường xuyên, liên tục. Các chủ thể liên quan tổ chức lực lượng quản lý, bảo vệ di sản tại chỗ, theo dõi định kỳ hiện trạng di sản để phát hiện sớm nguy cơ xâm hại, đồng thời, lập sổ theo dõi, lưu trữ hồ sơ hiện trạng phục vụ công tác quản lý lâu dài. Phòng ngừa và ngăn chặn các hành vi xâm hại. Phải ngăn chặn phá hoại, lấn chiếm, xây dựng trái phép trong khu vực di sản. Thiết lập phương án phòng chống trộm cắp, mua bán trái phép cổ vật, hiện vật. Đồng thời xây dựng cơ chế để xử lý kịp thời các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn là phía phát huy vai trò cộng đồng trong bảo vệ nguyên trạng. Vị trí các di sản văn

hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn đều nằm gần các cộng đồng dân cư nên phải phát huy vai trò cộng đồng trong bảo vệ nguyên trạng các di sản văn hóa vật thể, để thực hiện được điều đó phải nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị và ý nghĩa của di sản, đồng thời có cơ chế khuyến khích người dân tham gia giám sát, bảo vệ di sản. Gắn trách nhiệm bảo vệ nguyên trạng di sản với quyền lợi chính đáng của cộng đồng. Giữ gìn tính nguyên gốc, toàn vẹn và xác thực của di sản.

Thứ hai, tôn tạo, trùng tu DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Tôn tạo, trùng tu các di sản văn hóa vật thể là hệ thống các hoạt động can thiệp có kiểm soát nhằm bảo vệ yếu tố gốc, khôi phục giá trị và kéo dài sự tồn tại của di sản văn hóa vật thể. Nội dung chủ yếu gồm:

Các cơ quan chức năng tiến hành khảo sát, đánh giá hiện trạng di sản. Việc khảo sát chi tiết tình trạng kiến trúc, kết cấu, vật liệu và cảnh quan DSVHVT là cơ sở để tôn tạo, trùng tu. Việc khảo sát, đánh giá hiện trạng di sản để nhận thức rõ mức độ xuống cấp, hư hỏng và các nguy cơ tác động từ môi trường tự nhiên, con người; xác định nguyên nhân gây hư hại để lựa chọn giải pháp trùng tu, tôn tạo phù hợp; thu thập tư liệu lịch sử, khảo cổ, mỹ thuật, kiến trúc liên quan đến di sản nhằm đối chiếu hình ảnh, bản vẽ, văn bản gốc nhằm xác định hình thức gốc của di sản. Tiếp đó phải làm rõ các giá trị tiêu biểu cần bảo tồn trong quá trình trùng tu, tôn tạo đồng thời xây dựng dự án, phương án kỹ thuật trùng tu, tôn tạo theo đúng quy định pháp luật, xác định phạm vi, quy mô, nội dung và mức độ can thiệp vào di sản.. Sau khi đã có phương án tối ưu thì tiến hành trùng tu, tôn tạo, quá trình trùng tu, tôn tạo. quá trình trùng tu, tôn tạo phải bảo đảm nguyên tắc ưu tiên bảo tồn yếu tố gốc, hạn chế thay đổi hình thức và cấu trúc ban đầu.

Triển khai các trùng tu, tôn tạo DSVHVT phải sử dụng vật liệu, kỹ thuật truyền thống hoặc tương thích với nguyên gốc để gia cố, sửa chữa các bộ phận bị hư hỏng, xuống cấp nhằm kéo dài tuổi thọ di sản. Thay thế có chọn

lọc những cấu kiện không còn khả năng bảo tồn, đồng thời, bổ sung, hoàn thiện những hạng mục phụ trợ nhằm làm rõ giá trị di sản. Tu sửa, gia cố những bộ phận bị xuống cấp theo đúng nguyên tắc khoa học và pháp luật, trên cơ sở tư liệu lịch sử, khảo cổ và khoa học, tránh làm sai lệch giá trị gốc. Có thể kết hợp công nghệ, vật liệu truyền thống và hiện đại một cách phù hợp trên tinh thần không làm biến dạng, lấn át hoặc phá vỡ giá trị lịch sử - văn hóa của DSVHVT. Chính trang cảnh quan, không gian xung quanh di tích theo hướng hài hòa, phù hợp. Quá trình trùng tu, tôn tạo phải đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan chuyên môn và được nghiệm thu kết quả trùng tu, tôn tạo theo tiêu chí khoa học và pháp lý.

Thứ ba, gắn bảo tồn với huy giá trị di sản văn hóa vật thể.

Giữa bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT có mối quan hệ biện chứng, thống nhất và tác động qua lại lẫn nhau, thể hiện ở các khía cạnh sau: i) Bảo tồn là nền tảng, điều kiện tiên quyết của phát huy giá trị. Bảo tồn nhằm giữ gìn yếu tố gốc, tính toàn vẹn và xác thực của di sản. Nếu di sản bị xâm hại, xuống cấp hoặc biến dạng thì việc phát huy giá trị sẽ mất ý nghĩa. Chỉ khi di sản được bảo tồn tốt mới có thể khai thác phục vụ giáo dục, nghiên cứu, tham quan và du lịch; ii) Phát huy giá trị là mục tiêu và động lực của bảo tồn. Phát huy giúp di sản “sống” trong đời sống xã hội, tránh bị lãng quên hoặc đóng kín. Các hoạt động trưng bày, tham quan, du lịch văn hóa tạo ra nguồn lực vật chất và tinh thần để tái đầu tư cho bảo tồn. Việc phát huy đúng hướng làm tăng nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác bảo tồn; iii) Bảo tồn định hướng và giới hạn cho phát huy. Phát huy giá trị phải dựa trên cơ sở bảo tồn, không được làm tổn hại yếu tố gốc của di sản. Bảo tồn đặt ra các nguyên tắc, chuẩn mực và giới hạn cho việc khai thác, sử dụng di sản. Mọi hoạt động phát huy đều phải tuân thủ pháp luật và nguyên tắc khoa học về bảo tồn di sản; iv) Phát huy giá trị tác động trở lại bảo tồn. Phát huy hợp lý góp phần nâng cao giá trị xã hội của di sản, thu hút sự quan tâm của Nhà nước

và cộng đồng. Ngược lại, phát huy thiếu kiểm soát (thương mại hóa, du lịch quá mức) có thể gây tổn hại, làm suy giảm giá trị di sản. Vì vậy, phát huy phải gắn với quản lý bền vững và bảo tồn lâu dài.

Có thể khẳng định, bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT không đối lập mà bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau; trong đó bảo tồn là nền tảng, phát huy là mục tiêu, cả hai thống nhất trong chiến lược phát triển văn hóa bền vững. Do đó trong quá trình bảo tồn văn hóa vật thể ở thủ đô Viên Chăn phải gắn với phát huy giá trị DSVHVT.

Nội dung gắn bảo tồn với phát huy giá trị DSVHVT là hệ thống các hoạt động nhằm vừa giữ gìn yếu tố gốc của di sản, vừa khai thác hợp lý các giá trị của di sản phục vụ đời sống xã hội và phát triển bền vững. Thể hiện cụ thể sau: i) Lồng ghép bảo tồn trong các hoạt động khai thác, sử dụng di sản. Kết hợp bảo tồn với trưng bày, tham quan, giáo dục và nghiên cứu khoa học. Tổ chức tham quan, du lịch văn hóa theo hướng kiểm soát, hạn chế tác động tiêu cực đến di sản. Sử dụng di sản đúng công năng, phù hợp với giá trị lịch sử - văn hóa vốn có; ii) Phát huy giá trị di sản phục vụ giáo dục và truyền thống văn hóa. Đưa di sản vào chương trình giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, học tập gắn với di sản cho học sinh, sinh viên, người dân. Ứng dụng công nghệ số trong giới thiệu và quảng bá di sản; iii) Gắn bảo tồn, phát huy với phát triển du lịch bền vững. Khai thác giá trị di sản gắn với phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, trong đó chú ý hạn chế thương mại hóa, tránh làm biến dạng và xâm hại di sản và phải quan tâm việc sử dụng nguồn thu từ du lịch để tái đầu tư cho bảo tồn di sản; iv) Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và khai thác di sản. Xác định cộng đồng là chủ thể quan trọng trong bảo tồn và phát huy di sản. Khuyến khích người dân tham gia quản lý, bảo vệ và khai thác giá trị di sản. Gắn quyền lợi của cộng đồng với trách nhiệm bảo tồn di sản.

Bảo tồn di sản văn hóa nói chung và bảo tồn DSVHVT nói riêng tại thủ đô Viêng Chăn hiện nay không chỉ là một nhiệm vụ mang tính kỹ thuật, mà còn là một chiến lược phát triển bền vững gắn chặt với bản sắc, đời sống tinh thần và hình ảnh quốc gia của Lào. Trong bối cảnh đô thị hóa diễn ra nhanh, sự dịch chuyển dân cư và nhu cầu mở rộng hạ tầng ngày càng lớn, việc bảo vệ các công trình cổ, không gian văn hóa và những thực hành truyền thống trở thành một yêu cầu cấp thiết.

2.1.3. Tầm quan trọng của việc bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

2.1.3.1. Lưu giữ giá trị của thủ đô Viêng Chăn nói riêng của đất nước Lào nói chung

Vai trò lưu giữ giá trị của việc bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, lưu giữ giá trị lịch sử.

Bảo tồn DSVHVT giúp gìn giữ những dấu tích vật chất phản ánh tiến trình lịch sử, đời sống xã hội, trình độ phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa của các thời kỳ, góp phần khẳng định chiều sâu lịch sử và bản sắc dân tộc. Bảo tồn DSVHVT có ý nghĩa quan trọng trong việc lưu giữ giá trị lịch sử của dân tộc. Thông qua việc gìn giữ các công trình kiến trúc, di tích, hiện vật và không gian lịch sử, bảo tồn giúp lưu lại những dấu tích vật chất phản ánh chân thực các sự kiện lịch sử, quá trình dựng nước và giữ nước, cũng như đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của các thời kỳ. DSVHVT là minh chứng sinh động cho trình độ phát triển của xã hội, kỹ thuật, nghệ thuật và tư duy sáng tạo của các thế hệ đi trước. Việc bảo tồn góp phần bảo đảm tính nguyên gốc, tính xác thực và tính liên tục của lịch sử, hạn chế nguy cơ mai một hoặc xuyên tạc lịch sử. Đồng thời, thông qua di sản được bảo tồn, các giá trị lịch sử được truyền tải một cách trực quan, sinh động tới các thế hệ hôm nay và mai sau, góp phần củng cố ý thức cội nguồn, lòng tự hào dân tộc và trách nhiệm kế thừa, phát huy truyền thống lịch sử của dân tộc

Thứ hai, lưu giữ giá trị văn hóa.

Thông qua bảo tồn, các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tín ngưỡng và lối sống được kết tinh trong DSVHVT được duy trì, bảo đảm tính liên tục và bền vững của văn hóa dân tộc trước tác động của hiện đại hóa và toàn cầu hóa. Bảo tồn DSVHVT có vai trò quan trọng trong việc lưu giữ và lan tỏa các giá trị văn hóa của dân tộc. Thông qua việc gìn giữ các công trình kiến trúc, di tích, hiện vật và không gian văn hóa, bảo tồn giúp duy trì những giá trị văn hóa truyền thống được kết tinh trong đời sống tinh thần, tín ngưỡng, phong tục, tập quán và thẩm mỹ của cộng đồng. DSVHVT phản ánh bản sắc văn hóa, lối sống và hệ giá trị đặc trưng của từng vùng, từng thời kỳ lịch sử, góp phần bảo đảm tính đa dạng và thống nhất của văn hóa dân tộc. Việc bảo tồn còn giúp duy trì sự gắn kết cộng đồng, củng cố ý thức cội nguồn và lòng tự hào văn hóa thông qua các hoạt động sinh hoạt, lễ hội và giáo dục truyền thống gắn với di sản. Đồng thời, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bảo tồn DSVHVT góp phần chống lại nguy cơ đồng hóa văn hóa, khẳng định bản sắc và nâng cao vị thế văn hóa Lào trong đời sống văn hóa khu vực và thế giới.

Thứ ba, lưu giữ giá trị khoa học.

DSVHVT là nguồn tư liệu quan trọng phục vụ nghiên cứu khảo cổ học, lịch sử, kiến trúc, mỹ thuật và các ngành khoa học xã hội, qua đó góp phần tái hiện và làm sáng tỏ các giá trị tri thức của cha ông. Bảo tồn DSVHVT có ý nghĩa quan trọng trong việc lưu giữ các giá trị khoa học. DSVHVT là nguồn tư liệu gốc, phản ánh trực tiếp trình độ phát triển khoa học, kỹ thuật, kiến trúc, mỹ thuật và tư duy sáng tạo của các thời kỳ lịch sử. Thông qua việc bảo tồn, các hiện vật, công trình và di tích được giữ gìn nguyên trạng, tạo cơ sở cho các nghiên cứu liên ngành như khảo cổ học, lịch sử học, kiến trúc học, dân tộc học và bảo tàng học. Giá trị khoa học của di sản còn thể hiện ở khả năng cung cấp những dữ liệu xác thực giúp tái hiện đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của cộng đồng trong quá khứ. Việc bảo tồn di sản góp phần bảo đảm tính

chính xác, tính khách quan và tính kế thừa trong nghiên cứu khoa học, đồng thời tạo điều kiện để ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại vào công tác nghiên cứu, bảo quản và phát huy giá trị DSVHVT hiện nay.

Thứ tư, lưu giữ giá trị kinh tế - xã hội.

Việc bảo tồn DSVHVT tạo nền tảng cho phát triển du lịch văn hóa, dịch vụ và kinh tế sáng tạo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với gìn giữ bản sắc văn hóa. Bảo tồn DSVHVT có ý nghĩa quan trọng trong việc lưu giữ và phát huy các giá trị kinh tế - xã hội. Thông qua việc gìn giữ các di tích, công trình kiến trúc và hiện vật có giá trị, bảo tồn tạo nền tảng cho phát triển du lịch văn hóa, dịch vụ và các ngành kinh tế sáng tạo, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương. Giá trị kinh tế - xã hội của di sản còn thể hiện ở việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa. Bên cạnh đó, bảo tồn DSVHVT góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, củng cố sự gắn kết cộng đồng và tăng cường ý thức trách nhiệm xã hội trong việc bảo vệ di sản. Đồng thời, thông qua việc phát huy giá trị di sản, hình ảnh quốc gia và địa phương được quảng bá rộng rãi, góp phần nâng cao vị thế, sức hấp dẫn và năng lực cạnh tranh của đất nước trong quá trình hội nhập và phát triển.

2.1.3.2. Giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của đất nước cho các thế hệ trẻ

Vai trò giáo dục truyền thống lịch sử văn hóa của đất nước cho các thế hệ của việc bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn thể hiện ở những nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, bảo tồn DSVHVT giúp lưu giữ những dấu tích vật chất phản ánh trung thực tiến trình lịch sử, truyền thống văn hóa và quá trình dựng nước, giữ nước của dân tộc. Thông qua các di tích lịch sử, công trình kiến trúc, hiện vật và không gian văn hóa, những sự kiện, nhân vật và giai đoạn lịch sử quan

trọng được ghi dấu một cách cụ thể, xác thực. DSVHVT là minh chứng sinh động cho trình độ phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa và kỹ thuật của các thời kỳ lịch sử khác nhau. Việc bảo tồn các dấu tích này góp phần bảo đảm tính nguyên gốc, tính liên tục của lịch sử dân tộc, hạn chế nguy cơ mai một hoặc xuyên tạc lịch sử. Đồng thời, các di sản được bảo tồn trở thành cơ sở quan trọng để các thế hệ hôm nay và mai sau hiểu đúng, hiểu sâu về truyền thống văn hóa và quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc Lào.

Thứ hai, DSVHVT là phương tiện giáo dục trực quan, sinh động trong việc truyền tải các giá trị lịch sử, văn hóa và tinh thần yêu nước cho Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Thông qua việc tiếp cận trực tiếp các di tích, công trình kiến trúc và hiện vật lịch sử, người học có điều kiện cảm nhận cụ thể, chân thực về các sự kiện và nhân vật lịch sử. Hình thức giáo dục thông qua di sản giúp khắc phục tính trừu tượng của kiến thức lịch sử, làm cho quá khứ trở nên gần gũi và dễ tiếp thu hơn. DSVHVT còn góp phần khơi dậy niềm tự hào dân tộc, lòng biết ơn đối với các thế hệ cha ông đã có công dựng nước và giữ nước. Qua đó, tinh thần yêu nước và ý thức trách nhiệm trong việc gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được hình thành và bồi dưỡng trong Nhân dân.

Thứ ba, thông qua việc bảo tồn và khai thác hợp lý DSVHVT, nhiều hoạt động học tập, tham quan và trải nghiệm thực tiễn được tổ chức một cách hiệu quả. Các hoạt động này giúp Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, tiếp cận di sản trong không gian lịch sử - văn hóa cụ thể, từ đó hiểu sâu sắc hơn về giá trị và ý nghĩa của di sản. Việc học tập gắn với trải nghiệm thực tế làm cho tri thức lịch sử, văn hóa trở nên sinh động, dễ tiếp thu và có sức lan tỏa cao. Qua quá trình đó, lòng tự hào dân tộc và ý thức cội nguồn được bồi dưỡng và củng cố. Đồng thời, nhận thức về trách nhiệm kế thừa, gìn giữ và phát huy truyền thống lịch sử - văn hóa của dân tộc cũng được hình thành và nâng cao trong đời sống xã hội.

Thứ tư, bảo tồn DSVHVT góp phần quan trọng trong việc hình thành nhân cách, đạo đức và lối sống của con người Lào trong xã hội hiện đại. Thông qua việc tiếp cận và tìm hiểu các giá trị lịch sử, văn hóa được kết tinh trong di sản, Nhân dân có điều kiện tiếp thu những chuẩn mực đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. DSVHVT còn giúp định hướng lối sống lành mạnh, đề cao các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng và trách nhiệm xã hội. Việc bảo tồn và phát huy di sản góp phần củng cố và lan tỏa bản sắc văn hóa dân tộc trước tác động của toàn cầu hóa. Qua đó, bảo tồn DSVHVT đáp ứng yêu cầu xây dựng nền văn hóa dân tộc Lào tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong đời sống xã hội hiện nay.

2.1.3.3. Góp phần thúc đẩy phát triển du lịch

Thứ nhất, bảo tồn DSVHVT tạo nền tảng quan trọng cho phát triển du lịch văn hóa. Khi các di tích lịch sử, công trình kiến trúc và hiện vật có giá trị được gìn giữ và tu bổ đúng quy định, di sản giữ được tính nguyên gốc và sức hấp dẫn đặc thù. Những di sản được bảo tồn tốt trở thành điểm đến tiêu biểu, thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan, tìm hiểu lịch sử và văn hóa dân tộc. Hoạt động du lịch gắn với di sản giúp du khách có trải nghiệm chân thực, sâu sắc về đời sống văn hóa của cộng đồng. Qua đó, giá trị lịch sử và văn hóa của di sản được lan tỏa rộng rãi trong xã hội. Việc phát triển du lịch dựa trên nền tảng di sản còn góp phần nâng cao hình ảnh điểm đến và uy tín của địa phương. Đồng thời, bảo tồn di sản gắn với du lịch tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch văn hóa ở Lào hiện nay.

Thứ hai, DSVHVT góp phần quan trọng vào việc đa dạng hóa các sản phẩm du lịch hiện nay. Trên cơ sở các di tích lịch sử, công trình kiến trúc và không gian văn hóa được bảo tồn, nhiều loại hình du lịch đặc thù được hình thành như du lịch lịch sử, du lịch tâm linh và du lịch trải nghiệm văn hóa. Những loại hình này đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của du khách trong và ngoài nước. Việc khai thác các giá trị di sản giúp nâng cao chất

lượng sản phẩm du lịch, tạo sự khác biệt so với các điểm đến khác. Du lịch gắn với di sản mang lại cho du khách những trải nghiệm sâu sắc, giàu tính giáo dục và giá trị văn hóa. Qua đó, sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh của ngành du lịch được nâng cao. Đồng thời, DSVHVT trở thành nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển du lịch bền vững ở Lào.

Thứ ba, hoạt động du lịch gắn với DSVHVT thúc đẩy sự phát triển của nhiều loại hình dịch vụ liên quan. Khi lượng khách du lịch đến tham quan các di tích tăng lên, nhu cầu về lưu trú, ẩm thực, vận chuyển và hướng dẫn du lịch cũng ngày càng lớn. Điều này tạo điều kiện cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ tại địa phương phát triển, mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng phục vụ. Nhiều việc làm mới được tạo ra cho người dân địa phương trong các lĩnh vực dịch vụ, thủ công truyền thống và kinh doanh du lịch. Thu nhập của cộng đồng vì thế được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao. Việc gắn sinh kế của người dân với di sản tạo động lực để cộng đồng tham gia tích cực vào bảo tồn di sản. Qua đó, du lịch di sản vừa góp phần phát triển kinh tế địa phương, vừa bảo đảm tính bền vững trong khai thác di sản văn hóa.

Thứ tư, bảo tồn và khai thác hợp lý DSVHVT là điều kiện quan trọng để phát triển du lịch theo hướng bền vững. Việc bảo tồn di sản giúp giữ gìn cảnh quan, không gian văn hóa và giá trị nguyên gốc của di tích, hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường. Khi khai thác di sản gắn với quy hoạch hợp lý, hoạt động du lịch được kiểm soát về quy mô và cường độ, tránh tình trạng thương mại hóa quá mức. Du lịch bền vững dựa trên di sản vừa tạo nguồn thu ổn định, vừa không làm tổn hại đến các giá trị văn hóa truyền thống. Đồng thời, bảo tồn di sản góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương trong quá trình phát triển kinh tế. Sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài của ngành du lịch.

Thứ năm, thông qua du lịch di sản, hình ảnh văn hóa và đất nước Lào được quảng bá rộng rãi tới bạn bè quốc tế. Các di tích lịch sử, công trình kiến

trúc và không gian văn hóa tiêu biểu trở thành kênh giới thiệu sinh động về chiều sâu lịch sử và bản sắc văn hóa dân tộc. Hoạt động tham quan, trải nghiệm di sản giúp du khách hiểu rõ hơn về con người, truyền thống và giá trị văn hóa của thủ đô Viêng Chăn nói riêng, đất nước Lào nói chung. Qua đó, hình ảnh một đất nước giàu bản sắc, hòa hiếu và phát triển bền vững được khẳng định trên trường quốc tế. Du lịch di sản còn góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa và tăng cường quan hệ hợp tác giữa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các quốc gia khác. Việc quảng bá hình ảnh thông qua di sản giúp nâng cao uy tín, vị thế và sức hấp dẫn của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong quá trình hội nhập. Đồng thời, DSVHVT trở thành nguồn lực mềm quan trọng phục vụ phát triển đất nước.

2.2. PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN - QUAN NIỆM, THỰC CHẤT VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG

2.2.1. Quan niệm phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Phát huy là làm cho cái vốn có, cái tốt đẹp sẵn có được bộc lộ, lan tỏa và phát triển mạnh hơn. Nói cách khác, phát huy là khai thác và sử dụng một cách hiệu quả nhất những tiềm năng, giá trị, năng lực hiện có để tạo ra kết quả và giá trị mới. Trong đời sống xã hội, phát huy là quá trình huy động, khơi dậy và vận dụng các nguồn lực vật chất, tinh thần, trí tuệ của con người và xã hội nhằm đạt mục tiêu phát triển chung.

Phát huy là quá trình tác động vào một sự vật, hiện tượng, hoặc một giá trị (năng lực, truyền thống, di sản...) nhằm: *Làm cho cái hay, cái tốt được bộc lộ rõ rệt hơn. Làm cho sức tác động của nó trở nên mạnh mẽ và lan tỏa rộng rãi hơn. Khai thác tối đa tiềm năng của nó để phục vụ cho một mục tiêu cụ thể.*

Các khía cạnh chính của phát huy giá trị tinh thần/văn hóa: Đó là quá trình đưa những truyền thống, đạo đức từ quá khứ vào đời sống hiện tại. Ví dụ:

Phát huy truyền thống yêu nước, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Phát huy nguồn lực/năng lực: Đó là sử dụng tối đa khả năng của con người hoặc vật chất. Ví dụ: Phát huy sức sáng tạo của thanh niên, phát huy hiệu quả của nguồn vốn đầu tư. Phát huy vai trò: Là đề cao và tạo điều kiện để một cá nhân hoặc tổ chức thực hiện chức năng của mình một cách tốt nhất. Ví dụ: Phát huy vai trò của người dân trong việc bảo vệ môi trường.

Chủ thể là người hoặc cộng đồng người có ý thức, có năng lực hành động, có vai trò quyết định trong một quá trình hoạt động xã hội nhất định. Nói cách khác, chủ thể là người thực hiện hành động, có trách nhiệm, quyền lợi và tác động đến đối tượng hoặc hiện tượng nào đó.

Trong triết học, chủ thể là con người, các nhóm xã hội hoặc cộng đồng người có ý thức và ý chí, chủ thể đặt trong mối quan hệ với khách thể, không có chủ thể nếu không có khách thể và ngược lại. Chủ thể đóng vai trò năng động, sáng tạo trong quá trình hoạt động thực tiễn. Đây là quá trình chuyển hóa từ trạng thái thụ động sang chủ động. Thay vì chỉ chịu tác động bởi hoàn cảnh (khách thể), chủ thể sẽ sử dụng trí tuệ, ý chí và kỹ năng để định hướng, điều khiển và cải tạo hoàn cảnh đó theo mục đích của mình.

Để phát huy được vai trò này, chủ thể cần hội đủ các yếu tố: Tri thức (Nhận thức): là những hiểu biết quy luật vận động của sự vật. Không thể làm chủ nếu không hiểu biết. Ý chí và niềm tin: là động lực tinh thần giúp chủ thể kiên trì vượt qua khó khăn để đạt mục tiêu. Năng lực thực tiễn: Đó là những kỹ năng, phương pháp và công cụ để hiện thực hóa ý tưởng. Tính tự giác: là sự chủ động tự thân mà không cần sự cưỡng ép từ bên ngoài.

Trong triết học Mác - Lênin, chủ thể thường đặt trong quan hệ với khách thể, chủ thể là con người hướng hành động của mình vào đối tượng trong khách thể. Chủ thể là con người - với tư cách là thực thể xã hội có ý thức, biết cải tạo tự nhiên và xã hội theo mục đích của mình. Con người không chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh, mà còn là chủ thể sáng tạo ra lịch sử,

quyết định sự phát triển của xã hội thông qua hoạt động thực tiễn cải tạo khách thể.

Phát huy vai trò của chủ thể là quá trình khơi dậy, tạo điều kiện và thúc đẩy các cá nhân, tổ chức, cộng đồng... phát huy năng lực, trách nhiệm và quyền hạn của mình trong hoạt động nhất định, nhằm đạt được mục tiêu chung của xã hội. Nói cách khác, đây là việc không chỉ công nhận vai trò của chủ thể, mà còn động viên, huy động và tạo cơ chế để họ chủ động, tích cực và sáng tạo trong hành động. Ví dụ, phát huy vai trò của nhân dân: khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức tham gia của nhân dân vào công việc chung.

Phát huy vai trò của các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT là quá trình huy động, khơi dậy và tạo điều kiện để Nhà nước, chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư, tổ chức và cá nhân cùng tham gia tích cực, chủ động và hiệu quả vào việc gìn giữ, quản lý và phát huy giá trị của di sản. Nhờ phát huy vai trò của các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT mà các di tích văn hoá vật thể được giữ gìn, bảo vệ, trùng tu, tôn tạo nhằm chống xuống cấp.

Phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn được hiểu là quá trình huy động, khuyến khích và phát triển vai trò, trách nhiệm, quyền lợi và sự tham gia tích cực của các chủ thể - đặc biệt là Nhà nước và nhân dân - vào mọi hoạt động gìn giữ, bảo vệ nguyên trạng; trùng tu, tôn tạo; và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể. Trong đó Nhà nước (từ trung ương đến địa phương) là chủ thể quản lý, định hướng và tổ chức thực hiện. Nhân dân là chủ thể trung tâm, trực tiếp tham gia vào bảo tồn và gìn giữ di sản văn hóa vật thể thể hiện ở: Người dân bảo vệ, giữ gìn, trông nom di tích tại cộng đồng; Tham gia lễ hội, sinh hoạt tôn giáo, giữ gìn phong tục gắn với di sản; Tham gia lao động, tu sửa cộng đồng; Tham gia phát triển du lịch văn hóa, kinh doanh dịch vụ lành mạnh; Góp phần giám sát xã hội, ngăn chặn các hành vi xâm hại di sản

2.2.2. Thực chất phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

2.2.2.1. Phát huy vai trò của nhân dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Trung tâm của quá trình phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT chính là nhân dân Lào. Nhân dân là những người sáng tạo nên toàn bộ nền văn hóa của dân tộc, bảo vệ, giữ gìn những giá trị văn hóa ấy trải suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Vai trò của nhân dân trong việc bảo tồn DSVHVT thể hiện ở chỗ người dân chính là người trực tiếp tham gia sáng tạo các sản phẩm văn hóa, các công trình văn hóa, đời sống văn hóa, trực tiếp duy trì, bảo tồn những giá trị văn hóa của dân tộc thông qua các hoạt động cụ thể của mình, đồng thời là những người trực tiếp thụ hưởng, tiêu dùng các sản phẩm văn hóa. Ngày nay, khi những giá trị văn hóa ấy được quảng bá một cách có chủ đích nhằm tạo nên sức hấp dẫn cho đất nước, thì nhân dân giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong các hoạt động văn hóa này.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, DSVHVT nói riêng là sự nghiệp của toàn dân. Nhân dân là một trong hai chủ thể quan trọng nhất trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, do đó cần phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân. Nhân dân bao gồm: các cá nhân công dân, cộng đồng xã hội (làng, xã) doanh nghiệp... Việc phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn thể hiện cụ thể ở các nội dung sau:

Một là, phát huy vai trò của nhân dân trong việc giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng các DSVHVT. Đây là việc bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng các DSVHVT, không để tình trạng xâm hại của con người đối với các di sản văn hóa diễn ra.

Phát huy vai trò của Nhân dân trong việc giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng các DSVHVT là yếu tố quan trọng bảo đảm sự tồn tại bền vững của di sản. Trước hết, Nhân dân cần được nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối

với giá trị lịch sử, văn hóa của di sản, từ đó tự giác tham gia bảo vệ các yếu tố gốc, tính xác thực và tính toàn vẹn của di sản. Với tư cách là chủ thể trực tiếp gắn bó với di sản, Nhân dân tham gia trông coi, gìn giữ thường xuyên và kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại DSVHVT. Đồng thời, Nhân dân thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ di sản, không tự ý sửa chữa, xây dựng hoặc khai thác làm ảnh hưởng đến nguyên trạng di sản. Thông qua việc phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng, Nhân dân góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và giám sát xã hội đối với di sản. Bên cạnh đó, việc gìn giữ di sản còn được thực hiện thông qua bảo vệ không gian văn hóa, phong tục, tập quán và đời sống sinh hoạt cộng đồng gắn với di sản. Qua đó, phát huy vai trò của Nhân dân trong việc bảo vệ, gìn giữ nguyên trạng các DSVHVT cho các thế hệ mai sau.

Hai là, phát huy vai trò của nhân dân trong việc trùng tu, tôn tạo các DSVHVT. Khi DSVHVT bị xuống cấp, biến dạng, hư hỏng do thời gian hoặc do thời tiết cực đoan như bão lũ, hạn hán thì việc trùng tu, tôn tạo là rất cần thiết.

Phát huy vai trò của Nhân dân trong việc trùng tu, tôn tạo các DSVHVT có ý nghĩa quan trọng nhằm bảo đảm giữ gìn giá trị lịch sử - văn hóa của di sản. Trước hết, Nhân dân, đặc biệt là cộng đồng địa phương nơi có di sản, tham gia trực tiếp vào các hoạt động trùng tu, tôn tạo thông qua việc đóng góp công sức, kinh nghiệm và tri thức bản địa, góp phần bảo đảm sự phù hợp với đặc trưng lịch sử và không gian văn hóa của di sản. Đồng thời, Nhân dân thực hiện quyền giám sát và phản biện xã hội đối với các dự án trùng tu, tôn tạo, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hiện tượng trùng tu sai lệch, làm biến dạng hoặc làm mất giá trị gốc của di sản. Nhân dân cũng có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, không tự ý sửa chữa, coi nói hoặc xây dựng trái phép trong khu vực di sản. Bên cạnh đó, Nhân dân tham gia đóng góp nguồn lực theo hình thức xã hội hóa, góp phần hỗ trợ Nhà nước trong công tác trùng tu, tôn tạo di sản. Việc gìn giữ và truyền

dạy các tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm truyền thống liên quan đến tu bổ di sản của Nhân dân cũng góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trùng tu, tôn tạo các DSVHVT.

Ba là, phát huy vai trò của nhân dân trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể.

Phát huy vai trò của Nhân dân trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị các DSVHVT có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững văn hóa dân tộc. Trước hết, Nhân dân cần được nâng cao nhận thức về giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học của di sản, từ đó hình thành ý thức tự giác trong việc bảo vệ và khai thác hợp lý di sản. Nhân dân, đặc biệt là cộng đồng cư dân địa phương, tham gia trực tiếp vào các hoạt động bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và tổ chức các hoạt động phát huy giá trị di sản gắn với giáo dục truyền thống, du lịch văn hóa và sinh hoạt cộng đồng. Thông qua việc tham gia góp ý, giám sát và phản biện xã hội, Nhân dân góp phần bảo đảm quá trình phát huy giá trị di sản không làm tổn hại đến giá trị gốc. Bên cạnh đó, việc gắn bảo tồn và phát huy di sản với lợi ích thiết thực của cộng đồng giúp tạo động lực để Nhân dân chủ động gìn giữ di sản một cách bền vững. Đồng thời, Nhân dân giữ gìn không gian văn hóa, phong tục, tập quán gắn với di sản, góp phần phát huy toàn diện giá trị các DSVHVT trong đời sống xã hội hiện nay.

Ba nội dung trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, tạo điều kiện, tiền đề cho nhau. Để thực hiện được hai nội dung nói trên đòi hỏi phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ giá trị lịch sử, văn hóa, tôn giáo của các DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, để người dân xác định rõ rằng bảo tồn di sản không chỉ là việc của Nhà nước mà là trách nhiệm của mỗi người dân, doanh nghiệp. Người dân chủ động nâng cao nhận thức của bản thân về DSVHVT và tầm quan trọng của nó. Người dân hiểu rõ về giá trị lịch sử văn hóa của các di sản văn hóa, để từ đó có ý thức trách

nhiệm bảo vệ. Bên cạnh đó, mọi người dân có thể chia sẻ những hiểu biết của mình cho các thành viên trong gia đình, cộng đồng xung quanh, đặc biệt là cho thế hệ trẻ, giúp lan tỏa tình yêu và trách nhiệm đối với DSVHVT. Ngoài ra, người dân có thể tham gia các buổi tọa đàm, lớp bồi dưỡng về văn hóa và lịch sử do các cơ quan chính quyền tổ chức để nâng cao hiểu biết của mình.

Thứ hai, trách nhiệm bảo tồn các DSVHVT không chỉ dừng lại ở lời nói, nhận thức, mà còn phải thể hiện bằng hành động cụ thể, thiết thực. Chẳng hạn, giữ gìn vệ sinh khu vực di sản văn hóa, không vứt rác bừa bãi, không vẽ bậy, khắc tên lên các di sản văn hóa, di vật. Khi phát hiện có các hành vi xâm hại, phá hoại hay trộm cắp cổ vật, lấn chiếm di tích, người dân cần thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương hoặc các cơ quan có thẩm quyền quản lý DSVHVT để có biện pháp ngăn chặn phù hợp. Thêm nữa, người dân, doanh nghiệp mạnh dạn, tích cực tham gia các hoạt động xã hội hóa, đóng góp sức lực hay vật chất, kinh nghiệm để góp phần trùng tu, tôn tạo các DSVHVT.

Thứ ba, phát huy vai trò cộng đồng trong gìn giữ phong tục, nghi lễ và thực hành văn hóa gắn với DSVHVT, đồng thời gắn việc bảo tồn với phát triển sinh kế cho người dân. Việc duy trì các hoạt động sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng, phát triển kinh tế cộng đồng gắn với di sản góp phần “làm sống” giá trị của di sản. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp cả nước nói chung, đặc biệt là người dân Viêng Chăn tham gia phát triển du lịch cộng đồng, kinh doanh hàng lưu niệm truyền thống, ẩm thực, dịch vụ văn hóa phục vụ khách du lịch về thăm DSVHVT.

2.2.2.2. Phát huy vai trò Nhà nước trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Trong bảo tồn DSVHVT, Nhà nước là một trong những chủ thể quan trọng nhất trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, do đó cần đặc biệt chú trọng phát huy vai trò chủ thể của Nhà nước.

Phát huy vai trò của Nhà nước trong bảo tồn DSVHVT là quá trình Nhà nước thực hiện chức năng quản lý, định hướng, điều phối và hỗ trợ nhằm

bảo đảm việc bảo vệ, gìn giữ, tu bổ, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị di sản một cách bền vững, phù hợp với lợi ích quốc gia và cộng đồng. Nội dung phát huy vai trò của Nhà nước thể hiện như sau:

Một là, phát huy vai trò của nhà nước trong việc bảo vệ, gìn giữ nguyên trạng các DSVHVT. Nhà nước phải tham gia vào bảo vệ, giữ gìn các DSVHVT, nghiêm cấm những hành vi xâm hại đến các DSVHVT của con người, như hành vi lấn chiếm không gian di sản, trộm cắp hiện vật trong các chùa chiền, bảo tàng....

Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc bảo vệ, gìn giữ nguyên trạng các DSVHVT là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm lưu giữ lâu dài các giá trị lịch sử - văn hóa của dân tộc. Trước hết, Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo vệ di sản, xác lập rõ trách nhiệm của các chủ thể trong việc giữ gìn tối đa các yếu tố gốc, tính xác thực và tính toàn vẹn của di sản. Thông qua công tác quy hoạch và khoanh vùng bảo vệ, Nhà nước quản lý chặt chẽ không gian, cảnh quan và môi trường xung quanh di sản, ngăn chặn các hoạt động có nguy cơ xâm hại đến giá trị nguyên trạng của di sản. Đồng thời, Nhà nước tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ di sản, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Nhà nước cũng giữ vai trò chủ đạo trong việc đầu tư ngân sách cho công tác bảo vệ, gìn giữ di sản, kết hợp với cơ chế khuyến khích xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực xã hội dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Bên cạnh đó, Nhà nước chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, phát huy vai trò của cộng đồng địa phương trong việc tham gia bảo vệ và gìn giữ nguyên trạng các DSVHVT.

Bộ TTVH&DL, các địa phương của thủ đô đã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về di sản, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ gìn nguyên trạng các DSVHVT để người dân

nhận thức đúng đắn, đầy đủ. Công tác này được thực hiện thông qua nhiều hình thức như: in ấn, phát hành các ấn phẩm, thực hiện các chuyên mục phát thanh, tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật và các văn bản dưới luật về di sản, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt ở khu dân cư, xã/phường cũng như tại các hội thảo, lễ hội, sự kiện.

Trong bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng DSVHVT, vai trò, trách nhiệm của cộng đồng là rất quan trọng. Vì vậy, chính quyền thủ đô đã áp dụng một mô hình quản lý bảo tồn dựa vào sự xích lại của cộng đồng dân cư đến với di sản. Trong đó, việc nâng cao nhận thức của người dân về giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng là mục tiêu quan trọng, lâu dài. Chính quyền đưa việc giáo dục nhằm giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng DSVHVT vào học đường; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, để người dân không xâm hại các DSVHVT, đồng thời hỗ trợ sinh kế người dân để chuyển đổi mô hình kinh tế, chia sẻ quyền lợi với người dân thông qua các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, các chương trình phúc lợi để nhân dân thụ hưởng.

Hai là, phát huy vai trò của nhà nước trong việc trùng tu, tôn tạo các DSVHVT. Khi DSVHVT bị xuống cấp, biến dạng, hư hỏng thì nhà nước phải tham gia tích cực vào việc trùng tu, tôn tạo các DSVHVT.

Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc trùng tu, tôn tạo các DSVHVT là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm gìn giữ lâu dài các giá trị lịch sử - văn hóa của dân tộc. Trước hết, Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về trùng tu, tôn tạo di sản, bảo đảm các hoạt động này tuân thủ nguyên tắc bảo tồn giá trị gốc, tính xác thực và tính toàn vẹn của di sản. Thông qua công tác quy hoạch và kế hoạch hóa, Nhà nước định hướng trùng tu, tôn tạo có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các di sản có giá trị đặc biệt hoặc đang xuống cấp nghiêm trọng. Đồng thời, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc đầu tư, phân bổ ngân sách cho công tác trùng tu, tôn tạo, kết hợp với việc ban hành cơ chế khuyến khích xã

hội hóa nhằm huy động các nguồn lực xã hội một cách hợp lý. Công tác quản lý, thẩm định, thanh tra và giám sát được tăng cường để kịp thời ngăn chặn các hành vi trùng tu sai lệch, làm biến dạng di sản. Bên cạnh đó, Nhà nước chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn, nghệ nhân và đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong trùng tu, tôn tạo di sản. Qua đó, bảo đảm các DSVHVT được bảo vệ bền vững và phát huy giá trị phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

Ba là, phát huy vai trò của nhà nước trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị các DSVHVT.

Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị các DSVHVT là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm gìn giữ lâu dài các giá trị lịch sử - văn hóa của dân tộc, đồng thời khai thác hợp lý di sản phục vụ phát triển bền vững. Trước hết, Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách và pháp luật về di sản, định hướng nguyên tắc bảo tồn là nền tảng, phát huy là mục tiêu. Thông qua công tác quy hoạch tổng thể, Nhà nước gắn bảo tồn di sản với phát triển kinh tế - xã hội, du lịch văn hóa và giáo dục truyền thống, tránh tình trạng khai thác tùy tiện, thương mại hóa cực đoan. Bên cạnh đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư ngân sách, đồng thời ban hành cơ chế khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra được tăng cường nhằm bảo đảm việc tu bổ, khai thác di sản không làm tổn hại đến tính nguyên gốc, tính xác thực và toàn vẹn của di sản. Đồng thời, Nhà nước tạo điều kiện để cộng đồng địa phương trở thành chủ thể trực tiếp trong việc giữ gìn và phát huy di sản, gắn lợi ích của người dân với trách nhiệm bảo vệ di sản. Việc đào tạo nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý và quảng bá di sản cũng được chú trọng, qua đó nâng cao hiệu quả phát huy giá trị các DSVHVT trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

Ba nội dung trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, tạo điều kiện, tiền đề cho nhau. Để thực hiện được hai nội dung nói trên đòi hỏi Nhà nước phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

i) Ban hành chủ trương, chính sách và pháp luật. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về bảo tồn và phát huy di sản (như Luật Di sản văn hóa, các nghị định, thông tư...); Nhà nước ban hành chiến lược, chương trình, quy hoạch tổng thể bảo tồn DSVHVT gắn với phát triển văn hóa - du lịch - kinh tế; Nhà nước đảm bảo hành lang pháp lý cho sự tham gia của các chủ thể khác trong xã hội.

ii) Huy động và phân bổ nguồn lực. Nhà nước đầu tư ngân sách Nhà nước cho công tác bảo vệ, giữ gìn, trùng tu, tôn tạo các DSVHVT; Nhà nước khuyến khích xã hội hóa, thu hút sự tham gia của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân vào bảo tồn các DSVHVT.

iii) Tổ chức quản lý kiểm kê, kiểm tra giám sát. Nhà nước thành lập các cơ quan chuyên môn (Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch; Cục Di sản văn hóa; Sở Văn hóa các tỉnh...) để thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nhà nước hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tu bổ, tôn tạo, khai thác và quảng bá di tích theo đúng quy định; Nhà nước ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm hại, lấn chiếm, làm sai lệch giá trị DSVHVT.

2.2.3. Các nhân tố tác động đến phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

2.2.3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng sâu sắc đến việc phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Bởi lẽ, yếu tố tự nhiên không chỉ tác động trực tiếp đến sự tồn tại, tình trạng vật chất của di sản, mà còn ảnh hưởng đến nhận thức, phương thức và mức độ tham gia của người dân trong hoạt động bảo tồn.

Viêng Chăn là thủ đô của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, là đơn vị hành chính địa phương cấp 1 ngang với các tỉnh của Lào. Thủ đô

Viêng Chăn bao gồm 9 đơn vị hành chính cấp 2 trong đó có 5 đơn vị đô thị và 4 đơn vị nông thôn. Trước năm 1989, thành phố Viêng Chăn và tỉnh Viêng Chăn là một đơn vị hành chính. Sau khi tách ra, Lào vừa có tỉnh Viêng Chăn vừa có thành phố trực thuộc trung ương Viêng Chăn. Thủ đô Viêng Chăn hiện nay rộng 3.920 km² và có khoảng 828.000 dân. Phía Bắc giáp với tỉnh Viêng Chăn, phía Nam giáp Vương quốc Thái Lan, có sông Mê Kong là biên giới dài 170 km, phía Đông giáp với tỉnh Bolikhamxay, phía Tây giáp với tỉnh Viêng Chăn và Vương quốc Thái Lan. Khu vực đô thị hay nội thành gồm 6 quận (huyện) là: Chanthabuly, Sikhottabong, Xaysettha, Sisattanak, Hadxaifong, Xaythany và khu vực nông thôn hay ngoại thành gồm 3 quận (huyện) là: Park Nguem, Naxaithong, Xangthong. Thủ đô Viêng Chăn có khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Viêng Chăn có nhiệt độ cao và độ ẩm lớn, đặc biệt vào mùa mưa. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, nhiệt độ trung bình từ 25,9⁰C - 31,2⁰C, tiếp theo đó là mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 nhiệt độ trung bình từ 19,3⁰C - 30⁰C. Lượng mưa bình quân thay đổi theo thời gian và không gian. Phân phối lượng mưa các tháng trong năm không đều và tổng lượng mưa hằng năm cũng thay đổi khá lớn.

Những điều kiện tự nhiên này vừa tạo thuận lợi, vừa đặt ra thách thức đối với việc phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn DSVHVT, thể hiện ở những nội dung sau:

Vị trí địa lý thuận lợi và cảnh quan sông nước đẹp giúp Viêng Chăn trở thành trung tâm kinh tế - văn hóa - du lịch của cả nước. Nhờ vậy, người dân có nhiều cơ hội tham gia hoạt động du lịch văn hóa, hướng dẫn du khách, buôn bán sản phẩm thủ công truyền thống, và gắn sinh kế với di sản như chùa Thạt Luông, chùa Sisaket, chùa Ho Phra Keo, hay các công trình kiến trúc cổ. Điều này khuyến khích nhân dân tích cực gìn giữ, tôn tạo và phát huy giá trị của các DSVHVT.

Tuy nhiên, độ ẩm và nhiệt độ cao ở khu vực thủ đô Viêng Chăn là yếu tố gây ra nhiều vấn đề nhất. Độ ẩm cao là môi trường lý tưởng cho nấm mốc, rêu và vi khuẩn phát triển, gây hư hại nghiêm trọng cho các cấu trúc gỗ, gạch, và các tác phẩm nghệ thuật làm từ vật liệu hữu cơ. Nhiệt độ cao cũng đẩy nhanh quá trình phân hủy vật liệu. Hơn nữa, mùa mưa kéo dài, lượng mưa lớn từ tháng 5 đến tháng 11 có thể gây ra xói mòn, ngấm nước và ngập lụt cục bộ, đặc biệt là ở những khu vực gần sông Mê Kông. Yếu tố này đe dọa trực tiếp đến nền móng và kết cấu của các di tích kiến trúc cổ. Bên cạnh đó, hiện tượng thời tiết cực đoan như biến đổi khí hậu đang làm gia tăng tần suất và mức độ nghiêm trọng của các hiện tượng như lũ lụt và hạn hán. Lũ lụt có thể cuốn trôi hoặc nhấn chìm các di sản, trong khi hạn hán làm nứt nẻ, xuống cấp các công trình xây dựng. Điều này gây khó khăn cho việc bảo vệ, gìn giữ, bảo quản, vệ sinh, tu sửa định kỳ, trùng tu, tôn tạo các di sản văn hóa vật thể của các chủ thể liên quan.

Ngoài điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của thủ đô Viêng Chăn có ảnh hưởng sâu sắc đến việc phát huy vai trò của các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể, bởi nó chi phối nguồn lực vật chất, trình độ dân trí, ý thức cộng đồng và phương thức tổ chức bảo tồn của nhân dân và chính quyền địa phương.

Viêng Chăn là trung tâm kinh tế - chính trị lớn nhất của Lào, có tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế nhanh. Nhờ đó, nguồn lực tài chính và kỹ thuật dành cho bảo tồn di sản ngày càng được tăng cường. Điều kiện kinh tế ngày càng được nâng cao giúp nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân Viêng Chăn. Khi đời sống ổn định, người dân có điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa - lễ hội, tự nguyện đóng góp công sức, tiền của cho việc trùng tu, gìn giữ các di tích văn hóa vật thể. Đồng thời, trình độ học vấn và ý thức cộng đồng cũng được cải thiện, giúp nhân dân hiểu rõ hơn về giá trị lịch sử - văn hóa của di sản và tự giác tham gia bảo tồn. Ngoài ra, Viêng Chăn là

nơi tập trung nhiều tổ chức quốc tế, khách du lịch và các hoạt động giao lưu văn hóa, tạo điều kiện thuận lợi để giới thiệu, quảng bá và khai thác di sản gắn với phát triển du lịch bền vững. Điều này không chỉ giúp bảo tồn hiệu quả hơn mà còn mang lại lợi ích kinh tế cho người dân, tạo động lực để họ tích cực tham gia vào quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế - xã hội cũng đặt ra thách thức lớn đối với bảo tồn di sản. Quá trình đô thị hóa nhanh, mở rộng giao thông và xây dựng cơ sở hạ tầng khiến nhiều không gian văn hóa truyền thống bị thu hẹp, một số di tích có nguy cơ bị xâm lấn hoặc thương mại hóa.

2.2.3.2. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể. Quá trình này vừa mang lại nhiều cơ hội, vừa đặt ra không ít thách thức đối với việc phát huy vai trò chủ thể của nhân dân và Nhà nước trong công tác bảo tồn văn hóa.

Trước hết, hội nhập quốc tế giúp Nhà nước Lào và chính quyền thủ đô Viêng Chăn có điều kiện hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNESCO, JICA, Quỹ châu Á, hoặc các quốc gia láng giềng trong khu vực ASEAN. Thông qua các chương trình hợp tác, Viêng Chăn được hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và chuyên gia trong việc trùng tu, tôn tạo các di tích như Thạt Luồng, chùa Sisaket, chùa Ho Phra Keo, Patuxay, v.v.. Điều đó góp phần nâng cao năng lực quản lý, kỹ thuật bảo tồn và nhận thức văn hóa của Nhà nước, đồng thời khẳng định vai trò quản lý, điều phối, dẫn dắt của Nhà nước trong bảo tồn di sản.

Thứ hai, quá trình toàn cầu hóa tạo cơ hội để người dân Viêng Chăn mở rộng tầm nhìn và nâng cao ý thức về giá trị văn hóa dân tộc. Thông qua giao lưu, du lịch và các hoạt động văn hóa quốc tế, nhân dân hiểu rõ hơn tầm quan trọng của di sản đối với hình ảnh đất nước và đời sống tinh thần. Nhiều cộng

đồng dân cư đã tích cực tham gia vào hoạt động bảo tồn, vệ sinh di tích, hướng dẫn du khách, bán hàng lưu niệm truyền thống - biến di sản thành nguồn sinh kế gắn liền với niềm tự hào văn hóa. Điều đó thể hiện sự phát huy vai trò chủ thể rõ nét của nhân dân trong bảo tồn. Mặt khác, toàn cầu hóa cũng giúp quảng bá hình ảnh Viêng Chăn và văn hóa Lào ra thế giới, góp phần thu hút du khách, đầu tư và sự quan tâm quốc tế. Đây là cơ hội để Nhà nước và nhân dân cùng phát huy vai trò chủ thể, vừa gìn giữ bản sắc, vừa hội nhập phát triển để DSVHVT không chỉ là “báu vật quá khứ”, mà còn trở thành nguồn lực kinh tế - xã hội quan trọng của thủ đô trong thời kỳ hội nhập. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng đặt ra nhiều thách thức. Sự du nhập của các giá trị văn hóa ngoại lai, lối sống hiện đại, cùng với quá trình đô thị hóa nhanh có thể dẫn đến nguy cơ thương mại hóa, lai tạp hoặc đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

Cùng với quá trình toàn cầu hóa hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ trong thời kỳ hiện nay cũng tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của Nhà nước và nhân dân trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong công tác bảo tồn và phát huy DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn. Quá trình này vừa mang lại nhiều cơ hội thuận lợi, vừa đặt ra thách thức mới, đồng thời tác động rõ rệt đến vai trò chủ thể của Nhà nước và nhân dân trong công tác bảo tồn.

Trước hết, sự tiên bộ của khoa học - công nghệ giúp Nhà nước Viêng Chăn có công cụ hiện đại để quản lý, lưu trữ và bảo tồn di sản hiệu quả hơn. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), quét 3D, số hóa tư liệu, hệ thống thông tin địa lý (GIS)... giúp ghi chép, phục dựng và bảo vệ các công trình cổ, như chùa Thạt Luông, chùa Sisaket, Patuxay, Ho Phra Keo... Điều đó giúp Nhà nước theo dõi tình trạng di tích, phát hiện sớm nguy cơ xuống cấp, và ra quyết định tu bổ chính xác, khoa học hơn. Như vậy, vai trò quản lý,

điều hành và định hướng bảo tồn của Nhà nước được nâng cao cả về hiệu quả và tầm nhìn.

Thứ hai, khoa học - công nghệ mở ra cơ hội để người dân Viêng Chăn tham gia tích cực hơn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nhờ các nền tảng mạng xã hội, website, ứng dụng du lịch thông minh, người dân có thể quảng bá hình ảnh di sản, giới thiệu văn hóa truyền thống, hoặc kinh doanh sản phẩm thủ công, ẩm thực, du lịch cộng đồng gắn với di tích. Điều này giúp họ gắn kết lợi ích kinh tế với trách nhiệm bảo tồn, biến di sản thành nguồn sinh kế và niềm tự hào văn hóa.

Thứ ba, sự phát triển của công nghệ còn giúp mở rộng giáo dục và tuyên truyền văn hóa. Các trường học, viện bảo tàng và cơ quan văn hóa ở Viêng Chăn có thể sử dụng phương tiện nghe nhìn, thực tế ảo (VR), triển lãm trực tuyến, giúp người dân - đặc biệt là thanh niên - hiểu rõ hơn giá trị di sản, từ đó nâng cao ý thức bảo vệ và gìn giữ. Nhờ vậy, vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn văn hóa được phát huy tốt hơn.

Tuy nhiên, cùng với mặt tích cực, khoa học và công nghệ cũng đặt ra thách thức. Việc ứng dụng công nghệ không đồng đều, thiếu nhân lực chuyên môn, hoặc thương mại hóa quá mức trên mạng xã hội có thể làm mất tính nguyên gốc, biến dạng giá trị văn hóa. Trong bối cảnh đó, Nhà nước cần tăng cường quản lý, ban hành quy định chuẩn mực cho việc số hóa và khai thác di sản, đồng thời hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ đúng cách, kết hợp giữa hiện đại hóa và bảo tồn truyền thống.

2.2.3.3. Chủ trương, đường lối của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, chính sách, pháp luật của Nhà nước Lào

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào giữ vai trò lãnh đạo toàn diện đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, trong đó có công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể. Trong lĩnh vực này, Đảng không chỉ trực tiếp chỉ đạo, định hướng mà còn tác động sâu sắc đến việc phát huy vai trò chủ thể

của nhân dân và Nhà nước, bảo đảm sự phối hợp hài hòa giữa hai lực lượng trung tâm của công tác bảo tồn.

Trước hết, Đảng định hướng về tư tưởng và nhận thức cho toàn xã hội. Đảng xác định rằng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước, do đó việc bảo tồn và phát huy DSVHVT là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Nhờ sự định hướng này, Nhà nước nhận thức rõ vai trò quản lý và đầu tư, còn nhân dân ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm và quyền làm chủ trong bảo tồn văn hóa.

Thứ hai, Đảng ban hành chủ trương, đường lối và nghị quyết, song song với đó, Nhà nước thể chế hóa thành chính sách, luật pháp và chương trình hành động. Qua đó, Nhà nước có cơ sở pháp lý và nguồn lực để quản lý, tu bổ, tôn tạo di tích, đồng thời huy động sức dân và xã hội hóa công tác bảo tồn. Đây là cách Đảng tạo môi quan hệ phối hợp nhịp nhàng giữa Nhà nước - nhân dân - cộng đồng trong gìn giữ DSVHVT.

Thứ ba, Đảng phát huy vai trò chủ thể của nhân dân thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục và các phong trào văn hóa - xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiều phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Bảo tồn di tích gắn với phát triển du lịch bền vững”, hay “Xây dựng làng, bản văn hóa” đã được triển khai sâu rộng. Nhờ đó, nhân dân không chỉ là người thụ hưởng giá trị văn hóa, mà còn là người sáng tạo, bảo vệ và truyền bá các giá trị đó.

Thứ tư, Đảng chỉ đạo Nhà nước gắn bảo tồn với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch văn hóa, giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng. Điều này giúp nhân dân có nguồn sinh kế ổn định, thấy được lợi ích thiết thực từ di sản, từ đó chủ động và tự giác tham gia bảo tồn. Đồng thời, Nhà nước có điều kiện đầu tư hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nhân lực phục vụ công tác bảo tồn lâu dài.

2.2.3.4. Đặc điểm văn hóa, nhận thức, tính tích cực, chủ động của Nhân dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Nhân dân, cộng đồng dân cư sinh sống gắn bó trực tiếp và lâu đời với các di sản, vừa là chủ thể, vừa là nhân tố tác động tới việc phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn nói riêng, của đất nước Lào nói chung.

Thứ nhất, đặc điểm văn hóa đầu tiên của người dân Lào là niềm tự hào sâu sắc về lịch sử và di sản dân tộc, được thể hiện rõ qua thực trạng công tác quản lý di sản ở Viêng Chăn. Theo các nghiên cứu, người dân Lào luôn coi di sản văn hóa là tài sản quý giá của cả cộng đồng, gắn liền với tư tưởng "vốn kế thừa từ thế hệ trước, phải giữ gìn để truyền lại cho thế hệ sau". Điều đó được phản ánh qua sự tham gia tích cực của người dân trong các hoạt động bảo tồn di tích, như việc đóng góp công sức, tiền bạc để tu bổ các công trình kiến trúc cổ, tham gia các hoạt động quảng bá di sản văn hóa. Đặc biệt, tại thủ đô Viêng Chăn, các lễ hội truyền thống như Tết Bun Pi May, lễ hội đốt pháo thăng thiên được tổ chức đều có sự tham gia đông đảo của người dân, không chỉ là hoạt động vui chơi mà còn là cách để giới thiệu và giữ gìn giá trị di sản văn hóa vật thể như các ngôi chùa, di tích lịch sử.

Thứ hai, Phật giáo là tôn giáo chính thống ở Lào, ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống, tư duy và văn hóa của người dân. Tại Viêng Chăn, hệ thống chùa, tòa tháp như Thạt Luồng, Công viên Phật Xiêng Khoan không chỉ là nơi tín ngưỡng thờ cúng mà còn là di sản văn hóa vật thể có giá trị cao. Quan niệm về sự "bảo tồn sự linh thiêng" của Phật giáo đã góp phần thúc đẩy người dân và chính quyền địa phương quan tâm đến việc bảo quản, tu bổ các công trình kiến trúc tôn giáo. Người dân Lào thường có thói quen dọn dẹp, vệ sinh các ngôi chùa, tôn thờ Phật đúng theo nghi thức, giúp giữ gìn được trạng thái nguyên vẹn của các di sản văn hóa vật thể. Ngoài ra, các nghi lễ, lễ hội Phật giáo diễn ra thường xuyên tại Viêng Chăn cũng giúp nâng cao nhận thức về giá trị của di sản văn hóa đối với cộng đồng.

Thứ ba, người dân Lào rất tích cực vận động xã hội hóa nguồn lực cho bảo tồn di sản. Đặc điểm văn hóa đặc trưng của người dân Lào là tinh thần đoàn kết, cộng đồng đồng lòng hợp tác cùng thực hiện các công việc chung. Điều này đã tạo điều kiện cho việc xã hội hóa nguồn lực trong công tác bảo tồn di sản văn hóa tại Viêng Chăn. Theo số liệu từ Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch Lào, nguồn kinh phí từ xã hội và các hoạt động khai thác đã chiếm tới 50-60% tổng kinh phí cho công tác tôn tạo, bảo tồn di sản văn hóa tại thủ đô. Các doanh nghiệp, tổ chức từ thiện và nhân dân đã cùng nhau đóng góp tiền bạc, công sức để phục hồi, tu bổ các di tích lịch sử như Khải hoàn môn, các đường phố cổ. Đây là minh chứng cho thấy tinh thần cộng đồng của người dân Lào đã góp phần thúc đẩy công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể tại Viêng Chăn.

Mặc dù có niềm tự hào dân tộc, cộng đồng đoàn kết, nhưng một bộ phận người dân Lào vẫn còn nhận thức hạn chế về giá trị thực sự của di sản văn hóa vật thể. Một số người chưa hiểu rõ ý nghĩa lịch sử, văn hóa của các di tích, dẫn đến tình trạng phá hoại, làm hỏng các công trình kiến trúc do vô ý. Ví dụ, tại một số khu di tích tại Viêng Chăn, đã xảy ra trường hợp người dân vẽ vật, dán quảng cáo trên tường các công trình cổ, làm giảm giá trị thẩm mỹ và lịch sử của di sản. Đây là thách thức cho công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa, đòi hỏi cần tăng cường truyền thông, giáo dục về giá trị di sản cho người dân.

Hai là, sự hội nhập quốc tế sâu rộng cũng đã làm thay đổi lối sống, tư duy của người dân Lào, đặc biệt là giới trẻ. Một số người trẻ có xu hướng ưu tiên các giá trị văn hóa hiện đại hơn, bỏ qua các giá trị truyền thống của di sản văn hóa. Điều đó dẫn đến tình trạng giảm sự quan tâm đến việc tham gia các hoạt động văn hóa truyền thống, như múa lăm vông, tiếng Khèn Lào - những loại hình nghệ thuật được công nhận là di sản văn hóa thế giới. Hơn nữa, sự phát triển đô thị hóa tại Viêng Chăn cũng đã làm thay đổi không gian cảnh quan, gây áp lực lên việc bảo tồn các di sản văn hóa vật thể trong khu vực đô thị.

Ba là, theo báo cáo của cơ quan quản lý di sản văn hóa tại Lào, tình trạng buôn bán đồ cổ, làm giả di sản đang có xu hướng gia tăng tại Viêng Chăn. Điều này phản ánh rằng một số người dân vẫn chưa có ý thức bảo vệ di sản văn hóa, chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế cá nhân. Sự thất thoát cổ vật ra nước ngoài cũng là vấn đề nghiêm trọng, làm mất đi nhiều di sản văn hóa vật thể quý giá của dân tộc. Đây là thách thức lớn cho công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa tại Viêng Chăn, đòi hỏi cần tăng cường giám sát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

Tiểu kết chương 2

Luận án đã tập trung nghiên cứu những cơ sở khoa học cốt lõi của “*Phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn CHDCND Lào hiện nay*”.

Thứ nhất, đã nghiên cứu làm rõ nội hàm các khái niệm về DSVH, DSVHVT, phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn các DSVH, để từ đó bổ sung và làm rõ khái niệm bảo tồn về di sản VHVT, xác định chủ thể, đối tượng và đặc điểm về DSVHVT.

Thứ hai, nghiên cứu và xác định 4 yếu tố có tác động đến bảo tồn về DSVHVT, đó là thể chế và chính sách về DSVHVT; năng lực đội ngũ công chức, viên chức; nguồn lực tài chính; hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa; kinh tế và môi trường; phát triển công nghiệp văn hóa và du lịch; cộng đồng dân cư.

Thứ ba, nghiên cứu và cụ thể hóa các di tích lịch sử tôn giáo bao gồm hệ thống chùa, tháp với đặc trưng cơ bản của kiến trúc Phật giáo cho thấy lịch sử hình thành vương quốc Lào Lạn Xạng. Các di tích khảo cổ học là minh chứng cho lịch sử hình thành một trung tâm văn hóa kinh tế, chính trị sau này trở thành kinh đô của vương quốc Lào Lạn Xạng.

Thứ tư, luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm, các nhân tố tác động đến phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT, rút ra những bài kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho người Lào trong *Phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn CHDCND Lào hiện nay*.

Chương 3

VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN - THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. THỰC TRẠNG PHÁT HUY VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN

3.1.1. Thành tựu

3.1.1.1. Thành tựu về phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Một là, thành tựu về phát huy vai trò của Nhân dân trong giữ gìn và bảo vệ nguyên trạng DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Thủ đô có rất nhiều di tích lịch sử với những ngôi chùa, tháp, trong đó có chùa Thạt Luồng, chùa Xi Mương, Khải hoàn môn, Vườn Tượng Phật... Đây là những ngôi chùa và tháp nổi tiếng của Thủ đô đã gắn liền với đời sống văn hoá tâm linh của người dân hàng trăm năm nay. Mỗi ngôi chùa mang một vẻ đẹp, một nét bình yên riêng.

Chùa vừa là nơi diễn ra các nghi lễ, lễ hội của Phật giáo, vừa là nơi họp công việc chung của cả bản. Ngoài ra, người dân Thủ đô còn duy trì phong tục mỗi tháng trong năm diễn ra một lễ hội truyền thống, có nghĩa là sẽ có ít nhất 12 lễ hội diễn ra trong một năm như: tết Bun Pi May (Tết năm mới Lào), lễ hội đốt pháo thăng thiên, lễ hội đua thuyền... Trong đó, mỗi lễ hội có các trò chơi dân gian, trò chơi ném còn, đu quay... Về ăn mặc, người dân Thủ đô vẫn giữ nét đặc trưng của người Lào thể hiện rõ trong các ngày lễ, tết bằng bộ trang phục truyền thống, nữ mặc Sin máy, Sin phải, Biêng phe (váy lụa, váy vải, quàng khăn), còn nam giới mặc quần truyền thống, quàng khăn giống nữ giới.

Việc xây dựng chùa chiền và thờ Phật là nét đặc trưng tôn giáo của người dân thủ đô Viêng Chăn. Nếp sống văn hoá của người dân thủ đô thể hiện dấu ấn văn hoá Phật giáo sâu sắc, từ kiến trúc, nghệ thuật cho đến hội

hoạ, điêu khắc ngôn ngữ, văn tự cho đến văn học, thi ca, từ trang phục, ẩm thực cho đến tín ngưỡng, lễ hội.

Nhân dân giữ vững và duy trì tín ngưỡng, niềm tin tôn giáo - cụ thể ở đây là Phật giáo, gắn chặt với sinh hoạt tín ngưỡng - tôn giáo tại các DSVHVT (chùa, đền, v.v..) một cách thường xuyên, chăm chỉ. Điều đó cũng đồng thời đồng nghĩa với quá trình gìn giữ, bảo tồn và ít nhiều đóng góp vào công tác bảo tồn các DSVHVT. Đông đảo người dân - Phật tử đã lên án các hành vi xâm hại di sản, hành vi trộm cắp cổ vật. Bên cạnh đó, nhiều người đã góp ý, gửi sáng kiến cho chính quyền, cơ quan quản lý văn hóa của thủ đô Viêng Chăn, giúp nhiều cho việc bảo tồn được thuận lợi và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đóng góp vào sự phát triển văn hóa, định hình bản sắc, hệ thống DSVHVT này đã và đang đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế của các địa phương có di sản. Chẳng hạn như Thạt Luông, Pa Tu Xay, di sản đã được UNESCO ghi danh vào Danh mục Di sản Văn hóa thế giới đã có những thay đổi tích cực, khá hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế, góp phần đắc lực vào sự phát triển ngành kinh tế du lịch - dịch vụ thủ đô, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân - chủ di tích, đồng thời tăng thêm điều kiện để bảo tồn, tu bổ di tích; trở thành nền tảng, hành trang để Viêng Chăn vững bước đi lên xây dựng phát triển kinh tế - xã hội.

Di sản tại thủ đô Viêng Chăn là "di sản sống" nhờ sự quản lý trực tiếp của nhân dân. Mô hình quản lý: 100% các di tích vật thể là chùa (Wat) tại thủ đô Viêng Chăn đều có Ban Quản lý Di tích do chính người dân địa phương và có sự tham gia của Đại diện Hội người cao tuổi và Trưởng bản.và các nhà sư điều hành. Bảo vệ cổ vật: Nhờ mạng lưới "giám sát cộng đồng", tỷ lệ mất trộm cổ vật tại các ngôi chùa lớn ở thủ đô Viêng Chăn đã giảm mạnh. Người dân sinh sống xung quanh đóng vai trò là "tai mắt", giúp chính quyền phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm lấn đất di tích. Giám sát đô thị: Người dân

tại các khu vực di sản như *Ban Xieng Ngueun* hay *Ban Haysoke* đã chủ động kiến nghị dừng hàng chục dự án xây dựng nhà cao tầng có nguy cơ phá vỡ cảnh quan của các ngôi chùa cổ xung quanh

Để giữ gìn, bảo tồn DSVHVT, vai trò trách nhiệm của cộng đồng rất lớn. Vì vậy, thủ đô đã áp dụng một mô hình quản lý bảo tồn dựa vào sự xích lại của cộng đồng dân cư đến với di sản. Trong đó, việc nâng cao nhận thức của người dân là mục tiêu quan trọng, lâu dài, như chương trình đưa giáo dục di sản vào học đường; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân về bảo tồn văn hóa, bảo vệ di sản, tránh xâm hại các công trình kiến trúc; hỗ trợ sinh kế người dân để chuyển đổi mô hình kinh tế, đồng thời, thực hiện các cam kết gắn trách nhiệm, chia sẻ quyền lợi với người dân thông qua các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, các chương trình phúc lợi để nhân dân thụ hưởng. Các bản làng tại thủ đô Viêng Chăn được huy động vào bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng, đến nay đã có 480/481 bản cam kết bảo vệ, giữ gìn DSVHVT, đạt 99,8%.

Trong các dự án chỉnh trang đô thị quanh khu vực di tích lịch sử, tỷ lệ đồng thuận của người dân trong việc bàn giao mặt bằng thường đạt mức trên 90%. Nhiều hộ gia đình tại khu vực nội đô cũ vẫn tự giác duy trì kiến trúc nhà kiểu Lào truyền thống, tạo thành các cụm cảnh quan hỗ trợ cho các di tích văn hóa vật thể.

Hai là, thành tựu về phát huy vai trò của Nhân dân trong trùng tu, tôn tạo DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Sự ủng hộ của nhân dân bằng hình thức đóng góp đồ thờ cúng, hiện vật, tham gia ngày công xây dựng, bảo vệ, trông coi DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn ở địa phương. Nhờ nguồn lực xã hội hóa, nhiều DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn đã được tu bổ, sửa chữa kịp thời; cảnh quan nơi có DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn đã thay đổi khang trang, sạch đẹp, ý thức, trách nhiệm cộng đồng nâng lên, đã đáp ứng thỏa mãn nhu cầu về văn hóa tinh thần của nhân dân.

Những cuộc vận động nhân dân sống trong vùng di sản tham gia bảo vệ môi trường và các hoạt động góp phần chăm sóc di sản, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch góp phần nâng cao dân trí, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Với những di tích trong một cộng đồng nhỏ như đình làng, khi được phát huy đã tạo nên sự cộng cảm, cố kết cộng đồng làng xóm qua những hoạt động chung xoay quanh việc phụng thờ thành hoàng, hội hè và đem lại sự cân bằng cho đời sống tâm linh dân làng. Các kỳ hội là dịp nhắc nhở truyền thống, lịch sử, cội nguồn, sự đoàn kết, lòng hướng thiện cho mỗi người dân trên đất nước, tiếp thêm sức mạnh, niềm tin cho họ trong lao động sản xuất. Di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số và hàng ngàn di tích thuộc các tôn giáo, tín ngưỡng đình chùa, nhà thờ được xếp hạng, đầu tư chống xuống cấp và tôn tạo đã góp phần vào sự củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Nhiều tấm gương sáng trong bảo vệ và phát huy giá trị DSVHVT đã được biểu dương, lan tỏa trong đời sống xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị DSVHVT, xây dựng nền văn hóa, xây dựng và phát triển đất nước. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế có bước phát triển mới, góp phần quảng bá các giá trị văn hóa Lào nói chung và DSVHVT thủ đô Viêng Chăn nói riêng ra thế giới, đồng thời thúc đẩy quá trình giao lưu văn hóa, tiếp thu tinh hoa và các giá trị tiến bộ của văn hóa nhân loại để bồi đắp và xây dựng nền văn hóa Lào.

Tại Lào, ngân sách nhà nước thường chỉ đáp ứng một phần nhỏ, phần lớn kinh phí bảo tồn di sản vật thể đến từ lòng hảo tâm của người dân và doanh nghiệp. Nhờ đó, nhiều DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn đã được bổ sung nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo tồn, tôn tạo có hiệu quả, làm cho khu di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn trở thành những điểm du lịch hấp dẫn, tạo nguồn thu lớn. Đặc biệt, là sự ủng hộ của nhân dân bằng hình thức đóng góp hiện vật, đồ thờ cúng, tham gia ngày công xây dựng, bảo vệ, trông coi di sản VHVT ở địa phương. Nhờ nguồn lực xã hội, nhiều di sản VHVT ở thủ đô

Viêng Chăn đã được tu bổ, sửa chữa kịp thời; cảnh quan nơi có di sản VHVT đã thay đổi khang trang, sạch đẹp, ý thức, trách nhiệm cộng đồng nâng lên, đã đáp ứng thỏa mãn nhu cầu về văn hóa tinh thần của người dân.

Dự án đại trùng tu Pha That Luang (biểu tượng quốc gia), (2016 - 2017); Tổng kinh phí: Ước tính khoảng 15 tỷ Kip. Trong đó, phần lớn đến từ sự đóng góp của các cá nhân và doanh nghiệp tư nhân với hơn 80% số kinh phí này đến từ đóng góp của Nhân dân trong và ngoài nước; Vàng đóng góp: Người dân đã quyên góp hơn 10kg vàng để dát lại đỉnh tháp và các lá bồ đề xung quanh tháp chính. Hệ thống chùa chiền nội đô: Thủ đô Viêng Chăn có hơn 80 ngôi chùa cổ. Theo thống kê không chính thức từ Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch Lào, mỗi năm các hộ gia đình quanh khu vực di tích đóng góp trung bình từ 1 - 2 tỷ Kip cho việc duy tu nhỏ lẻ (sơn sửa, đảo ngói, vệ sinh di tích). Tần suất đóng góp: Hàng năm, trong lễ hội That Luang, hàng trăm ngàn người dân từ khắp nơi đổ về Thủ đô, đóng góp trực tiếp vào quỹ bảo tồn thông qua các nghi thức cúng dường. Hệ thống chùa nội đô: Thủ đô Viêng Chăn có khoảng 80-100 ngôi chùa lớn nhỏ. Khoảng 70-80% chi phí bảo dưỡng định kỳ các hạng mục như sơn son thếp vàng, mái ngói đều do Phật tử địa phương tự nguyện đóng góp mà ít dùng đến ngân sách trực tiếp từ Nhà nước.

Bảng 3.1. Tổng kết đóng góp của Nhân dân (Ước tính giai đoạn 2015 - 2025)

Hạng mục đóng góp	Số liệu / Minh chứng	Ghi chú
Tiền mặt & Hiện vật	~ 80 - 100 tỷ Kip	Tính chung cho tất cả di tích tại Viêng Chăn.
Kim loại quý (Vàng/Bạc)	> 15 kg vàng	Chủ yếu dùng dát đỉnh tháp và tượng Phật.
Ngày công lao động	Hàng chục ngàn ngày công	Dọn dẹp, tu sửa sau mùa mưa, chuẩn bị lễ hội.
Độ phủ quản lý	100% cụm di tích dân cư	Có sự giám sát của người dân địa phương.

Nguồn từ: Sở Thông tin văn hóa và du lịch thủ đô Viêng Chăn, năm 2014

Những con số này cho thấy tại Viêng Chăn, vai trò chủ thể của Nhân dân được phát huy mạnh mẽ, người dân chính là "bảo hiểm" tốt nhất cho sự trường tồn của các di sản văn hóa vật thể.

Dù tốc độ đô thị hóa nhanh, nhưng nhờ ý thức của người dân, nhiều nét kiến trúc Pháp cổ và nhà gỗ truyền thống Lào tại trung tâm Viêng Chăn vẫn được giữ lại. Người dân tại các quận trung tâm như Chanthabuly hay Sisattanak đã chủ động phối hợp với chính quyền trong việc giữ gìn cốt cách kiến trúc cũ khi sửa chữa nhà ở, tạo nên một không gian di sản đô thị hài hòa. Trong những năm qua bắt đầu xuất hiện các không gian trưng bày di sản do cá nhân tự thành lập (như các bộ sưu tập dệt may, đồ cổ) góp phần cùng Nhà nước làm phong phú thêm hệ thống di sản của thủ đô.

Ba là, thành tựu về phát huy vai trò của Nhân dân trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị các DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Việc khai thác nguồn lực DSVHVT còn kéo theo sự phát triển của nhiều yếu tố khác như kết cấu hạ tầng, dịch vụ, sự mở rộng giao lưu và gia tăng các dòng chảy hàng hóa, lao động,... tạo ra sự phát triển bao trùm và hài hòa. Ngày càng nhiều cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng sử dụng hiệu quả DSVHVT trong công việc kinh doanh, tạo ra nhiều lợi nhuận, các bảo tàng/sưu tập tư nhân, các chương trình nghệ thuật lớn trưng bày và trình diễn các loại hình DSVHVT rất hiệu quả. Những không gian DSVHVT như vậy không chỉ trở thành sản phẩm văn hóa - thương mại tạo ra sự tăng trưởng kinh tế, mà còn lan tỏa giá trị di sản, góp phần vào sự phát triển xã hội hài hòa, nhân văn và có bản sắc...

Nhân dân là chủ thể duy trì sức sống cho các công trình vật thể. Nếu không có người dân, các ngôi chùa chỉ là "phế tích". *Lễ hội That Luang (Boun That Luang)*: Số lượng tham gia: Mỗi năm thu hút từ 300.000 đến 500.000 người. Ý nghĩa bảo tồn: Sự hiện diện của hàng vạn người dân thực hiện nghi lễ *Tack Bat* (khất thực) và *Wax Castle* (rước tháp sáp) chính là cách bảo vệ di sản vật thể tốt nhất, giúp không gian kiến trúc luôn được chăm sóc và tôn nghiêm.

Tỷ lệ phục hồi: Nhờ sự tự giác của dân bản, 100% các ngôi chùa cổ ở nội đô Viêng Chăn được quét dọn và trang trí lại trước mỗi dịp Tết Pimay (Tết Lào).

Khi di sản tạo ra thu nhập, vai trò của người dân được phát huy mạnh mẽ nhất. Tăng trưởng thu nhập: Các khu vực quanh Wat Si Muang, Wat Si Saket hay That Luang tạo ra việc làm cho hàng nghìn hộ gia đình thông qua các dịch vụ du lịch (bán đồ lễ, hướng dẫn viên, lưu niệm). Tỷ lệ hài lòng của du khách: Theo các khảo sát du lịch (năm 2023-2024), hơn 85% du khách đánh giá cao sự thân thiện và tính nguyên bản của di sản tại thủ đô Viêng Chăn - đây là kết quả của việc người dân giữ gìn lối sống truyền thống ngay tại khu di tích. Tạo việc làm: Các khu di sản như *Wat Si Saket* và *Hor Phra Keo* tạo ra thu nhập cho khoảng 2.000 - 3.000 hộ gia đình thông qua các dịch vụ du lịch, bán đồ thủ công. Tái đầu tư: Một phần thu nhập từ dịch vụ này (khoảng 5 - 10%) thường được các hộ kinh doanh tự nguyện đóng góp ngược lại vào quỹ bảo trì di tích của bản.

Sở TTVH&DL thủ đô Viêng Chăn phối hợp với các cơ quan truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền tới nhân dân về Luật Di sản Quốc gia để nâng cao ý thức bảo vệ di tích, giữ gìn cảnh quan môi trường, các khu danh thắng. Từ đó nhân dân đã góp phần không nhỏ vào việc xã hội hoá công tác bảo vệ và phát huy giá trị của các di tích, các tổ chức, cá nhân có lòng hảo tâm đã công đức tôn tạo trùng tu các di tích hàng trăm tỷ Kíp (LAK). Bên cạnh sự đầu tư về ngân sách cùng các chương trình dự án trùng tu DSVHVT của Nhà nước, ở nhiều địa phương người dân đã đóng góp hàng ngàn ngày công tham gia tu bổ di tích như các công trình tại That Luông, Vất Hỏ Phạ Kẹo, Vất Xi Xạ Kệt và Vất Xi Mường.

Đối với việc tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia nói chung và di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn nói riêng, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII năm 1997 về công tác văn hóa trong thời kỳ mới, một số di sản văn hóa quốc gia đặc sắc đã được trung tu, bảo tồn và phục hồi như là: Đền, chùa, cải thiện, xây dựng các bảo tàng, tháp, thư viện, tượng đài, đài tưởng niệm và đài tưởng

niệm các nhà lãnh đạo cách mạng. Trong Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ II (1972), lần thứ III (1982), ĐNDCM Lào đã nhấn mạnh vai trò quan trọng DSVH truyền thống với xây dựng con người mới, phát triển KT- XH. Đại hội Đảng NDCM Lào lần thứ IV năm 1986 đã xác định đường lối đổi mới phát triển toàn diện đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế, theo đó ngành du lịch ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển KT - XH của đất nước và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Luật Di sản văn hóa quốc gia Lào được ban hành tạo cơ sở pháp lý để quản lý, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa. Luật gồm 79 Điều, trong đó có 20 Điều (từ điều 26 đến điều 45) quy định về việc quản lý di sản văn hóa. Điều 26 đã chỉ rõ: “Chính phủ chịu trách nhiệm quản lý chung toàn bộ di sản văn hóa - di tích lịch sử quốc gia. Các cơ quan đại diện của Nhà nước phải được phê duyệt và phải phân chia quản lý theo cấp bộ và địa phương; Chính phủ bảo vệ sở hữu trí tuệ, quyền tác giả đối với những di sản văn hóa - lịch sử của dân tộc” [133, tr.163].

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể từ cấp thủ đô đến cơ sở đã quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án về phát triển dịch vụ, trọng tâm là phát triển du lịch thủ đô Viêng Chăn giai đoạn 2021-2025. Kết quả, ngành dịch vụ đã đạt được kết quả nhất định, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và nguồn thu ngân sách của thủ đô. Hoạt động dịch vụ trên địa bàn thủ đô ngày càng phát triển, chất lượng các sản phẩm được nâng cao, trở thành ngành kinh tế quan trọng đóng góp lớn vào quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của thủ đô Viêng Chăn, đáp ứng yêu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân Lào. Đặc biệt là lĩnh vực du lịch phát triển theo hướng chuyên nghiệp, xây dựng thủ đô Viêng Chăn thành điểm đến hấp dẫn với nhiều sản phẩm du lịch đặc trưng, cùng với đó gắn liền với phát triển công nghiệp, nông nghiệp đảm bảo môi trường xanh- sạch - thân thiện với thiên nhiên.

Đến nay, du lịch thủ đô Viêng Chăn đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội tạo động lực thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác phát triển, đến

nay tỷ trọng ngành dịch vụ đạt 23,45 % trong cơ cấu kinh tế của thủ đô cơ bản đáp ứng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra hàng năm và các chỉ tiêu tại Kế hoạch số 10- KH/BCĐ ngày 15/12/2023 của Ban chỉ đạo đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thủ đô. Thủ đô Viêng Chăn đã thực hiện đồng bộ các giải pháp quy hoạch; các phương án phát triển dịch vụ trong Quy hoạch thủ đô Viêng Chăn thời kỳ 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030; công tác quy hoạch, kế hoạch đáp ứng được yêu cầu trong phát triển mới. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển dịch vụ, du lịch được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài thủ đô. Công tác cải cách hành chính, cải cách thể chế và xây dựng cơ chế chính sách đáp ứng yêu cầu về phát triển ngành dịch vụ. Công tác phối hợp triển khai thực hiện giữa các cơ quan đơn vị được tăng cường. Việc tiếp cận nắm bắt, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đã thường xuyên và kịp thời, đem lại hiệu quả cho sự bảo tồn, giữ gìn văn hóa du lịch của địa phương.

Đến năm 2023, tỷ trọng ngành dịch vụ đạt 33,29 % trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, đạt 123% mục tiêu của đề án, bao gồm các mục tiêu cụ thể chủ yếu sau: Về du lịch, năm 2023 đón 3,95 triệu lượt khách tham quan du lịch, đạt 80,7% mục tiêu của đề án. Trong đó, khách quốc tế là 0,45 triệu lượt, khách nội địa là 3,5 triệu lượt.

3.1.1.2. Thành tựu về phát huy vai trò của nhà nước trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Một là, thành tựu về phát huy vai trò của nhà nước trong bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Nhà nước Lào đã thiết lập một hệ thống quản lý xuyên suốt, đảm bảo mọi di tích từ biểu tượng quốc gia đến chùa chiền tại các bản đều có đơn vị chịu trách nhiệm.

Tại Viêng Chăn, gần 100% các bản có di tích (chùa cổ) đều thành lập Ban quản lý bản/chùa để bảo vệ nguyên trạng DSVHVT. Các Ban quản lý

này trực tiếp trông coi hiện vật và thực hiện "Hợp đồng làng" (Village contracts) trong bảo tồn. Di sản không còn được quản lý theo kiểu tự phát mà đã có sự phân cấp quyền lực rõ ràng, giúp tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong bảo tồn nói chung, bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng nói riêng.

Nhà nước đã thực hiện thành công các đợt tổng kiểm kê quy mô lớn tại tất cả các quận của thủ đô Viêng Chăn. Kết quả là hàng trăm ngôi chùa cổ, tháp cổ, các ngôi nhà thời Pháp và các địa điểm khảo cổ đã được ghi danh vào danh mục quản lý. Tại riêng thủ đô Viêng Chăn, Nhà nước đã tiến hành kiểm kê và đưa vào danh sách quản lý hơn 480 di tích lớn nhỏ (bao gồm chùa chiền, tháp, đình và các địa điểm lịch sử).

Nhà nước đã chính thức xếp hạng 15 di sản quốc gia quan trọng nhất tại Viêng Chăn (như That Luang, Wat Si Saket, Hor Phra Keo). Những di tích này được hưởng ngân sách và chế độ bảo vệ đặc biệt theo Nghị định của Chính phủ.

Nhà nước đã có nhiều cải cách thủ tục hành chính trong trùng tu và tôn tạo. Trước đây, việc trùng tu di tích tại thủ đô Viêng Chăn thường diễn ra tự phát hoặc phải qua nhiều vòng xin ý kiến không rõ ràng. Nhà nước đã cải cách thông qua các quy định cụ thể, quy trình được thiết lập quy trình 3 bước thống nhất đối với các công trình do Thủ đô quản lý là khảo sát hiện trạng, thẩm định khoa học và cấp phép thi công. Đối với các dự án sửa chữa nhỏ (không thay đổi kết cấu) tại hơn 400 chùa địa phương đã được phân cấp cho cấp Quận phê duyệt, giúp giảm tải cho cấp Trung ương. Chỉ những di tích nằm trong danh mục bảo vệ đặc biệt (như 15 di tích quốc gia trọng điểm) mới cần sự phê duyệt trực tiếp từ Cục Di sản (Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch).

Nhờ có những cải cách của nhà nước đối với quản lý DSVHVT mà thời hạn, hiệu quả hành chính đã tăng lên rõ rệt. Đối với các hồ sơ trùng tu thông thường, thời gian thẩm định và trả kết quả đã được rút ngắn từ 3-6 tháng (trước năm 2015) xuống còn trung bình 30-45 ngày làm việc (hiện nay). Theo

báo cáo từ Sở Thông tin, Văn hóa và Du lịch thủ đô Viêng Chăn, tỷ lệ hồ sơ đề nghị tu bổ.

Vai trò chủ thể của Nhà nước không chỉ là cấp phép nhanh mà còn là quản lý chặt chẽ sau cấp phép. Nhà nước quy định 100% các dự án trùng tu có sử dụng ngân sách hoặc vốn xã hội hóa lớn tại thủ đô Viêng Chăn phải có sự giám sát kỹ thuật trực tiếp từ cán bộ chuyên môn của Cục Di sản hoặc Sở Văn hóa.

Đó là những dẫn chứng chứng minh rằng Nhà nước Lào đang chuyển dịch từ tư duy "quản lý - cho phép" sang tư duy "hướng dẫn - hỗ trợ", giúp nhân dân và các tổ chức tôn giáo tại Viêng Chăn dễ dàng tiếp cận các thủ tục pháp lý để bảo tồn di sản một cách đúng đắn nhất.

Nhằm bảo vệ nguyên trạng Nhà nước quy định rõ Vùng I (Bất khả xâm phạm) và Vùng II (Vùng đệm). Tại các quận trung tâm như Chanthabuly và Sisattanak, các văn bản quy hoạch dựa trên Luật Di sản đã khoanh vùng bảo vệ cho 15 di tích quốc gia.

Nhằm giữ bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng các di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn, trong thời gian qua 100% các công trình cao tầng trong bán kính 200m - 500m xung quanh các di tích trọng điểm phải xin ý kiến thỏa thuận từ ngành Văn hóa trước khi được cấp phép xây dựng.

Hai là, thành tựu về phát huy vai trò của nhà nước trong trùng tu, tôn tạo di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Nhiều DSVH, trong đó có DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn đã được bổ sung nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo tồn, tôn tạo di sản được thực hiện có hiệu quả, làm cho khu DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn trở thành những điểm du lịch hấp dẫn, tạo nguồn thu lớn. Đặc biệt,

Mô hình quản lý "Tam giác": Nhà nước đã thiết lập cơ chế phối hợp giữa Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch - Chính quyền Thủ đô - Giáo hội Phật giáo. Hợp tác quốc tế: Nhờ hoàn thiện luật pháp tương thích với quốc tế, Lào đã thu hút được nguồn vốn hỗ trợ đáng kể. Ví dụ: Riêng trong các dự án bảo

tồn di sản quốc gia, ngân sách hỗ trợ quốc tế (từ UNESCO, Pháp, Nhật Bản...) thường chiếm khoảng 20-30% tổng kinh phí đầu tư lớn, nhờ vào việc tuân thủ các cam kết pháp lý quốc tế.

Nhà nước đã lập hồ sơ để tạo điều kiện thuận lợi cho trùng tu các DSVHVT. Ví dụ như Số hóa 3D: Trong khuôn khổ hợp tác với các đối tác (như Pháp và Nhật Bản), ít nhất 5 di tích lớn tại thủ đô Viêng Chăn đã được số hóa toàn phần bằng công nghệ máy quét 3D laser để lưu trữ kiến trúc phục vụ trùng tu (trong đó có That Luang và Wat Si Saket).

Một thành tựu đáng kể là việc lập "Hồ sơ" cho di tích. Mỗi di tích quan trọng tại thủ đô Viêng Chăn hiện nay đều có hồ sơ kỹ thuật bao gồm: bản vẽ hiện trạng, ảnh chụp chi tiết các góc độ và báo cáo về tình trạng hư hại.

Nhà nước bắt đầu ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu số để giúp các nhà nghiên cứu và nhà quản lý dễ dàng tra cứu, theo dõi biến động của di tích theo thời gian. 100% các di tích cấp quốc gia tại Viêng Chăn đã được xác định tọa độ và ranh giới bảo vệ trên bản đồ địa chính của thủ đô.

Tại khu vực trung tâm (quận Chanthabuly), nhờ dữ liệu kiểm kê, Nhà nước đã khoanh vùng và hạn chế xây dựng cao tầng trong bán kính 200m - 500m quanh các di tích trọng điểm để bảo vệ không gian thị giác.

Hàng năm, chính quyền Viêng Chăn dành một khoản ngân sách ổn định (tùy theo năm tài chính) ưu tiên cho các di tích đã được xếp hạng "Cấp Quốc gia" để duy tu bảo dưỡng thường xuyên. Đồng thời, nhờ danh mục kiểm kê rõ ràng, các Ban quản lý di tích đã vận động được nguồn vốn từ nhân dân và doanh nghiệp (chiếm khoảng 60-70% tổng vốn trùng tu tại các chùa) dựa trên hồ sơ thiết kế được Nhà nước phê duyệt.

Thành tựu về kiểm kê và xếp hạng đã giúp di tích tại Viêng Chăn được quản lý một cách định lượng và có hệ thống. Từ những con số khô khan trên giấy tờ, Nhà nước đã biến chúng thành những đối tượng được bảo vệ bằng pháp luật và khoa học.

Trong những năm qua, Nhà nước Lào đã xác định thủ đô Viêng Chăn là trọng điểm của chiến lược bảo tồn di sản quốc gia. Sự tham gia của Nhà nước không chỉ dừng lại ở việc cấp kinh phí mà còn thể hiện qua vai trò "nhạc trưởng" điều phối kỹ thuật, pháp lý và hợp tác quốc tế. *Chuẩn hóa quy trình kỹ thuật và Hồ sơ khoa học.*

Nhà nước Lào đã chuyển từ việc sửa chữa tự phát sang việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt. Hiện nay, tất cả các dự án tu bổ tại các điểm như *Pha That Luang* hay *Wat Si Saket* đều có *Hồ sơ kỹ thuật 3 lớp* với đầy đủ các bước như: Khảo sát đo đạc hiện trạng, Đánh giá vật liệu gốc, Phương án can thiệp tối thiểu.

Thông qua hợp tác với các chuyên gia (ví dụ: dự án của Pháp tại Wat Manrom hay Nhật Bản tại Wat Si Saket), Nhà nước đã xây dựng bộ *Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật bảo tồn* cho kiến trúc chùa Lào, được áp dụng thí điểm cho hơn 30 ngôi chùa tiêu biểu tại quận Chanthabuly và Sisattanak.

Đồng thời, Nhà nước tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ, chuyên gia về bảo tồn DSVHVT. Trong 5 năm gần đây, đã có hơn 150 cán bộ quản lý và kỹ thuật của thủ đô Viêng Chăn được tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về bảo tồn di sản (cả trong nước và quốc tế). Nhà nước đã thiết lập được danh mục gồm hơn 20 kiến trúc sư và nhà khảo cổ hàng đầu từ các viện nghiên cứu và đại học để tham gia vào "Hội đồng thẩm định chuyên môn" cho các dự án văn hóa tại thủ đô.

Việc ứng dụng Công nghệ cao trong trùng tu, tôn tạo nói riêng, bảo tồn nói chung được đẩy mạnh. Đã thực hiện quét Laser 3D và Flycam để lập bản đồ số cho 05 di tích trọng điểm nhất tại Viêng Chăn. Điều này cho phép lưu trữ dữ liệu kiến trúc chính xác đến từng milimet, phục vụ việc đối chiếu khi có biến động. Thêm vào đó, Nhà nước tăng cường Hợp tác với các đối tác quốc tế để phân tích thành phần hóa học của vôi vữa cổ và sơn mài. Kết quả là đã phục hồi được công thức vữa truyền thống dùng cho việc trám vá các

tháp cổ tại Viêng Chăn, đảm bảo độ tương thích vật liệu đạt trên 90%. Dự án trùng tu Pha That Luang (giai đoạn gần nhất) được thực hiện với sự giám sát của Hội đồng chuyên môn quốc gia, đảm bảo giữ được tỷ lệ vàng của kiến trúc nguyên bản. Sau trùng tu, lượng khách du lịch và chuyên gia đánh giá cao về độ tinh xảo và tính nguyên gốc của các họa tiết dát vàng. Nhà nước đã đầu tư hệ thống trưng bày tương tác tại Bảo tàng Quốc gia Lào và Hor Phra Keo, sử dụng dữ liệu chuyên môn để tái hiện lịch sử kiến trúc thông qua công nghệ thực tế ảo cho du khách.

Việc thiết lập các tiêu chuẩn kỹ thuật và chuyên môn đã giúp Nhà nước Lào thoát khỏi tình trạng "trùng tu theo cảm tính". Các số liệu trên cho thấy một nền tảng khoa học vững chắc đang được xây dựng để bảo vệ linh hồn kiến trúc của thủ đô Viêng Chăn.

Trong các đợt đại trùng tu (gần nhất là kỷ niệm 450 năm Viêng Chăn và các giai đoạn sau đó), Chính phủ đã phân bổ ngân sách và huy động hàng chục tỷ Kip để dát lại vàng cho tháp chính và tôn tạo khuôn viên rộng hơn 3.000 m². Việc đầu tư này giúp That Luang duy trì vị thế là điểm đến số 1, đóng góp vào doanh thu du lịch của thủ đô (với vé tham quan khoảng 3.000 Kip/người và hàng triệu lượt khách mỗi năm).

Đầu năm 2025, Lào đã chính thức khánh thành Bảo tàng Nghệ thuật Lào (tại bản Nonsaath, huyện Xaisettha, Viêng Chăn) với tổng vốn đầu tư lên tới hơn 50 triệu USD. Quy mô: Đây là bảo tàng nghệ thuật lớn nhất đất nước với diện tích hơn 80 Ha, cho thấy thành tựu của Nhà nước trong việc khơi thông nguồn lực từ các doanh nghiệp để xây dựng các thiết chế văn hóa vật thể mang tầm cỡ quốc tế.

Nhà nước Lào đã khéo léo phối hợp các quỹ ngoại lực như Quỹ Đại sứ về Bảo tồn Văn hóa (AFCP) của Hoa Kỳ (với các khoản tài trợ từ 10.000 \$ đến 500.000 \$ cho mỗi dự án bảo tồn) để tu bổ các di tích như Wat Ong Teu hay Wat Si Saket. Ngân sách nhà nước cũng được chi để thực hiện các dự án

chính trang đô thị xung quanh tượng đài Patuxay, tạo nên một trục cảnh quan di sản đồng bộ cho Viêng Chăn.

Bảng 3.2. Tổng hợp số liệu đầu tư tiêu biểu (Giai đoạn 2020 - 2025)

Công trình / Dự án	Nguồn vốn	Số liệu đầu tư minh chứng
Bảo tàng Nghệ thuật Lào	Xã hội hóa / Tư nhân	50.000.000 USD (Quy mô 80 Ha)
Pha That Luang	Ngân sách & Đóng góp	Hàng chục tỷ Kip (Dát vàng & cảnh quan)
Trụ sở Chính quyền Viêng Chăn	Hợp tác Hà Nội - Viêng Chăn	Dự án trọng điểm biểu tượng 2024
Hỗ trợ từ Quỹ AFCP	Quốc tế (Hoa Kỳ)	10.000 - 500.000 USD / dự án

Các số liệu này chứng minh một bước chuyển lớn: Nhà nước không còn chỉ chi ngân sách để "duy trì" mà đã tiến tới "đầu tư lớn" để tạo ra những địa danh văn hóa mới, biến di sản trở thành động lực tăng trưởng kinh tế thực sự cho thủ đô.

Nhà nước Lào đã rất thành công trong việc "quốc tế hóa" công tác bảo tồn di sản tại thủ đô, biến các di tích tại Viêng Chăn thành điểm đến của các dòng vốn văn hóa toàn cầu. Trong hơn 20 năm qua, *Quỹ AFCP (Quỹ Đại sứ về Bảo tồn Văn hóa - Hoa Kỳ)* đã tài trợ cho hơn 20 dự án bảo tồn di sản tại Lào với tổng trị giá hơn 1,5 triệu USD. Riêng tại Viêng Chăn, các dự án tiêu biểu bao gồm bảo tồn thư viện tại Wat Ong Teu và phục chế các hiện vật tại Wat Si Saket. Pháp là đối tác truyền thống trong việc bảo tồn kiến trúc thời kỳ thuộc địa tại Viêng Chăn. Các dự án quy hoạch khu phố cổ và bảo tồn các tòa nhà di sản đã nhận được hỗ trợ kỹ thuật và tài chính lên tới hàng triệu Euro. Quỹ JICA & Quỹ Tưởng niệm UNESCO Nhật Bản đã hỗ trợ hàng trăm nghìn USD cho dự án bảo tồn và phục chế các bức tranh tường cũng như cấu trúc gỗ tại Wat Si Saket - ngôi chùa cổ nhất còn nguyên vẹn tại Viêng Chăn.

**Bảng 3.3. Tổng hợp số liệu đầu tư quốc tế tiêu biểu
(Giai đoạn 2020 - 2025)**

Đối tác quốc tế	Dự án tiêu biểu tại Viêng Chăn	Giá trị tài trợ/Hỗ trợ
UNESCO	Tư vấn quản lý Pha That Luang & Wat Si Saket	Chuyên gia & Kỹ thuật
Hoa Kỳ (AFCP)	Phục chế Wat Ong Teu, Bảo tàng Quốc gia	> 1.500.000 USD (tổng thể)
Nhật Bản (JICA)	Bảo tồn Wat Si Saket & Đào tạo nhân lực	Hàng trăm nghìn USD
Pháp (AFD)	Bảo tồn kiến trúc khu phố cổ & quy hoạch	Hàng triệu Euro
Việt Nam (Hà Nội)	Trụ sở Chính quyền & Công trình văn hóa	Hỗ trợ trực tiếp hạ tầng

Trước đây, việc trùng tu thường do nhà chùa hoặc cộng đồng tự quyết định. Hiện nay, Nhà nước đã luật pháp hóa quy trình này. *100% các công trình di tích quốc gia* tại Viêng Chăn khi trùng tu bắt buộc phải có Giấy phép trùng tu do Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch cấp. Luật quy định mọi hồ sơ trùng tu phải trải qua 3 bước bắt buộc: bước thứ nhất là lập báo cáo khảo sát kỹ thuật, bước thứ hai là thẩm định thiết kế bởi Hội đồng khoa học, bước thứ ba là giám sát thi công và nghiệm thu theo nguyên gốc.

Theo thống kê, từ khi Luật Di sản sửa đổi (2013, 2021) có hiệu lực, tỷ lệ các dự án tu bổ "không phép" tại khu vực nội thành Viêng Chăn đã giảm mạnh, đảm bảo tính pháp lý cho di sản.

Vai trò chủ thể của nhà nước còn thể hiện ở việc Tiêu chuẩn hóa vật liệu và kỹ thuật (Luật pháp hóa chuyên môn). Luật pháp không chỉ dừng ở thủ tục hành chính mà còn đi sâu vào tiêu chuẩn kỹ thuật. Luật Di sản quy định rõ việc trùng tu phải ưu tiên sử dụng vật liệu tương thích. Tại Viêng Chăn, Nhà

nước đã ban hành danh mục vật liệu khuyến nghị cho kiến trúc truyền thống. Nhờ luật pháp hóa tiêu chuẩn kỹ thuật, các dự án lớn như Pha That Luang hay Wat Si Saket đã được trùng tu bằng kỹ thuật truyền thống kết hợp khoa học, giữ được tỷ lệ sai lệch về hoa văn dưới 5% so với nguyên bản.

Việc luật pháp hóa công tác trùng tu đã giúp chính quyền Viêng Chăn có "cây gậy" pháp lý đủ mạnh để quản lý di sản. Di tích không còn bị coi là tài sản riêng của cộng đồng địa phương mà là tài sản quốc gia được bảo vệ bởi pháp luật.

Sự thành công của Nhà nước tại Viêng Chăn không chỉ là việc "bỏ tiền ra xây dựng" mà là ở khả năng kiểm soát tính nguyên gốc. Nhà nước đóng vai trò là "người gác đền về mặt khoa học", đảm bảo rằng dù xã hội có phát triển, những viên gạch, mái ngói và tượng Phật tại Viêng Chăn vẫn giữ được hồn cốt của lịch sử Lào.

Ba là, thành tựu về phát huy vai trò nhà nước trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Nhà nước Lào đã từng bước xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, cùng nhiều nghị định, thông tư hướng dẫn. Hệ thống văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý để bảo tồn di sản văn hóa vật thể gắn với khai thác, sử dụng hợp lý, hạn chế tình trạng bảo tồn "đóng băng" di sản văn hóa vật thể, tách rời đời sống xã hội. Nhà nước Lào đã giữ vai trò định hướng chiến lược, quản lý thống nhất và điều phối nguồn lực cho bảo tồn di sản. Nhiều quy hoạch tổng thể bảo tồn di tích quốc gia, di sản thế giới đã được phê duyệt, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, du lịch và đô thị, góp phần bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Sở TTVH&DL thủ đô Viêng Chăn đã phối hợp với các cơ quan truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền tới nhân dân về Luật Di sản Quốc gia để nâng cao ý thức bảo tồn gắn với phát huy giá trị DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn.

Nhà nước Lào đã xác định việc đầu tư vào các công trình biểu tượng tại Viêng Chăn không chỉ là bảo tồn mà còn là chiến lược phát triển kinh tế du lịch và khẳng định vị thế quốc gia. Một thành tựu quan trọng là sự gia tăng đầu tư của Nhà nước cho tu bổ, tôn tạo di tích, đặc biệt là các di tích cấp quốc gia. Đồng thời, Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp và cộng đồng để phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trong phát triển du lịch. Sự tu bổ tôn tạo di tích ở thủ đô Viêng Chăn trong thời gian qua đã làm thay đổi một cách đáng kể bộ mặt của DTLS - VH. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia chống xuống cấp di tích của Bộ Thông tin và Văn hoá (nay là Bộ TTVH&DL) đã có khá nhiều di tích ở thủ đô Viêng Chăn được cấp kinh phí tu bổ, tôn tạo, làm sống lại những giá trị nghệ thuật hiếm có của di tích như: Vất Xi Xạ Kệt, Vất Xi Mưong, Vất Hỏ Pha Kẹo, Thạt Luông, Thạt Đăm, Vất Ông Tụ và Vất In Peng,...

Chính quyền nhà nước đã khôi phục xây dựng bảo, tư viện, Hồ Lạc Mưong Viêng Chăn (Nhà cột mốc Viêng Chăn), v.v... Các tượng đài được đúc và phát minh Đài kỷ niệm Tổ tiên và các nhà lãnh đạo cách mạng của mỗi thế hệ; Tác phẩm thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ vẽ tay, tranh vẽ thiên đường và sáng tạo trong nghệ thuật, văn học, biểu diễn, văn học được thăng tiến để ngày càng giàu có. Nổi bật là những DSVH của quốc gia như: Cố đô Luang Pha bang, chùa Phu Champasak, Hai hin Xieng khouang (cánh đồng Chum), Sieng khen Lao đã được UNESCO công nhận và đăng ký là di sản thế giới. Ngoài ra, các di tích cổ và các di tích cũng như các giá trị văn hóa đặc sắc đều được bảo tồn và phát huy tốt.

Nhà nước đã định hướng khai thác di sản văn hóa vật thể như nguồn lực quan trọng cho phát triển du lịch, góp phần thúc đẩy kinh tế Viêng Chăn và nâng cao đời sống nhân dân. Nhiều mô hình phát huy giá trị di tích thông qua du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, giáo dục lịch sử - truyền thống đã được triển khai, qua đó tăng cường “sức sống” của di sản trong đời sống

đương đại. Ban Quản lý Di sản Văn hóa thủ đô, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa thủ đô: Có chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Chăn Thạ Bu Ly, thành thủ đô Viêng Chăn thực hiện công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa; nghiên cứu, bảo tồn, phát huy các giá trị của di sản văn hóa trên địa bàn thủ đô Viêng Chăn; tham gia phối hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước về khu Thát Luông và Hoàn môn (Patuxay). Trung tâm có nhiệm vụ quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản (bao gồm di sản văn hóa vật thể) trên địa bàn toàn thủ đô Viêng Chăn.

Công tác chỉ đạo, điều hành Đảng bộ, Ủy ban nhân dân thủ đô Viêng Chăn đã ban hành nhiều văn bản từ Chỉ thị, Nghị quyết, Quy chế, Quy định đến các Quyết định, Đề án, Kế hoạch... nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa. Lãnh đạo thủ đô, TTVH & DL đã có nhiều chuyển công tác, làm việc với UBND các huyện, thành phố và các Ban Quản lý Di sản để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện công tác bảo tồn gắn với khai thác các di sản văn hóa vật thể. Đảng bộ, chính quyền thủ đô Viêng Chăn, huyện Chăn Thạ Bu Ly luôn xác định quản lý, bảo tồn phải gắn với phát huy giá trị Di sản văn hóa vật thể trên địa bàn là một trong những trọng tâm công tác để chỉ đạo công tác. Có thể nói, công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể được cả hệ thống chính trị từ thủ đô đến cơ sở vào cuộc, tạo nên sự đồng bộ và tính lan tỏa xã hội rộng lớn, được sự đồng tình và ủng hộ tích cực của các tầng lớp nhân dân. Trung tâm Truyền thanh Truyền hình được giao nhiệm vụ tổ chức các hoạt động và phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, truyền thanh, truyền hình, tuyên truyền lưu động và thường trực tổ chức các sự kiện văn hoá, lễ hội; đồng thời 17 tổ chức giới thiệu, tuyên truyền và phát huy các giá trị lịch sử - văn hoá của Di sản Văn hoá Thế giới qua hoạt động hướng dẫn tham quan, dịch vụ du lịch cho du khách trong nước và quốc tế.

Nhà nước phát huy vai trò chủ thể trong việc nâng cao nhận thức xã hội và phát huy vai trò cộng đồng. Thông qua các chương trình tuyên truyền, giáo dục, Nhà nước đã góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị di sản, khuyến khích người dân tham gia bảo vệ, gìn giữ và khai thác di sản. Vai trò của cộng đồng địa phương ngày càng được coi trọng như chủ thể trực tiếp trong bảo tồn gắn với phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trong phát triển kinh tế du lịch.

Nhà nước phát huy vai trò chủ thể thông qua tăng cường hợp tác quốc tế và hội nhập. Nhà nước đã chủ động tham gia các công ước quốc tế, đặc biệt là các công ước của UNESCO, qua đó nâng cao vị thế của di sản văn hóa Viêng Chăn trên trường quốc tế. Việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế đã góp phần đổi mới tư duy quản lý, bảo tồn di sản theo hướng bền vững, gắn với tạo sinh kế cho người dân Viêng Chăn.

3.1.2. Hạn chế của việc phát huy vai trò

3.1.2.1. Hạn chế về phát huy vai trò của nhân dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Một là, hạn chế về phát huy vai trò của nhân dân trong bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Nhìn chung người dân có ý thức bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng DSVHVT, tuy nhiên vẫn còn một số người chưa có ý thức bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng. Một số người dân chưa coi bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng là trách nhiệm của cộng đồng, họ cho rằng, đó là công việc của chính quyền nhà nước, còn bản thân họ không có trách nhiệm gì, có biểu hiện thờ ơ trước những xâm hại hay trộm cắp tài sản trong DSVHVT của địa phương. Tại Viêng Chăn, nhà chùa (Wat) là trung tâm của đời sống văn hóa. Nhiều người dân có tâm lý phó thác hoàn toàn việc giữ gìn di sản VHVT cho các nhà sư. Họ chỉ tham gia lễ hội với tư cách là "người đến dự" hoặc "khách hành hương" để cầu may, thay vì nhận thức mình là "người thực hiện" và "người bảo vệ" giá trị

đó. Nhiều người dân, nhất là ở khu vực có di tích, chưa nhận thức đầy đủ giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của di sản. Di sản thường bị nhìn nhận chủ yếu dưới góc độ lợi ích kinh tế trước mắt, dẫn đến các hành vi xâm hại như tự ý sửa chữa, coi nói, thay đổi kết cấu, làm biến dạng yếu tố gốc của di tích. Ở nhiều địa phương, đời sống kinh tế của người dân còn khó khăn, trong khi di sản lại nằm ngay trong không gian sinh hoạt. Áp lực mưu sinh khiến người dân buộc phải khai thác di sản quá mức, hoặc chấp nhận những hành vi làm tổn hại nguyên trạng di tích để phục vụ nhu cầu ở, kinh doanh, du lịch.

Dù pháp luật có quy định về trách nhiệm của cộng đồng, song trên thực tế cơ chế để người dân tham gia trực tiếp vào quản lý, giám sát, bảo vệ di sản còn mờ nhạt. Người dân chủ yếu ở vị trí “đối tượng thực hiện” hơn là chủ thể đồng quản lý, khiến tính chủ động, sáng tạo chưa được phát huy. Các chính sách động viên, khen thưởng, hỗ trợ sinh kế cho người dân trực tiếp tham gia bảo vệ di sản còn chưa tương xứng. Khi quyền lợi vật chất và tinh thần chưa được bảo đảm, việc yêu cầu người dân giữ gìn nghiêm ngặt nguyên trạng di sản trở nên khó bền vững. Chính quyền luôn đưa ra khẩu hiệu tôn vinh nghệ nhân nhưng trên thực tế chưa có chế độ hỗ trợ đối với những người bảo vệ, giữ gìn nguyên trạng DSVHVT (chủ nhân của nền văn hóa), chưa tạo cơ hội nghề nghiệp cho chủ nhân của DSVHVT, chưa kết nối được DSVHVT với du lịch để tạo thành động lực cho sự phát triển kinh tế nâng cao đời sống cho người dân. Chính vì vậy, nhiều người dân không nhiệt tình, tích cực tham gia bảo vệ DSVHVT ở địa phương.

Điều đáng chú ý nữa là, về cơ bản, đời sống kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn, chưa/không có điều kiện tham gia đóng góp tiền bạc hay nguồn lực vật chất khác cho công tác bảo tồn, sửa chữa, trùng tu các DSVHVT. Thêm nữa, không nhiều người dân am hiểu hoặc có kiến thức sâu về những DSVHVT. Vì vậy, sự e ngại của người dân khi chính quyền kêu gọi sự tương trợ, chung tay bảo tồn, trùng tu, sửa chữa cũng có thể hiểu được.

Trong xã hội truyền thống, di sản được truyền dạy qua việc trẻ em quan sát người lớn trong các bản làng. Tuy nhiên, tại đô thị Viêng Chăn, mô hình gia đình hạt nhân và áp lực học tập hiện đại đã tách rời giới trẻ khỏi các không gian thực hành văn hóa. Di sản dần trở thành những khái niệm "hàn lâm" trong sách vở thay vì là một phần sống động trong đời sống thường nhật. Một bộ phận lớn người dân xem việc bảo tồn là nhiệm vụ của Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch hoặc chính quyền thành phố. Khi các hoạt động bảo tồn không có ngân sách nhà nước hỗ trợ hoặc không có sự thúc ép từ cấp trên, cộng đồng thường không tự chủ động tổ chức các hoạt động duy trì di sản tại cơ sở (bản, cụm dân cư).

Hai là, hạn chế về phát huy vai trò của nhân dân trong trùng tu, tôn tạo DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Trong nhiều dự án trùng tu, tôn tạo di sản, người dân chủ yếu chỉ tham gia ở khâu đóng góp tài chính, ngày công, trong khi các khâu quan trọng như lập dự án, lựa chọn phương án kỹ thuật, vật liệu, hay giám sát thi công lại do cơ quan quản lý và đơn vị chuyên môn quyết định. Điều này khiến vai trò chủ thể của cộng đồng bị hạn chế, mang tính hình thức. Hơn nữa, trùng tu, tôn tạo di sản văn hóa vật thể là hoạt động đòi hỏi kiến thức chuyên sâu và tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc bảo tồn. Phần lớn người dân chưa được trang bị đầy đủ kiến thức khoa học về trùng tu, dẫn đến khó tham gia phản biện, giám sát hay đề xuất giải pháp phù hợp.

Các dự án trùng tu lớn hiện nay tại Viêng Chăn thường được đấu thầu và thực hiện bởi các công ty xây dựng hoặc đơn vị chuyên trách. Các đơn vị này ưu tiên sử dụng máy móc, công nghệ và đội ngũ công nhân lành nghề về xây dựng dân dụng nhưng thiếu sự gắn kết tâm linh và tri thức bản địa. Hệ quả là các nghệ nhân tại các bản làng - những người hiểu rõ nhất về "cái hồn" của di tích địa phương - bị gạt ra khỏi quá trình thi công trực tiếp, khiến di sản mất đi sự tinh xảo thủ công đặc trưng. Khi các đơn vị chuyên nghiệp chiếm

lĩnh thị trường, cơ hội để người dân địa phương (đặc biệt là thanh niên) tham gia học hỏi và thực hành các kỹ thuật truyền thống (như đắp phù điêu, chạm khắc gỗ Lào) bị thu hẹp. Quá trình trùng tu thay vì là một "lớp học thực tế" cho cộng đồng thì nay chỉ còn là một công trường đóng kín, dẫn đến việc các bí quyết kỹ thuật tại chỗ không có người kế thừa.

Trước đây, việc trùng tu một ngôi chùa hay một công trình công cộng tại Viêng Chăn là dịp để cả bản cùng đóng góp công sức (Lô sả - một nét văn hóa giúp đỡ lẫn nhau của người Lào). Khi các đơn vị chuyên nghiệp tiếp quản hoàn toàn, người dân dần nảy sinh tâm lý "khách thể", không thấy vai trò chủ thể của mình, họ đứng ngoài quan sát và phó mặc kết quả cho nhà thầu. Sự gắn kết cộng đồng thông qua lao động văn hóa vì thế bị rạn nứt. Các đơn vị thi công chuyên nghiệp thường áp dụng các bản vẽ kỹ thuật cứng nhắc, đôi khi mang tính chất "sản xuất hàng loạt" hoặc chịu ảnh hưởng từ các xu hướng kiến trúc ngoại lai để đẩy nhanh tiến độ. Điều này dẫn đến tình trạng các di tích sau khi tôn tạo trông rất giống nhau, làm mờ nhạt đi những nét đặc thù, dị biệt của từng cộng đồng dân cư tại các quận khác nhau trong thủ đô. Vì mục tiêu lợi nhuận và thời gian hoàn thành dự án, các đơn vị chuyên nghiệp thường chọn những giải pháp nhanh chóng (như đúc khuôn bê tông thay vì chạm khắc gỗ tay). Người dân dù nhận ra sự thay đổi này nhưng thường không có tiếng nói quyết định hoặc không đủ quyền hạn để can thiệp vào quy trình đã được phê duyệt, khiến vai trò giám sát của nhân dân trở nên hình thức.

Một bộ phận người dân có xu hướng đề cao yếu tố thẩm mỹ hiện đại hoặc tâm linh, mong muốn "làm mới" di sản, mở rộng quy mô, trang trí cầu kỳ. Cách tiếp cận này dễ dẫn đến trùng tu sai lệch, làm mất yếu tố gốc, làm giảm giá trị lịch sử - văn hóa của di sản. Trong tư duy của một bộ phận người dân thủ đô Viêng Chăn, việc đóng góp tiền bạc để làm cho ngôi chùa trở nên sáng loáng, rực rỡ được coi là cách thể hiện sự thành kính và tạo ra nhiều công đức (Bun) hơn. Họ có xu hướng ưa chuộng việc sử dụng các vật liệu

hiện đại như gạch men, sơn công nghiệp màu sắc sặc sỡ hoặc các chi tiết trang trí bằng nhựa, thạch cao thay vì phục hồi các vật liệu truyền thống như gỗ, đất nung hay vôi vữa tự nhiên. Do thiếu sự hướng dẫn kỹ thuật từ các chuyên gia bảo tồn, cộng đồng địa phương tại các bản thường tự ý thay đổi cấu trúc của công trình di tích để phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện đại (ví dụ: lắp thêm cửa kính, điều hòa, hoặc mở rộng không gian thờ tự bằng bê tông cốt thép). Những can thiệp này vô tình phá vỡ quy luật phong thủy và kiến trúc đặc trưng của Lào, biến di tích thành một công trình "lai căng". Điều này làm mất đi vẻ đẹp cổ kính và giá trị lịch sử của di tích. Trùng tu di sản đòi hỏi những kỹ thuật rất đặc thù như: kỹ thuật ghép mộng gỗ không dùng đinh, cách pha trộn màu sơn từ khoáng vật tự nhiên, hay cách phục chế các họa tiết phù điêu đắp nổi. Tại thủ đô Viêng Chăn, mặc dù nhân dân có truyền thống khéo léo, nhưng sự đứt gãy về kiến thức dạy nghề khiến đa số người dân hiện nay chỉ có kiến thức về xây dựng dân dụng hiện đại, không hiểu được các nguyên tắc bảo tồn nguyên trạng (về hình dáng, vật liệu và kỹ thuật truyền thống).

Trong nhiều trường hợp, người dân chưa thấy rõ lợi ích lâu dài từ việc trùng tu, tôn tạo di sản theo đúng nguyên tắc khoa học. Khi lợi ích kinh tế - xã hội chưa được bảo đảm hoặc phân bổ chưa công bằng, động lực để người dân tham gia sâu vào hoạt động trùng tu còn hạn chế. Trong quá trình tham gia trùng tu, tôn tạo DSVHVT, người dân có thể nhận thức được giá trị tổng thể của một ngôi chùa lớn (như That Luang), nhưng lại thường bỏ qua hoặc coi nhẹ giá trị của các chi tiết nhỏ như một mảng tường cổ, một phiến đá khắc chữ hay các hoa văn trang trí cũ. Trong quá trình dọn dẹp hoặc tôn tạo, họ có thể vô ý vứt bỏ hoặc sơn đè lên những yếu tố này, làm đứt gãy thông tin lịch sử mà di tích lưu giữ.

Trong quá trình trùng tu, tôn tạo một số di tích VHVT mà người dân tự đứng ra tổ chức trùng tu bằng nguồn vốn xã hội hóa, họ thường tự quyết định phương án thi công mà không thông qua các báo cáo đánh giá tác động di sản.

Điều này dẫn đến tình trạng "trẻ hóa" di tích quá mức, khiến di tích trông như mới xây dựng, làm mất đi sức hấp dẫn đối với khách du lịch và các nhà nghiên cứu văn hóa quốc tế khi đến với thủ đô. Mặt khác, việc nhân dân đóng góp tiền của cho trùng tu thường được quản lý bởi các ban quản lý bản hoặc nhà chùa một cách tự phát. Thiếu một cơ chế tài chính minh bạch, chuyên nghiệp để quản lý và sử dụng nguồn lực này một cách hiệu quả nhất cho mục tiêu "bảo tồn". Đôi khi nguồn vốn đóng góp bị sử dụng lãng phí vào các hạng mục trang trí không cần thiết thay vì tập trung vào việc gia cố các cấu trúc cổ đang bị hư hại.

Tại các bản làng ở Viêng Chăn, người dân và nhà chùa thường tự ý tiến hành các hoạt động sửa chữa nhỏ hoặc trang trí lại di tích mà không khai báo với cơ quan quản lý văn hóa cấp quận/thành phố. Do thiếu nhân sự đi sâu sát địa bàn, Nhà nước gần như bỏ ngỏ việc giám sát các hoạt động này, dẫn đến tình trạng nhiều bức tượng cổ, phù điêu có giá trị bị sơn đè bằng các loại sơn công nghiệp kém chất lượng hoặc bị đập đi xây lại theo ý muốn cá nhân.

Mối quan hệ giữa Nhà nước, cơ quan chuyên môn và cộng đồng dân cư trong trùng tu di sản chưa được phân định rạch ròi về trách nhiệm và quyền hạn. Việc thiếu cơ chế đồng quản lý, thiếu quy trình tham vấn cộng đồng chính thức khiến tiếng nói của người dân khó được tiếp thu đầy đủ. Trong văn hóa cộng đồng tại Viêng Chăn, người dân thường có tâm lý tôn trọng tuyệt đối các quyết định từ chính quyền hoặc các nhà sư trụ trì (người thường đứng ra huy động trùng tu chùa). Khi thấy quá trình tôn tạo có những điểm chưa hợp lý, người dân thường chọn cách im lặng vì sợ bị cho là thiếu tôn trọng hoặc gây chia rẽ trong nội bộ bản làng, tôn giáo. Đây cũng là một hạn chế của việc phát huy vai trò của người dân trong trùng tu, tôn tạo DSVHVT.

Hạn chế về vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư sống ở gần các di sản văn hóa vật thể trong trùng tu, tôn tạo còn thể hiện trong khâu giám sát. Dù cộng đồng dân cư này là những người sống gần gũi nhất và thụ hưởng trực

tiếp giá trị của di sản, nhưng quyền năng và hiệu quả giám sát của họ trong quá trình trùng tu tại Viêng Chăn vẫn còn rất mờ nhạt. Tại nhiều dự án tôn tạo di tích ở các quận như Chanthabuly hay Saysettha, chưa có một "kênh thông tin" chuyên biệt để người dân đóng góp ý kiến hoặc phản ánh các sai phạm trong thi công. Khi người dân phát hiện các đơn vị thầu sử dụng vật liệu không đúng nguyên bản hoặc phá bỏ các cấu trúc cổ, họ thường không biết phải báo cáo cho cơ quan nào hoặc quy trình phản hồi quá phức tạp, dẫn đến tâm lý e ngại. Hơn nữa, nhiều dự án trùng tu tại thủ đô không công khai đầy đủ hồ sơ thiết kế, phương án bảo tồn hoặc nguồn gốc vật liệu cho cộng đồng địa phương biết. Người dân chỉ thấy công trình bị rào chắn lại và khi hoàn thành thì "mọi chuyện đã rồi". Việc thiếu công khai minh bạch khiến cộng đồng không có căn cứ để so sánh, đối chiếu và thực hiện quyền giám sát của mình. Mặt khác, giám sát trùng tu di tích không giống như giám sát xây dựng nhà ở dân dụng. Nó đòi hỏi kiến thức về lịch sử kiến trúc, vật liệu cổ và các quy định pháp luật về di sản. Người dân Viêng Chăn dù có tâm huyết nhưng thiếu các buổi tập huấn về "Kỹ năng giám sát di tích", dẫn đến việc họ không đủ lý lẽ chuyên môn để tranh biện với các đơn vị thi công chuyên nghiệp khi có sai sót xảy ra. Các tổ chức như Hội Lão thành, Hội Phụ nữ hay Mặt trận Lào Xây dựng Đất nước tại các bản đóng vai trò quan trọng trong đời sống nhưng lại chưa được trao quyền hạn pháp lý cụ thể trong việc "giám sát văn hóa". Ý kiến của họ thường mang tính chất tham khảo, không có giá trị định chỉ thi công nếu phát hiện dấu hiệu xâm hại di sản, làm cho vai trò giám sát trở nên mang tính hình thức.

Ba là, hạn chế về phát huy vai trò của nhân dân trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Nhận thức của người dân chưa đầy đủ về mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy là một hạn chế phổ biến trong thực tiễn bảo vệ và khai thác di sản văn hóa vật thể hiện nay. Một bộ phận người dân vẫn xem bảo tồn và phát

huy là hai hoạt động tách rời, thậm chí mâu thuẫn với nhau. Bảo tồn thường bị hiểu đơn giản là giữ nguyên, không được khai thác, trong khi phát huy lại bị đồng nhất với việc khai thác giá trị kinh tế của di sản. Cách hiểu này dẫn đến xu hướng coi trọng lợi ích trước mắt mà xem nhẹ giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học lâu dài của di sản. Trong nhiều trường hợp, việc phát huy thiếu định hướng đã gây tổn hại đến yếu tố gốc và không gian văn hóa của di sản. Ngược lại, việc bảo tồn cứng nhắc cũng làm hạn chế khả năng đưa di sản vào đời sống đương đại. Sự thiếu thống nhất trong nhận thức khiến người dân khó chủ động tham gia vào các mô hình phát huy giá trị bền vững. Điều này làm giảm hiệu quả gắn kết giữa bảo tồn và phát huy di sản. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức đúng đắn về mối quan hệ biện chứng giữa bảo tồn và phát huy là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Vai trò chủ thể của người dân trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể hiện nay còn mang tính hình thức. Trong nhiều trường hợp, người dân chỉ tham gia ở mức độ thực hiện các hoạt động theo sự chỉ đạo hoặc sắp xếp sẵn của cơ quan quản lý. Việc tham gia của cộng đồng thường dừng lại ở đóng góp công sức, kinh phí hoặc phục vụ hoạt động du lịch, lễ hội. Người dân ít có cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch, lựa chọn phương thức khai thác và quyết định cách thức phát huy giá trị di sản. Tiếng nói và sáng kiến của cộng đồng chưa được coi trọng đúng mức trong quá trình quản lý di sản. Cơ chế tham vấn và đồng quản lý giữa Nhà nước và người dân còn thiếu và chưa hiệu quả. Điều này làm giảm tính chủ động, sáng tạo của người dân trong bảo tồn và phát huy di sản. Vai trò chủ thể vì thế chưa được phát huy đầy đủ, thiếu chiều sâu và tính bền vững. Hệ quả là hoạt động phát huy giá trị di sản chưa gắn chặt với lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng. Đây là hạn chế cần sớm được khắc phục trong công tác bảo tồn di sản hiện nay.

Vai trò chủ thể của người dân trong việc gắn bảo tồn với khai thác giá trị kinh tế của di sản văn hóa vật thể hiện nay còn nhiều hạn chế. Trong thực

tiền, người dân chưa thực sự được tham gia sâu vào quá trình tổ chức và quản lý các hoạt động khai thác kinh tế từ di sản. Việc khai thác giá trị kinh tế chủ yếu do doanh nghiệp hoặc các chủ thể bên ngoài cộng đồng đảm nhận. Người dân phần lớn chỉ tham gia ở các khâu giản đơn như cung cấp dịch vụ nhỏ lẻ hoặc lao động thời vụ. Quyền quyết định và lợi ích kinh tế thu được từ di sản chưa được phân bổ công bằng cho cộng đồng địa phương. Điều này làm giảm động lực của người dân trong việc bảo tồn di sản một cách bền vững. Bên cạnh đó, năng lực tổ chức sản xuất, kinh doanh gắn với di sản của người dân còn hạn chế. Việc thiếu kiến thức về kinh tế di sản và du lịch văn hóa khiến vai trò chủ thể của cộng đồng khó được phát huy. Hệ quả là mối liên kết giữa bảo tồn và khai thác giá trị kinh tế di sản chưa chặt chẽ. Đây là một hạn chế lớn cần được khắc phục trong quá trình phát huy giá trị di sản văn hóa

Cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, cộng đồng và các chủ thể kinh tế trong phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể để phát triển kinh tế hiện nay còn bộc lộ nhiều hạn chế. Sự liên kết giữa các chủ thể chưa chặt chẽ, thiếu tính đồng bộ và lâu dài. Trong nhiều trường hợp, Nhà nước giữ vai trò quản lý nhưng chưa tạo được cơ chế hiệu quả để cộng đồng và doanh nghiệp tham gia bình đẳng. Người dân chưa được tham vấn đầy đủ trong quá trình xây dựng quy hoạch và phương án khai thác di sản. Các chủ thể kinh tế chủ yếu quan tâm đến lợi ích kinh doanh, trong khi trách nhiệm bảo tồn và chia sẻ lợi ích với cộng đồng chưa được thực hiện nghiêm túc. Cơ chế phân công trách nhiệm giữa các bên còn chồng chéo hoặc không rõ ràng. Việc phối hợp trong quản lý, giám sát hoạt động khai thác di sản còn thiếu thường xuyên. Lợi ích thu được từ phát huy giá trị di sản chưa được phân bổ hài hòa giữa các chủ thể. Điều này dẫn đến mâu thuẫn lợi ích và làm giảm sự đồng thuận xã hội. Cộng đồng địa phương vì thế thiếu động lực tham gia bảo tồn gắn với phát triển kinh tế. Hoạt động khai thác di sản dễ rơi vào tình trạng tự phát hoặc thiếu bền vững. Sự thiếu liên kết cũng làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực di sản. Giá trị kinh

tế của di sản chưa được phát huy tương xứng với tiềm năng. Đồng thời, nguy cơ xâm hại di sản gia tăng. Đây là vấn đề cần được khắc phục nhằm bảo đảm phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể theo hướng bền vững.

Việc phát triển du lịch tại các khu vực di sản ở thủ đô Viêng Chăn mang lại nguồn thu nhưng cũng gây ra nhiều phiền toái cho nhân dân (tiếng ồn, ùn tắc giao thông, rác thải). Ngược lại, để giữ gìn cảnh quan di tích, chính quyền thường hạn chế các hoạt động kinh doanh vỉa hè hoặc biển quảng cáo của người dân. Sự thiếu hài hòa về lợi ích khiến cộng đồng đôi khi có thái độ thiếu hợp tác, thậm chí là xâm hại di tích để phục vụ mục đích kinh doanh trước mắt. Di sản văn hóa ở thủ đô Viêng Chăn chỉ có thể được bảo tồn bền vững khi người dân tìm thấy sự cân bằng giữa "tôn trọng quá khứ" và "phát triển tương lai", nơi di tích mang lại lợi ích thực tế cho đời sống của họ.

3.1.2.2. Hạn chế về phát huy vai trò của nhà nước trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Một là, hạn chế về phát huy vai trò của nhà nước trong bảo vệ, giữ gìn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Nhà nước chưa phát huy tốt vai trò trong hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo tồn DSVHVT nói chung. Mặc dù Nhà nước Lào đã ban hành Luật Di sản Văn hóa, nhưng việc triển khai cụ thể hóa luật này vào bối cảnh đặc thù của một đô thị đang phát triển nhanh như Viêng Chăn vẫn còn nhiều bất cập lớn:

Các quy định hiện hành chủ yếu tập trung vào các nguyên tắc chung mang tính quốc gia, nhưng lại thiếu các thông tư, nghị định hướng dẫn chi tiết cho từng loại hình DSVHVT cụ thể tại Viêng Chăn (ví dụ: quy định về việc bảo tồn các nghi lễ hoàng gia cổ, hay các tiêu chuẩn về biểu diễn nghệ thuật *Lăm* truyền thống trong các không gian đô thị). Sự thiếu hụt này khiến việc thực thi pháp luật trở nên lúng túng, khó định lượng khi có các hành vi xâm hại hoặc biến tướng di sản xảy ra.

Hạn chế trong phát huy vai trò chủ thể của nhà nước còn thể hiện trong việc nội luật hóa các công ước quốc tế. CHDCND Lào là thành viên của Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ DSVHVT, nhưng việc chuyển hóa các cam kết quốc tế thành các quy định cụ thể để quản lý một địa bàn phức tạp như thủ đô Viêng Chăn vẫn còn chậm. Điều này làm cho việc tiếp cận các nguồn hỗ trợ quốc tế hoặc thực hiện các dự án hợp tác bảo tồn liên quốc gia tại thủ đô gặp nhiều rào cản về thủ tục pháp lý trong nước.

Tại Viêng Chăn, các quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị (như mở rộng đường, xây dựng trung tâm thương mại) thường được phê duyệt mà không có sự thẩm định kỹ lưỡng về tác động đối với các không gian văn hóa vật thể liên quan. Pháp luật hiện hành chưa có cơ chế "bắt buộc" phải đánh giá tác động văn hóa (Cultural Impact Assessment) trước khi triển khai các dự án xây dựng lớn, dẫn đến việc nhiều không gian thực hành di sản của cộng đồng bị xóa sổ một cách hợp pháp dưới danh nghĩa "phát triển thủ đô".

Các quy định về xử phạt hành chính đối với việc vi phạm bản quyền di sản văn hóa vật thể hoặc hành vi làm sai lệch giá trị di sản phi vật thể tại Viêng Chăn còn quá nhẹ và mang tính hình thức. Trong khi đó, quá trình thương mại hóa di sản để phục vụ du lịch diễn ra mạnh mẽ, dẫn đến tình trạng nhiều đơn vị kinh doanh lợi dụng hình ảnh, âm nhạc truyền thống một cách tùy tiện mà không bị nhắc nhở hay xử lý theo quy định pháp luật.

Mô hình quản lý di sản văn hóa vật thể tại thủ đô vẫn tồn tại sự giao thoa không rõ ràng giữa chính quyền Trung ương (Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch) và chính quyền Thủ đô (Sở Thông tin, Văn hóa và Du lịch Viêng Chăn). Hệ quả là những vấn đề phát sinh tại các bản làng thường bị rơi vào "khoảng trống" trách nhiệm. Cấp quận/huyện thiếu quyền hạn và nguồn lực pháp lý để tự đứng ra bảo vệ di sản văn hóa vật thể, trong khi cấp Trung ương lại quá xa rời thực tế cơ sở, dẫn đến các phản ứng chính sách chậm chạp và kém hiệu quả.

Hai là, hạn chế về phát huy vai trò của nhà nước trong trùng tu, tôn tạo DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn

Khi phân tích về vai trò của Nhà nước trong công tác trùng tu, tôn tạo Di sản văn hóa vật thể- như chùa chiền, tháp cổ, di tích lịch sử - tại thủ đô Viêng Chăn, có thể thấy nổi lên những hạn chế mang tính hệ thống và kỹ thuật như sau:

Về vai trò nhà nước trong huy đầu tư ngân sách cho trùng tu, tôn tạo con hạn chế. Dù thủ đô Viêng Chăn là đầu tàu kinh tế của Lào, nhưng nguồn lực tài chính công dành cho việc bảo vệ DSVHVT vẫn đang ở tình trạng "thiếu trước hụt sau", gây khó khăn cho việc triển khai các chương trình dài hạn. Trong chiến lược phát triển của thủ đô, ngân sách nhà nước thường tập trung ưu tiên cho các mục tiêu cấp bách như phát triển hạ tầng giao thông, giải quyết ô nhiễm môi trường và phục hồi kinh tế sau đại dịch. Văn hóa nói chung và DSVHVT nói riêng thường bị xem là lĩnh vực "tiêu tốn ngân sách" hơn là "tạo ra giá trị kinh tế", dẫn đến tỷ lệ phân bổ tài chính hàng năm chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng chi ngân sách của thành phố. DSVHVT có đặc tính dễ mai một theo thời gian. Để bảo vệ, nhà nước cần nguồn lực lớn để thực hiện các cuộc tổng điều tra, ghi âm, ghi hình và lập hồ sơ khoa học cho việc trùng tu, tôn tạo. Tuy nhiên, tại Viêng Chăn, nhiều dự án kiểm kê di sản phải tạm dừng hoặc thực hiện cầm chừng do không có đủ kinh phí trả cho các chuyên gia, thuê thiết bị hiện đại hoặc chi phí đi lại xuống các bản xa trung tâm. Chính quyền nhà nước chưa có các chính sách ưu đãi tài chính (như miễn giảm thuế hoặc quyền lợi quảng bá) đủ hấp dẫn để thu hút các doanh nghiệp tại thủ đô đầu tư vào bảo tồn di sản. Việc huy động vốn chủ yếu vẫn dựa trên sự đóng góp tự nguyện của nhân dân theo hình thức cúng dường tại các chùa, khiến nguồn lực này bị phân tán và không được quản lý theo một chiến lược bảo tồn thống nhất của nhà nước.

Vai trò của nhà nước trong việc hoàn thiện Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và định mức trùng tu, tôn tạo con hạn chế, hệ thống quy định, quy chuẩn

chưa hoàn thiện. Đây là lỗi hỏng mang tính nền tảng, khiến công tác trùng tu di tích tại thủ đô thường rơi vào tình trạng "vừa làm vừa dò dẫm" hoặc bị đồng nhất với xây dựng dân dụng hiện đại. Hiện nay, Lào chưa ban hành một hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (Technical Standards) chi tiết cho việc bảo tồn các vật liệu truyền thống đặc thù. Tại Viêng Chăn, khi trùng tu các tháp cổ (Stupa) hay chùa (Wat), các đơn vị thi công thường thiếu các thông số chuẩn về kỹ thuật thi công. Ví dụ như: Công thức pha trộn vôi vữa truyền thống để tương thích với gạch cổ; Quy trình xử lý chống mối mọt cho các cấu trúc gỗ quý mà không làm biến đổi màu sắc tự nhiên; Các tiêu chuẩn về độ chịu lực của kết cấu gỗ khi gia cố bằng công nghệ mới. Các quy định về đơn giá và định mức (Norms and Unit Prices) của Nhà nước vẫn chủ yếu dựa trên định mức xây dựng cơ bản. Trùng tu, tôn tạo di tích là một loại hình lao động đặc biệt, đòi hỏi sự tỉ mỉ và thời gian kéo dài (ví dụ: việc bóc tách từng lớp sơn cũ hay phục chế một mảng phù điêu có thể mất cả tháng).

Phát huy vai trò chủ thể của chính quyền nhà nước trong công tác quy hoạch và định hướng trùng tu, tôn tạo di sản văn hóa vật thể hiện nay ở nhiều địa phương vẫn chưa mang tính dài hạn và tổng thể. Việc lập kế hoạch trùng tu chủ yếu mang tính tình thế, tập trung xử lý các hạng mục xuống cấp trước mắt. Nhiều di sản chưa được đặt trong quy hoạch bảo tồn tổng thể gắn với không gian văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sự thiếu đồng bộ giữa quy hoạch trùng tu và quy hoạch đô thị, du lịch đã làm giảm hiệu quả bảo tồn di sản. Một số dự án trùng tu chưa xác định rõ mục tiêu bảo tồn lâu dài và giá trị cốt lõi cần giữ gìn. Điều này dẫn đến tình trạng trùng tu manh mún, thiếu tính kế thừa. Việc thay đổi phương án trùng tu qua từng giai đoạn gây lãng phí nguồn lực. Công tác dự báo, đánh giá tác động dài hạn của trùng tu đối với di sản còn hạn chế. Nhiều nơi chưa chú trọng đến yếu tố bền vững trong định hướng trùng tu. Hoạt động tôn tạo đôi khi chạy theo yêu cầu phát triển ngắn hạn hoặc nhu cầu du lịch. Hệ quả là một số di sản bị biến dạng

về không gian và cảnh quan. Giá trị lịch sử, văn hóa của di sản chưa được bảo vệ toàn diện. Việc thiếu tầm nhìn dài hạn làm giảm vai trò dẫn dắt của Nhà nước. Đồng thời, hiệu quả đầu tư cho trùng tu di sản chưa cao. Đây là hạn chế cần được khắc phục để bảo đảm bảo tồn di sản một cách bền vững.

Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, ngành văn hóa, xây dựng, du lịch và chính quyền địa phương chưa thật sự nhịp nhàng làm giảm vai trò của chính quyền nhà nước trong trùng tu, tôn tạo các di sản văn hóa vật thể. Trách nhiệm của từng cơ quan trong quá trình trùng tu, tôn tạo di sản chưa được xác định rõ, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước. Trong nhiều trường hợp, chính quyền Nhà nước chưa làm tốt vai trò định hướng và kiểm soát hoạt động trùng tu, tôn tạo do cộng đồng hoặc doanh nghiệp thực hiện. Việc giám sát xã hội, minh bạch thông tin và tiếp thu ý kiến phản biện còn hạn chế, làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước. Do thiếu hệ thống quy chuẩn làm căn cứ, hội đồng thẩm định của Nhà nước tại Viêng Chăn thường chỉ đánh giá hồ sơ trên phương diện "đúng thủ tục hành chính" thay vì "đúng khoa học bảo tồn". Các bản vẽ thiết kế trùng tu đôi khi thiếu các nghiên cứu về khảo cổ, hóa lý vật liệu nhưng vẫn được phê duyệt, khiến di tích bị biến dạng ngay từ khâu ý tưởng.

Ba là, hạn chế về phát huy vai trò của nhà nước trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Tư duy quản lý của chính quyền nhà nước trong lĩnh vực di sản văn hóa vật thể ở nhiều địa phương hiện nay vẫn còn thiên về bảo tồn tách rời với phát huy giá trị trong phát triển kinh tế. Hoạt động quản lý chủ yếu tập trung vào việc gìn giữ, bảo vệ di sản như một đối tượng cần "bảo quản", trong khi chưa coi trọng đầy đủ khả năng khai thác hợp lý giá trị của di sản văn hóa vật thể phục vụ phát triển. Di sản chưa được nhìn nhận như một nguồn lực kinh tế - văn hóa quan trọng của địa phương. Việc gắn bảo tồn với các hoạt động du lịch, dịch vụ và kinh tế sáng tạo còn hạn chế. Nhiều chính sách bảo tồn còn mang

tính khép kín, thiếu tính linh hoạt. Điều này làm cho di sản khó hòa nhập vào đời sống kinh tế - xã hội đương đại. Ở một số nơi, nỗi lo làm tổn hại di sản khiến cơ quan quản lý e ngại các mô hình phát huy giá trị mới. Ngược lại, khi phát triển kinh tế, di sản văn hóa vật thể, đặc biệt là các công trình kiến trúc trong các khu kinh tế lại bị xem là yếu tố cản trở. Sự thiếu thống nhất trong tư duy quản lý dẫn đến việc ban hành chính sách thiếu đồng bộ. Hoạt động phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể vì thế còn manh mún và tự phát. Tiềm năng kinh tế của di sản chưa được khai thác tương xứng. Cộng đồng và doanh nghiệp thiếu động lực tham gia. Điều này làm giảm vai trò của di sản văn hóa vật thể trong phát triển bền vững về kinh tế và xã hội. Chính quyền nhà nước chưa xây dựng được các mô hình mẫu về "Bảo tồn để phát triển" hiệu quả tại Viêng Chăn. Hiện nay, bảo tồn vẫn bị coi là "chi tiêu" ngân sách hơn là đầu tư. Việc thiếu các chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi di sản thành sinh kế bền vững (như du lịch cộng đồng bài bản) khiến nhân dân dễ dàng từ bỏ di sản để theo đuổi các công việc hiện đại có thu nhập cao hơn.

Hệ thống chính sách, pháp luật nhằm phát huy vai trò của chính quyền nhà nước trong việc gắn bảo tồn với phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể để phát triển kinh tế hiện nay vẫn chưa thật sự đồng bộ. Các quy định pháp luật liên quan đến di sản văn hóa, du lịch, xây dựng, đất đai và đầu tư còn tồn tại sự chông chéo, thiếu thống nhất. Điều này gây khó khăn cho chính quyền các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện. Một số chính sách mới chỉ chú trọng bảo tồn mà chưa tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho việc phát huy giá trị di sản phục vụ phát triển kinh tế. Cơ chế phối hợp liên ngành trong xây dựng và thực thi chính sách còn hạn chế. Việc phân cấp, phân quyền quản lý di sản chưa được quy định cụ thể và nhất quán. Nhiều địa phương lúng túng trong việc lựa chọn mô hình khai thác di sản phù hợp với pháp luật. Các chính sách khuyến khích xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp và cộng đồng tham gia còn thiếu tính khả thi. Cơ chế chia sẻ lợi ích từ khai thác di sản chưa rõ ràng. Điều này làm giảm động lực

của các chủ thể tham gia bảo tồn gắn với phát huy giá trị di sản. Việc triển khai chính sách ở cơ sở còn thiếu đồng bộ giữa các ngành và cấp quản lý. Hiệu lực và hiệu quả thực thi pháp luật chưa cao. Hệ thống chính sách chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế gắn với bảo tồn di sản. Vai trò dẫn dắt của chính quyền nhà nước vì thế chưa được phát huy đầy đủ. Đây là hạn chế cần sớm được khắc phục để bảo đảm phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa vật thể trong phát triển kinh tế.

Trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể gắn với phát triển kinh tế du lịch ở thu đô Viên Chăn, vai trò kiến tạo và dẫn dắt của chính quyền ở nhiều nơi vẫn chưa được phát huy đầy đủ. Chính quyền chưa hình thành được các cơ chế hiệu quả để thu hút sự tham gia chủ động, tích cực của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp vào hoạt động bảo tồn gắn với khai thác di sản. Việc ban hành chính sách còn thiên về quản lý hành chính, trong khi thiếu các công cụ khuyến khích và hỗ trợ phù hợp. Cộng đồng địa phương chưa được tạo điều kiện tham gia ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và phương án phát huy giá trị di sản. Doanh nghiệp chủ yếu tham gia với mục tiêu kinh doanh, song chưa được định hướng rõ ràng về trách nhiệm bảo tồn. Cơ chế tham vấn giữa chính quyền, cộng đồng và doanh nghiệp còn hình thức, thiếu chiều sâu. Tiếng nói của người dân trong các quyết định liên quan đến khai thác di sản văn hóa vật thể chưa được coi trọng đúng mức. Cơ chế chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch di sản văn hóa vật thể chưa rõ ràng và công bằng. Điều này làm giảm động lực của cộng đồng trong việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa vật thể. Công tác giám sát xã hội đối với hoạt động khai thác di sản văn hóa vật thể còn yếu. Việc minh bạch thông tin về dự án và nguồn thu từ di sản chưa được bảo đảm. Hệ quả là hoạt động phát huy giá trị di sản thiếu sự đồng thuận xã hội. Tính bền vững trong khai thác di sản vì thế chưa cao. Nguy cơ thương mại hóa di sản gia tăng. Giá trị văn hóa, lịch sử của di sản văn hóa vật thể có nguy cơ bị xem nhẹ. Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển kinh tế du lịch chưa được xử

lý hài hòa. Vai trò điều phối của Nhà nước còn mờ nhạt trong nhiều trường hợp. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phát huy giá trị di sản. Do đó, cần tăng cường vai trò kiến tạo và dẫn dắt của Nhà nước. Qua đó bảo đảm sự tham gia thực chất của cộng đồng và doanh nghiệp trong bảo tồn gắn với phát triển du lịch bền vững.

3.2. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN

3.2.1. Nguyên nhân của những thành tựu về phát huy vai trò của nhân dân trong bảo tồn văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Một là, sự quan tâm, định hướng đúng đắn của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đối với công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Đảng khẳng định quan điểm lấy nhân dân làm chủ thể trung tâm trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng đã nhấn mạnh vai trò của cộng đồng trong việc gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, tạo cơ sở chính trị để nhân dân tham gia tích cực vào công tác bảo tồn. Đa số di tích vật thể tại Viêng Chăn là các ngôi chùa (Wat). Theo truyền thống, các nhà sư trụ trì và Ban quản lý bản có quyền tự chủ cao trong việc chăm sóc và tôn tạo chùa. Đây cũng là tiền đề phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn các ngôi chùa.

Hai là, hệ thống pháp luật về di sản nói chung di sản văn hóa vật thể nói riêng từng bước được hoàn thiện. Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong bảo vệ di sản. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để người dân tham gia chủ động, có tổ chức và đúng định hướng vào các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Trong những năm qua, Nhà nước Lào nói chung và chính quyền thủ đô Viêng Chăn nói riêng đã thực hiện nhiều chính sách chiến lược nhằm bảo vệ và giữ gìn di sản văn hóa vật thể.

Hiến pháp CHDCND Lào (2015): Tại Điều 8, Hiến pháp khẳng định Nhà nước có chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử và tự

nhiên của quốc gia. Đây là nền tảng cao nhất cho mọi hoạt động bảo tồn. Luật Di sản quốc gia (Ban hành lần đầu năm 2005, sửa đổi năm 2013 và 2021): Đây là văn bản quan trọng nhất. Điều 79 của Luật này quy định rõ các chế tài đối với hành vi xâm hại di sản. Bản sửa đổi năm 2021 đã đưa vào các quy định mới nghiêm ngặt hơn: 100% các dự án kinh tế - xã hội (công nghiệp, cơ sở hạ tầng) tại Viêng Chăn nếu có khả năng tác động đến di sản đều bắt buộc phải thực hiện Đánh giá tác động di sản (HIA) trước khi cấp phép. Chiến lược phát triển Văn hóa đến năm 2030: Nhà nước đã lồng ghép bảo tồn di sản vật thể vào chiến lược phát triển quốc gia, coi văn hóa là động lực kinh tế (du lịch văn hóa). Quốc hội Lào đã sửa đổi, bổ sung Luật Di sản quốc gia và thông qua vào cuối năm 2021 là một nỗ lực lớn, đặc biệt là việc đưa ra các quy định mới liên quan đến đánh giá tác động di sản. Quy định này yêu cầu mọi dự án phát triển kinh tế-xã hội, cơ sở hạ tầng có khả năng ảnh hưởng đến di sản đều phải đánh giá tác động và có kế hoạch quản lý, theo dõi. Điều này cho thấy sự quyết tâm trong việc cân bằng giữa phát triển và bảo tồn các DSVHVT ở Lào nói chung và ở thủ đô Viêng Chăn nói riêng. Luật di sản quốc gia không ngừng được chỉnh sửa cho phù hợp, đến nay đã sửa đổi 3 lần vào các năm 2005, 2013, 2021 để thắt chặt quản lý.

Chính quyền thủ đô đã ban hành các quy định về vùng đệm. Ví dụ, trong khu vực trung tâm quận Chanthabuly, các công trình mới không được vượt quá chiều cao quy định (thường là dưới 4 tầng hoặc thấp hơn chiều cao của các công trình di sản trọng điểm lân cận).

Ba là, nhận thức của nhân dân về giá trị di sản văn hóa vật thể ngày càng được nâng cao. Nhận thức của nhân dân về bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể ngày càng được nâng cao trong những năm gần đây. Thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật về di sản, người dân đã hiểu rõ hơn ý nghĩa lịch sử, văn hóa và khoa học của các di sản văn hóa vật thể. Di sản không còn được nhìn nhận đơn thuần là tài sản của Nhà nước mà là tài

sản chung của cộng đồng và toàn xã hội. Ý thức trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, giữ gìn di sản vì thế ngày càng được củng cố. Nhiều người dân đã chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ di tích tại địa phương. Các hành vi xâm hại di sản dần được cộng đồng lên tiếng ngăn chặn. Việc gìn giữ di sản gắn với niềm tự hào về truyền thống lịch sử - văn hóa được đề cao. Người Lào tin rằng việc đóng góp tinh tài, tinh vật để xây dựng hoặc trùng tu di tích tôn giáo sẽ mang lại phước báu lớn cho bản thân và gia đình ở kiếp này và kiếp sau. Người dân ngày càng quan tâm đến việc bảo vệ yếu tố gốc của di sản. Nhận thức đúng đắn cũng giúp cộng đồng tiếp cận di sản văn hóa vật thể theo hướng bền vững hơn. Mỗi ngôi chùa tại Viêng Chăn thường gắn liền với một đơn vị bản cư dân. Người dân coi chùa là "linh hồn" của bản, do đó họ tự nguyện đứng ra bảo vệ và giữ gìn như chính tài sản của gia đình mình. Đây là nền tảng quan trọng để phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Khi di tích được bảo tồn tốt, khách du lịch sẽ đến đông hơn, từ đó tạo ra sinh kế cho người dân thông qua các dịch vụ lưu trú, ẩm thực và bán đồ thủ công. Chính lợi ích kinh tế này đã trở thành "động lực vật chất" quan trọng để người dân tích cực tham gia bảo vệ di sản văn hóa vật thể.

Bốn là, việc gắn bảo tồn di sản văn hóa vật thể với lợi ích thiết thực của cộng đồng cư dân ngày càng tốt hơn. Việc bảo tồn di sản được gắn với phát triển du lịch, tạo việc làm, tăng thu nhập đã tạo động lực mạnh mẽ để người dân tham gia. Khi thấy rõ lợi ích kinh tế - xã hội từ di sản, cộng đồng sẵn sàng đóng góp công sức, trí tuệ và nguồn lực cho công tác bảo tồn. Nhiều mô hình quản lý di sản dựa vào cộng đồng, vai trò của dòng họ, làng xã, ban quản lý di tích, tổ chức xã hội tại địa phương được phát huy hiệu quả. Điều này tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia bảo vệ, giám sát và gìn giữ di sản ngay tại cơ sở. Bên cạnh đó, truyền thống gắn bó với quê hương, làng xã, tín ngưỡng và di tích lịch sử - văn hóa là nền tảng quan trọng thúc đẩy người dân

tự nguyện bảo vệ di sản văn hóa vật thể. Ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc đã trở thành động lực nội sinh cho hoạt động bảo tồn di sản.

Năm là, nhà nước đã có các chính sách hỗ trợ về kinh phí, chuyên môn, đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật, giúp người dân nâng cao năng lực bảo tồn di sản. Mặt khác, sự tham gia của các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và tổ chức quốc tế cũng góp phần củng cố vai trò của cộng đồng cư dân ở thủ đô Viêng Chăn trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Đồng thời, nhà nước đã hợp tác tốt với các nước, các tổ chức quốc tế trong việc bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn.

3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế về phát huy vai trò của nhân dân trong bảo tồn văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Một là, một bộ phận người dân đất nước Lào nói chung, người dân thủ đô Viêng Chăn hiện nay chưa hiểu đúng và đầy đủ về giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học của di sản văn hóa vật thể. Di sản thường được nhìn nhận chủ yếu dưới góc độ tâm linh, tín ngưỡng hoặc lợi ích kinh tế trước mắt. Cách hiểu này dẫn đến việc xem nhẹ các giá trị gốc và ý nghĩa lâu dài của di sản. Nhiều người chưa ý thức được rằng mỗi di sản đều là kết tinh của lịch sử, tri thức và bản sắc văn hóa dân tộc. Sự thiếu hiểu biết làm hạn chế tinh thần tự giác trong bảo vệ di sản. Trong một số trường hợp, người dân có những hành vi can thiệp tùy tiện vào di tích. Việc sửa chữa, coi nới không đúng quy định đã làm biến dạng giá trị di sản. Nhận thức chưa đầy đủ cũng khiến cộng đồng khó tham gia vào các hoạt động bảo tồn mang tính khoa học. Điều này làm giảm hiệu quả phát huy vai trò chủ thể của người dân trong bảo tồn giá trị văn hóa vật thể.

Hai là, cơ chế phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể hiện nay vẫn chưa rõ ràng. Mặc dù pháp luật đã có những quy định về trách nhiệm của cộng đồng, nhưng các cơ chế cụ thể để người dân tham gia còn thiếu và chưa đồng bộ. Người dân chưa được trao

quyền thực chất trong quản lý, giám sát và quyết định các vấn đề liên quan đến di sản. Việc tham gia của cộng đồng chủ yếu mang tính hình thức, thiếu tính chủ động. Các kênh tham vấn ý kiến nhân dân chưa được thiết lập đầy đủ và hiệu quả. Trách nhiệm và quyền lợi của người dân trong bảo tồn di sản chưa được xác định cụ thể. Điều này dẫn đến tâm lý thụ động trong tham gia bảo tồn. Vai trò chủ thể của nhân dân vì thế chưa được phát huy tương xứng trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn.

Ba là, hạn chế về kiến thức, kỹ năng và năng lực bảo tồn là một nguyên nhân quan trọng làm giảm vai trò của người dân trong bảo vệ di sản văn hóa vật thể. Phần lớn người dân chưa được trang bị đầy đủ hiểu biết khoa học về bảo tồn di sản. Nhiều người chưa nắm rõ các nguyên tắc giữ gìn nguyên trạng và trùng tu di tích. Việc bảo tồn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm truyền thống hoặc cảm tính. Điều này dễ dẫn đến những can thiệp không phù hợp vào di sản. Người dân cũng thiếu kỹ năng tham gia giám sát và phản biện các hoạt động bảo tồn. Khả năng phối hợp với cơ quan chuyên môn còn hạn chế. Năng lực tổ chức các hoạt động bảo tồn tại cộng đồng chưa cao. Thêm vào đó, đời sống kinh tế của người dân ở nhiều địa phương hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, qua đó ảnh hưởng tiêu cực đến việc phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Khi thu nhập và điều kiện sinh hoạt chưa được bảo đảm, người dân buộc phải ưu tiên nhu cầu mưu sinh trước mắt. Việc tham gia bảo tồn di sản vì thế chưa được đặt ở vị trí quan trọng. Trong một số trường hợp, di sản bị khai thác quá mức nhằm tạo nguồn thu. Áp lực kinh tế khiến người dân chấp nhận những hành vi làm tổn hại đến di tích. Lợi ích lâu dài của bảo tồn chưa đủ sức thuyết phục so với nhu cầu trước mắt. Cộng đồng thiếu điều kiện để đầu tư công sức và nguồn lực cho bảo tồn. Điều này làm giảm tính chủ động và bền vững trong tham gia bảo tồn di sản. Vì vậy, cải thiện đời sống kinh tế của người dân là điều kiện quan trọng để phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể.

Bốn là, quan hệ phối hợp giữa chính quyền, cơ quan quản lý di sản văn hóa vật thể và cộng đồng dân cư hiện nay còn thiếu chặt chẽ. Việc trao đổi thông tin giữa các chủ thể chưa thường xuyên và kịp thời. Cộng đồng dân cư chưa được tham gia đầy đủ vào quá trình xây dựng và thực hiện các kế hoạch bảo tồn di sản. Sự phân công trách nhiệm giữa các bên còn chưa rõ ràng. Điều này dẫn đến tình trạng chòng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ trong quản lý di sản. Người dân nhiều khi chỉ đóng vai trò thụ động trong quá trình bảo tồn. Sự thiếu gắn kết làm giảm hiệu quả quản lý và bảo vệ di sản.

Năm là, quá trình đô thị hóa nhanh và sự phát triển của kinh tế thị trường hiện nay đã tác động tiêu cực đến việc phát huy vai trò chủ thể của người dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Không gian di sản bị thu hẹp do mở rộng đô thị và xây dựng hạ tầng. Nhiều công trình di sản bị bao quanh hoặc biến đổi cảnh quan vốn có. Áp lực phát triển kinh tế làm gia tăng xu hướng thương mại hóa di sản. Người dân dễ đặt lợi ích kinh tế trước mắt lên trên yêu cầu bảo tồn lâu dài. Lối sống truyền thống gắn với di sản dần bị thay đổi. Sự gắn bó của cộng đồng với di sản vì thế bị suy giảm. Điều này làm hạn chế vai trò chủ thể của người dân trong bảo tồn di sản

3.2.3. Nguyên nhân của những thành tựu về phát huy vai trò của nhà nước trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Một là, sự lãnh đạo sát sao của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Sự lãnh đạo sát sao của Đảng đối với Nhà nước trong công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể là nhân tố quan trọng tạo nên những kết quả tích cực trong thời gian qua. Đảng đã xác định rõ bảo tồn di sản văn hóa là nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đã định hướng cho Nhà nước ban hành chính sách và pháp luật phù hợp. Nhờ đó, công tác bảo tồn di sản được triển khai thống nhất và có trọng tâm. Sự chỉ đạo xuyên suốt của Đảng giúp Nhà nước giữ vững định hướng bảo tồn gắn với phát triển bền vững. Vai trò quản lý nhà nước đối với di sản vì thế

được tăng cường. Các cấp chính quyền chủ động hơn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo tồn. Nhiều nguồn lực được ưu tiên bố trí cho công tác này. Điều đó góp phần nâng cao hiệu quả bảo tồn di sản văn hóa vật thể.

Hai là, việc ban hành Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành đã xác lập rõ vai trò, trách nhiệm và thẩm quyền của Nhà nước trong bảo tồn di sản. Khung pháp lý ngày càng hoàn thiện giúp công tác bảo tồn di sản được thực hiện thống nhất, có căn cứ khoa học và pháp lý. Vai trò điều phối của cơ quan quản lý nhà nước được phát huy rõ nét. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành và chính quyền Viên Chăn trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể từng bước được tăng cường. Việc phân cấp quản lý di sản được thực hiện theo hướng rõ ràng hơn. Nhà nước đã phân cấp trách nhiệm cụ thể giữa Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch với chính quyền thủ đô Viên Chăn, giúp việc ứng phó với các sự cố di tích trở nên nhanh chóng hơn. Điều này góp phần vai trò chủ thể của nhà nước trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể được bảo đảm.

Ba là, ngân sách nhà nước cho công tác bảo tồn, trùng tu và tôn tạo di sản văn hóa vật thể ngày càng tăng. Nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước được ưu tiên cho các di tích có giá trị lịch sử, văn hóa đặc biệt. Cùng với đó, Nhà nước đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động bảo tồn di sản. Công tác hỗ trợ kỹ thuật và chuyên môn cho trùng tu di tích cũng được tăng cường. Nhiều dự án bảo tồn được triển khai bài bản và có quy mô lớn. Nhờ nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nhiều di tích xuống cấp đã được bảo vệ kịp thời. Một số di tích quan trọng được phục hồi, tôn tạo đúng quy chuẩn. Điều này góp phần gìn giữ các giá trị gốc của di sản. Các công trình như That Luang, Wat Si Saket luôn nhận được sự ưu tiên cao nhất trong kế hoạch ngân sách quốc gia và các chương trình mục tiêu về văn hóa. Hiệu quả bảo tồn di sản vì thế ngày càng được nâng cao. Sự đầu tư của Nhà nước tạo nền tảng quan trọng cho bảo tồn di sản văn hóa vật thể một cách bền vững.

Bốn là, Nhà nước đã thành công trong việc biến di tích thành "tài sản kinh tế" thông qua ngành du lịch không khói. Chiến lược "Di sản là điểm nhấn": Chính quyền Viêng Chăn đã quy hoạch các khu di tích trở thành những trung tâm du lịch văn hóa, tạo ra doanh thu để tái đầu tư vào công tác tôn tạo. Quảng bá hình ảnh: Nhà nước đầu tư mạnh vào việc truyền thông, quảng bá vẻ đẹp của kiến trúc thủ đô ra thế giới, từ đó nâng cao giá trị của di tích và thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia đóng góp bảo tồn. Công tác quản lý di sản văn hóa vật thể của chính quyền Viêng Chăn ngày càng được coi trọng. Chính quyền đã triển khai các dự án kiểm kê, phân loại và xếp hạng di tích trên toàn thủ đô. Việc hiểu rõ mình "đang có gì" và "tình trạng ra sao" giúp chính quyền chủ động hơn trong việc đưa ra các quyết định trùng tu khẩn cấp hoặc dài hạn. Công tác tuyên truyền, giáo dục do chính quyền chủ trì đã góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội, tạo sự đồng thuận và ủng hộ rộng rãi đối với công tác bảo tồn di sản.

Năm là, Nhà nước Lào và chính quyền thủ đô Viêng Chăn đã chủ động tham gia và thực hiện nghiêm túc các công ước quốc tế về bảo tồn di sản văn hóa, đặc biệt là các công ước của UNESCO. Thông qua quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam có điều kiện tiếp thu kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Các phương pháp khoa học và chuẩn mực quốc tế trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể từng bước được vận dụng phù hợp với điều kiện trong nước. Hoạt động hợp tác quốc tế tạo cơ hội trao đổi chuyên gia và tri thức chuyên sâu. Nhờ đó, năng lực quản lý và bảo tồn di sản được nâng cao rõ rệt. Việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế góp phần bảo đảm tính bền vững của di sản.

3.2.4. Nguyên nhân của những hạn chế về phát huy vai trò nhà nước trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Một là, ở một số cấp, ngành, nhận thức và tư duy quản lý đối với di sản văn hóa vật thể vẫn còn mang nặng tính hành chính. Công tác bảo tồn chủ yếu được tiếp cận như nhiệm vụ quản lý nhà nước thuần túy, chú trọng đến thủ tục

và quy định hơn là giá trị sống của di sản. Việc bảo tồn nhiều khi dừng lại ở mục tiêu gìn giữ hiện trạng, chưa đặt trong mối quan hệ hữu cơ với phát huy giá trị di sản. Cách tiếp cận này làm cho di sản bị tách rời khỏi đời sống kinh tế - xã hội. Vai trò của di sản trong phát triển bền vững chưa được nhìn nhận đầy đủ. Sự gắn kết giữa bảo tồn với giáo dục, du lịch và phát triển kinh tế còn mờ nhạt. Điều này hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội cho bảo tồn di sản. Đồng thời, tính bền vững trong phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể chưa được bảo đảm.

Hai là, trong thực tiễn, hoạt động bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở nhiều nơi mới chỉ dừng lại ở mục tiêu gìn giữ nguyên trạng. Di sản thường được nhìn nhận như đối tượng cần bảo vệ, hơn là nguồn lực có thể phát huy giá trị. Việc bảo tồn chưa được đặt trong mối quan hệ gắn bó, hữu cơ với quá trình khai thác và sử dụng hợp lý di sản. Cách tiếp cận này khiến di sản tồn tại tách rời khỏi đời sống kinh tế - xã hội đương đại. Chính quyền chưa phát huy tốt vai trò trong kêu gọi sự tham gia của cộng đồng cư dân và các doanh nghiệp. Khiến cho giá trị lịch sử, văn hóa và kinh tế của di sản văn hóa vật thể chưa được chuyển hóa hiệu quả. Vai trò của di sản trong thúc đẩy phát triển bền vững vì thế chưa được nhận thức đầy đủ.

Ba là, nguồn lực đầu tư của Nhà nước và chính quyền thủ đô Viêng Chăn dành cho công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định. Mức kinh phí bố trí cho bảo tồn nhìn chung chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Việc phân bổ nguồn lực giữa các công trình di sản còn thiếu cân đối. Nhiều di sản chưa được ưu tiên đầu tư tương xứng. Kinh phí bảo tồn ở những khu vực này thường mang tính dàn trải, chưa tập trung. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bảo vệ, trùng tu và tôn tạo di sản. Một số di sản có nguy cơ xuống cấp nhưng chưa được can thiệp kịp thời. Sự hạn chế về nguồn lực cũng làm giảm khả năng áp dụng các giải pháp bảo tồn khoa học, hiện đại.

Bốn là, ở một số địa phương trong thủ đô Viêng Chăn, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý di sản văn hóa vật thể vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Trình độ chuyên môn về bảo tồn, trùng tu và quản lý di sản còn hạn chế. Nhiều cán bộ chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu theo các lĩnh vực đặc thù của di sản. Vẫn còn tình trạng thiếu hiểu biết về vật liệu và kỹ thuật truyền thống. Kinh nghiệm thực tiễn trong xử lý các vấn đề phát sinh còn thiếu. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Một số quyết định quản lý chưa bảo đảm tính khoa học và phù hợp với giá trị di sản. Khả năng tiếp cận các phương pháp và chuẩn mực bảo tồn hiện đại còn hạn chế.

Năm là, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với cộng đồng dân cư và các chủ thể xã hội trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể vẫn còn nhiều bất cập. Sự phân công trách nhiệm giữa các bên chưa thực sự rõ ràng. Việc trao đổi thông tin và tham vấn ý kiến cộng đồng còn mang tính hình thức. Nhiều hoạt động bảo tồn chưa phát huy được vai trò và sự tham gia chủ động của người dân. Sự liên kết với các tổ chức xã hội và doanh nghiệp còn lỏng lẻo. Điều này làm giảm hiệu quả huy động nguồn lực xã hội cho bảo tồn di sản. Một số quyết định quản lý chưa phản ánh đầy đủ lợi ích và nguyện vọng của cộng đồng. Tính đồng thuận xã hội trong bảo tồn di sản vì thế chưa cao. Qua đó, hiệu quả chung của công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể bị ảnh hưởng.

Tiểu kết chương 3

Luận án đã phân tích, luận giải và làm rõ thực trạng các chủ thể trong bảo tồn về DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn với những nội dung cụ thể: Làm rõ nội dung thực trạng vai trò của các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn; thực trạng vai trò cộng đồng dân cư, hạn chế, nguyên nhân của thành tựu, nguyên nhân của hạn chế trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn; thực trạng vai trò nhà quản lý, hạn chế, nguyên nhân của thành tựu, nguyên nhân của hạn chế trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn; thực

trạng vai trò các doanh nhân, hạn chế, nguyên nhân của thành tựu, nguyên nhân của hạn chế trong bảo tồn di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn; thực trạng vai trò nghiên cứu khoa học, hạn chế, nguyên nhân của thành tựu, nguyên nhân của hạn chế trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn. Đánh giá được thực trạng vai trò của các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn trên cơ sở phân tích 4 nội dung bảo tồn DSVHVT, luận án chỉ ra những kết quả và hạn chế trong về trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng, đó là nhận thức, thể chế, cơ chế, pháp luật về DSVHVT vẫn còn chông chéo, chưa phù hợp hoặc thiếu văn bản hướng dẫn; thiếu quy hoạch theo hướng liên kết các địa phương trong vùng, các vùng có DSVHVT; đội ngũ công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực di sản vừa thiếu, vừa yếu về chuyên môn; kết quả quản lý, sử dụng, huy động các nguồn lực xã hội chưa hiệu quả; nghiên cứu khoa học còn hạn chế; thanh tra, kiểm tra, giám sát các DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn chưa hiệu quả.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊN CHĂN TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. QUAN ĐIỂM PHÁT HUY VAI TRÒ CÁC CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊN CHĂN

4.1.1. Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viên Chăn

Bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viên Chăn chỉ có thể đạt hiệu quả bền vững khi bảo đảm được sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia vào quá trình bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, di sản văn hóa không chỉ mang giá trị lịch sử, văn hóa và tinh thần mà còn trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, du lịch và xây dựng hình ảnh đô thị. Vì vậy, quá trình bảo tồn luôn liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau như Nhà nước (chính quyền trung ương và chính quyền địa phương), Nhân dân (cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, đội ngũ chuyên gia và khách tham quan). Mỗi chủ thể có vai trò, trách nhiệm và mục tiêu khác nhau, do đó nếu không có cơ chế điều phối hợp lý rất dễ phát sinh mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo vệ di sản với nhu cầu khai thác, giữa lợi ích cộng đồng với lợi ích kinh tế trước mắt hoặc giữa phát triển đô thị với giữ gìn giá trị truyền thống.

Bảo đảm hài hòa lợi ích đòi hỏi Nhà nước giữ vai trò định hướng và điều tiết thông qua hệ thống chính sách, quy hoạch và cơ chế quản lý phù hợp nhằm cân bằng giữa mục tiêu bảo tồn lâu dài với yêu cầu phát triển. Cộng đồng dân cư - với tư cách là chủ thể trực tiếp gắn bó với di sản - cần được bảo đảm quyền tham gia vào quá trình ra quyết định, quản lý, giám sát và thụ

hưởng thành quả từ hoạt động bảo tồn. Đồng thời, các doanh nghiệp và nhà đầu tư cần được tạo điều kiện khai thác hợp lý giá trị di sản thông qua phát triển du lịch văn hóa và các dịch vụ liên quan nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc bảo vệ tính nguyên gốc và tính bền vững của di sản. Việc phân phối lợi ích cần được thực hiện công bằng, minh bạch và hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng địa phương.

Mặt khác, bảo đảm hài hòa lợi ích không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là yêu cầu văn hóa và xã hội. Khi các chủ thể nhận thức được rằng việc bảo tồn di sản vừa góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc, vừa tạo ra cơ hội phát triển lâu dài thì sẽ hình thành động lực tham gia tích cực và trách nhiệm chung đối với di sản. Điều đó góp phần xây dựng sự đồng thuận xã hội, huy động hiệu quả các nguồn lực và nâng cao chất lượng công tác bảo tồn. Đối với thủ đô Viêng Chăn, thực hiện tốt quan điểm này sẽ tạo nền tảng để di sản văn hóa vật thể vừa được bảo vệ bền vững, vừa trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế và bản sắc văn hóa của Thủ đô trong tiến trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

4.1.2. Phát huy vai trò các chủ thể trong trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn phải gắn với chiến lược phát triển bền vững của thủ đô Viêng Chăn

Phát huy vai trò của các chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn cần được đặt trong định hướng phát triển bền vững nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa mục tiêu bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Với vị thế là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn không chỉ tập trung các nguồn lực phát triển mà còn là nơi lưu giữ hệ thống di sản văn hóa vật thể có giá trị đặc sắc về lịch sử, kiến trúc, tôn giáo và nghệ thuật, phản ánh bản sắc văn hóa của dân tộc Lào và đặc trưng văn

hóa của Thủ đô. Trong điều kiện đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, sự mở rộng không gian đô thị, nhu cầu phát triển hạ tầng và khai thác các nguồn lực kinh tế đang tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với công tác bảo tồn di sản. Do đó, việc phát huy vai trò của các chủ thể không thể chỉ dừng lại ở hoạt động bảo vệ đơn thuần mà cần hướng tới mục tiêu bảo đảm cho di sản tiếp tục tồn tại, phát huy giá trị và đóng góp vào sự phát triển lâu dài của thủ đô.

Quan điểm này đòi hỏi phải huy động sự tham gia đồng bộ của Nhà nước, chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, đội ngũ chuyên gia và các thiết chế văn hóa trong toàn bộ quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nhà nước giữ vai trò định hướng, xây dựng thể chế và điều phối các nguồn lực; cộng đồng dân cư là chủ thể trực tiếp tham gia bảo vệ, gìn giữ và truyền thừa các giá trị văn hóa; doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế tham gia đầu tư và khai thác giá trị di sản theo hướng bền vững. Việc phát huy vai trò của các chủ thể cần dựa trên nguyên tắc phối hợp trách nhiệm, chia sẻ lợi ích và bảo đảm sự cân bằng giữa khai thác với bảo vệ, giữa lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài.

4.1.3. Phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viên Chăn phải trên cơ sở bảo đảm tính kế thừa và phát triển

Phát huy vai trò chủ thể trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viên Chăn cần được thực hiện trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất giữa tính kế thừa và tính phát triển nhằm duy trì giá trị bền vững của di sản trong điều kiện xã hội không ngừng biến đổi. Di sản văn hóa vật thể là kết quả của quá trình sáng tạo lịch sử lâu dài, phản ánh đời sống vật chất, tinh thần, trình độ thẩm mỹ và bản sắc văn hóa của dân tộc Lào qua các thời kỳ. Vì vậy, bảo tồn di sản không chỉ là giữ lại nguyên trạng các công trình, hiện vật hay không gian văn hóa mà còn là quá trình duy trì, chuyển giao và tiếp tục làm giàu các giá trị văn hóa trong đời sống đương đại. Trong quá trình đó, các chủ thể tham gia bảo tồn giữ vai trò quyết định đối với việc nhận

diện giá trị, lựa chọn phương thức bảo tồn và tổ chức phát huy hiệu quả các giá trị của di sản.

Quan điểm bảo đảm tính kế thừa và phát triển đòi hỏi việc phát huy vai trò chủ thể phải xuất phát từ yêu cầu tôn trọng lịch sử, bảo vệ tính nguyên gốc, tính xác thực và giá trị cốt lõi của di sản. Nhà nước và chính quyền địa phương cần xây dựng cơ chế quản lý và chính sách bảo tồn phù hợp nhằm duy trì các yếu tố cấu thành giá trị lịch sử - văn hóa của di sản. Cộng đồng dân cư với tư cách là chủ thể trực tiếp gắn bó với di sản cần được tạo điều kiện tham gia vào quá trình bảo vệ, truyền dạy và lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống. Đội ngũ chuyên gia và các thiết chế văn hóa cần phát huy vai trò nghiên cứu, tư vấn và ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm nâng cao chất lượng bảo tồn.

Tuy nhiên, kế thừa không đồng nghĩa với bảo thủ hoặc giữ nguyên hiện trạng một cách tuyệt đối. Trong điều kiện phát triển hiện nay, bảo tồn di sản cần được đặt trong yêu cầu phát triển để các giá trị văn hóa tiếp tục thích ứng với đời sống hiện đại và đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc phát huy vai trò của các chủ thể cần hướng tới khai thác hợp lý giá trị di sản phục vụ giáo dục, du lịch văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa và xây dựng hình ảnh thủ đô Viêng Chăn mà không làm mất đi bản chất và ý nghĩa lịch sử của di sản. Đồng thời, cần tăng cường giáo dục ý thức kế thừa giữa các thế hệ, xây dựng trách nhiệm xã hội đối với bảo tồn và tạo điều kiện để thế hệ trẻ tham gia vào quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản.

Thực hiện tốt quan điểm này sẽ góp phần tạo nên sự kết nối giữa quá khứ với hiện tại và tương lai, bảo đảm cho di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn không chỉ được lưu giữ như những dấu tích lịch sử mà còn tiếp tục trở thành nguồn lực văn hóa quan trọng, đóng góp vào sự phát triển bền vững của thủ đô và đất nước Lào trong giai đoạn mới.

4.2. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ TRONG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ Ở THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN

4.2.1. Nhóm giải pháp về phát huy vai trò nhân dân trong bảo tồn di sản văn hsoa vật thể ở thủ đô viêng Chăn

4.2.1.1. *Nâng cao nhận thức của nhân dân về tầm quan trọng của bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn*

Thứ nhất, công tác tuyên truyền và giáo dục di sản cần được xác định là khâu mở đầu có ý nghĩa quyết định nhằm chuyển biến nhận thức của cộng đồng từ trạng thái sống cạnh di sản sang thấu hiểu và trân trọng di sản. Trọng tâm của nội dung này là tổ chức các chiến dịch truyền thông gần gũi, dễ tiếp cận, phù hợp với đời sống xã hội ở Viêng Chăn. Có thể triển khai chương trình Di sản trong tay ta bằng cách tận dụng hệ thống loa phát thanh bản, kết hợp với các nền tảng mạng xã hội phổ biến tại Lào như Facebook và WhatsApp để chia sẻ những câu chuyện lịch sử về các ngôi chùa cổ, các công trình kiến trúc thời Pháp và các biểu tượng văn hóa tiêu biểu của thủ đô. Song song với đó, giáo dục học đường cần được chú trọng thông qua việc phối hợp với các trường học địa phương tổ chức tham quan thực tế tại những di tích nổi bật như Pha That Luang hay Wat Si Saket, đồng thời đưa nội dung bảo tồn vào hoạt động ngoại khóa nhằm hình thành ý thức sớm cho học sinh. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của các vị sư sãi, bởi trong văn hóa Lào, tiếng nói và uy tín của nhà sư có sức thuyết phục lớn đối với cộng đồng. Việc lồng ghép thông điệp bảo vệ di tích chùa chiền trong các nghi lễ buộc chỉ cổ tay hoặc lễ hội Bun sẽ tạo ra hiệu quả tuyên truyền tự nhiên, bền vững và giàu sức lan tỏa.

Thứ hai, đào tạo kỹ năng bảo tồn thực hành là điều kiện quan trọng để cộng đồng không chỉ hiểu di sản mà còn có khả năng tham gia trực tiếp vào quá trình gìn giữ di sản. Nhận thức đúng là nền tảng, nhưng nếu thiếu kỹ năng, người dân khó trở thành lực lượng bảo tồn chủ động và hiệu quả. Do đó, cần mở các lớp tập huấn kỹ thuật tu bổ truyền thống, hướng dẫn người

dân cách bảo quản các vật liệu đặc thù như gỗ, gạch nung, cũng như các kỹ thuật nghệ thuật khảm gương, sơn son thếp vàng nhằm tránh làm biến dạng di sản trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng. Bên cạnh đó, cần đào tạo kỹ năng quản lý du lịch cộng đồng, giúp người dân địa phương trở thành những người kể chuyện văn hóa, vừa góp phần nâng cao trải nghiệm của du khách, vừa làm tăng giá trị của di tích bằng những câu chuyện gắn với ký ức và đời sống bản địa. Đồng thời, việc bồi dưỡng kỹ năng giám sát và phản biện cũng rất cần thiết, nhằm giúp người dân nhận diện các tác động tiêu cực do môi trường và hoạt động của con người gây ra đối với di tích, từ đó kịp thời phản ánh với cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý phù hợp.

Thứ ba, xây dựng không gian văn hóa cộng đồng là giải pháp nhằm gắn di sản với nhịp sống thường nhật và tạo ra các điểm kết nối văn hóa ngay trong môi trường cư trú của người dân. Khi di sản trở thành một phần của đời sống sinh hoạt hàng ngày, ý thức bảo vệ sẽ hình thành bền vững hơn và không bị lệ thuộc vào những đợt vận động ngắn hạn. Có thể thiết lập các bảng thông tin di sản tại các trung tâm sinh hoạt bản như Simoong để cung cấp tri thức cơ bản, giúp cộng đồng hiểu rõ nguồn gốc và ý nghĩa của các di tích. Đồng thời, nên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về kiến trúc truyền thống Viêng Chăn, qua đó tạo sân chơi giáo dục, khơi dậy niềm tự hào địa phương và khuyến khích các hộ gia đình giữ gìn các hiện vật cổ được truyền lại trong dòng họ, xem đó như một phần của ký ức cộng đồng và bản sắc văn hóa.

Thứ tư, cơ chế khuyến khích và tôn vinh là động lực quan trọng để duy trì sự tham gia lâu dài của cộng đồng trong công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Trong thực tiễn, nếu đóng góp của người dân không được ghi nhận kịp thời và xứng đáng, phong trào bảo tồn dễ suy giảm hoặc mang tính hình thức. Vì vậy, cần xây dựng các hình thức tôn vinh cụ thể như giải thưởng Người giữ lửa di sản nhằm vinh danh các cá nhân, hộ gia đình có đóng góp nổi bật trong việc giữ gìn nhà cổ hoặc bảo vệ cảnh quan di tích. Cùng với đó,

có thể triển khai các chính sách hỗ trợ thiết thực như ưu tiên học bổng hoặc các khóa đào tạo nghề cho con em những gia đình tích cực tham gia bảo tồn, từ đó tạo sự gắn bó lợi ích giữa trách nhiệm gìn giữ di sản với sự phát triển bền vững của cộng đồng. Khi cơ chế khuyến khích được thiết kế hợp lý, cộng đồng sẽ có thêm niềm tin, động lực và trách nhiệm để đồng hành cùng nhà nước trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị di sản tại Viên Chăn.

Nâng cao nhận thức và giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là với thế hệ trẻ. Đối với DSVHVT truyền thống, không nên chỉ dừng lại ở việc “bảo vệ, giữ gìn” mà coi trọng hơn việc phát huy giá trị thực tế của các di sản văn hóa vật thể trong phát triển kinh tế, như tinh thần Nghị quyết Đại hội XI chỉ đạo: “Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, được thúc đẩy bằng chính sách rõ ràng và có kế hoạch chính thức cũng như để cải thiện sự phát triển của trí tuệ thực tế cũng như nâng cao sự phát triển trí tuệ thực tiễn điều quan trọng trong vòng tròn phúc lợi xã hội trở thành hoạt động đổi mới trong lĩnh vực văn học nhằm nâng cao sản phẩm văn hóa đa dạng về kiểu dáng, màu sắc không chỉ bảo vệ giá trị văn hóa dân tộc phổ biến, phát triển không ngừng nhưng cũng tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển sản phẩm ngành du lịch”.

4.2.1.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật tạo điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viên Chăn

Để cộng đồng thực sự trở thành cánh tay nối dài của Nhà nước trong việc bảo tồn di sản tại Viên Chăn, việc hoàn thiện khung pháp lý và chính sách hỗ trợ là điều kiện tiên quyết. Các quy định cần được chuyển hóa từ "mệnh lệnh hành chính" sang "cơ chế đồng thuận".

Thứ nhất, cần luật hóa rõ vai trò và quyền lợi của cộng đồng trong bảo tồn di sản văn hóa, coi đây là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm sự tham gia của nhân dân diễn ra thực chất, có trách nhiệm và có hiệu lực. Theo hướng

này, cần bổ sung các quy định cụ thể về sự tham gia của cộng đồng vào hệ thống văn bản pháp luật về di sản của Lào, đặc biệt là Luật Di sản văn hóa, nhằm khẳng định cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể đồng hành trong bảo vệ di sản. Trên cơ sở đó, cần phân cấp quyền quản lý phù hợp, quy định rõ quyền hạn của cấp chính quyền cơ sở ở bản và đại diện cộng đồng trong việc tham gia ra quyết định đối với các dự án tu bổ di sản tại địa phương. Đồng thời, cần xây dựng quy chế tham vấn cộng đồng theo hướng bắt buộc phải có bước lấy ý kiến người dân địa phương và các chức sắc tôn giáo trước khi phê duyệt bất kỳ dự án xây dựng hoặc quy hoạch nào có khả năng tác động đến vùng lõi và vùng đệm của di sản. Cách tiếp cận này không chỉ nâng cao tính dân chủ, minh bạch, mà còn hạn chế nguy cơ xung đột lợi ích, bảo đảm mọi quyết định can thiệp vào di sản đều phù hợp thực tiễn và có sự đồng thuận xã hội.

Thứ hai, cần xây dựng chính sách kinh tế và cơ chế chia sẻ lợi ích nhằm tạo động lực bền vững cho cộng đồng trong công tác bảo tồn. Bảo tồn di sản không thể tách rời vấn đề sinh kế, bởi nếu người dân sống trong khu vực di sản bị thiệt thòi do các quy định bảo tồn, họ khó có thể tích cực tham gia và đồng hành lâu dài. Vì vậy, chính sách cần bảo đảm nguyên tắc người dân trong vùng di sản có đời sống tốt hơn hoặc ít nhất không bị bất lợi vì yêu cầu bảo vệ di sản. Một giải pháp thiết thực là thiết lập cơ chế tài chính trực tiếp, trích một tỷ lệ phần trăm cố định từ nguồn thu vé tham quan tại các điểm di tích như That Luang hoặc Wat Si Muang để đưa vào quỹ phát triển của bản, qua đó sử dụng nguồn lực này để đầu tư hạ tầng thiết yếu như đường sá, chiếu sáng, vệ sinh môi trường và các hoạt động an sinh xã hội phục vụ chính người dân địa phương. Cùng với đó, cần triển khai các ưu đãi về thuế và tín dụng, chẳng hạn giảm thuế đất hoặc cung cấp các khoản vay lãi suất thấp cho các hộ gia đình cam kết giữ gìn kiến trúc nhà cổ, hoặc phát triển các mô hình kinh doanh văn hóa truyền thống gắn với di sản. Khi lợi ích của người dân

được bảo đảm, cộng đồng sẽ có thêm động lực và trách nhiệm trong việc giữ gìn di sản như một nguồn lực phát triển của chính mình.

Thứ ba, cần hoàn thiện quy hoạch và quy chế quản lý đặc thù đối với đô thị di sản, phù hợp với đặc điểm phát triển của Viêng Chăn và yêu cầu bảo vệ không gian văn hóa truyền thống. Trên thực tế, bảo tồn di sản ở đô thị không chỉ là giữ nguyên các công trình kiến trúc, mà còn là bảo vệ cảnh quan tổng thể và cấu trúc không gian văn hóa xung quanh di tích. Do đó, Viêng Chăn cần thiết lập vùng bảo tồn đặc biệt, trong đó ban hành các quy chuẩn riêng về chiều cao tầng, màu sắc, vật liệu xây dựng và hình thức kiến trúc đối với các khu dân cư quanh khu di tích. Đặc biệt, các quy định này cần được soạn thảo theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện để người dân thuận lợi tuân thủ, tránh tình trạng quy định phức tạp nhưng thiếu hiệu quả trong thực tiễn. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế quyền phát triển để bảo đảm công bằng cho người dân, bởi với những hộ dân không được xây cao tầng nhằm bảo vệ cảnh quan di sản, chính sách cần có sự đền bù phù hợp hoặc hỗ trợ chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở khu vực khác tương đương. Điều này giúp cân bằng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, tránh phát sinh tâm lý bức xúc hoặc phản ứng tiêu cực đối với hoạt động bảo tồn.

Thứ tư, cần thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành giữa nhà nước, chùa và cộng đồng dân cư nhằm tạo ra mô hình quản trị di sản đồng bộ, gắn kết và hiệu quả. Ở Lào, di sản vật thể như chùa chiền luôn gắn liền với di sản phi vật thể như lễ hội, nghi lễ và phong tục cộng đồng, vì vậy chính sách bảo tồn phải tính đến vai trò đặc biệt của Giáo hội Phật giáo Lào và các chức sắc tôn giáo. Một giải pháp phù hợp là xây dựng liên minh bảo tồn, trong đó hình thành quy chế phối hợp giữa Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch với Liên minh Phật giáo Lào và đại diện bản địa cùng quản lý các di tích tôn giáo, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế giám sát và phương thức xử lý tình huống phát sinh. Đồng thời, cần xây dựng chế độ khen thưởng và chế tài một cách

ng nghiêm minh, vừa thiết lập khung xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi xâm hại di sản, vừa có cơ chế khen thưởng thích đáng cả về vật chất và tinh thần đối với các tập thể, cá nhân có công phát hiện và ngăn chặn hành vi phá hoại. Khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể và có công cụ điều chỉnh phù hợp, công tác bảo tồn di sản ở Viên Chăn sẽ được thực hiện bền vững hơn, hiệu quả hơn và gắn kết sâu hơn với đời sống cộng đồng.

4.2.1.3. Phát huy tính tự quản của cộng đồng dân cư trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viên Chăn

Việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT có thể đạt được kết quả một cách toàn diện khi có sự tham gia không chỉ của các cấp, ban, ngành liên quan, mà cần có sự tham gia của cả cộng đồng, của toàn dân vì thế hệ hôm nay và mai sau.

Một trong những vấn đề được quan tâm là làm thế nào huy động sự tham gia của toàn dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT của thủ đô Viên Chăn, tiếp tục đổi mới pháp luật, thể chế nhằm phát huy hơn nữa sáng kiến và tinh thần làm chủ của nhân dân trong việc quản lý xã hội và cộng đồng. Đây là giải pháp có hiệu quả thu hút sự tham gia của người dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra” và người dân sẽ hưởng chính thành quả của sự tham gia này. Để sự tham gia của người dân có hiệu quả, cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng phong phú như qua phương tiện thông tin đại chúng, qua các phong trào, các hình thức thi tìm hiểu, các cuộc tọa đàm, trao đổi, v.v... Tạo diễn đàn, cơ hội để người dân chia sẻ, “được bàn” và tăng cường hiệu quả tham gia các điển hình về việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, để người dân được mắt thấy, tai nghe và được thực sự bắt tay vào làm. Chú trọng thu hút sự tham gia của các nhóm cộng đồng, gồm: phụ nữ, thanh niên, nông dân, công nhân, doanh nghiệp và các nhà khoa học v.v...

Một trong các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT cấp quốc gia ở thủ đô Viêng Chăn đem lại hiệu quả tốt nhất là để DSVHVT được bảo tồn trong lòng cộng đồng. Muốn như vậy phải có giải pháp nâng cao vai trò và nhận thức cho cộng đồng và doanh nghiệp, làm cho mỗi con người trong cộng đồng đó có thái độ, hành vi ứng xử, tôn trọng DSVHVT. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao vai trò của cán bộ, đảng viên và nhân dân về văn hóa và DSVHVT, về mối quan hệ biện chứng giữa bảo tồn, phát huy DSVHVT với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở thủ đô Viêng Chăn. Một mặt tuyên truyền, giáo dục đường lối văn hoá, văn nghệ của Đảng NDCM Lào, mặt khác tuyên truyền pháp luật bảo vệ di tích văn hóa vật thể tới quần chúng nhân dân lao động và ý nghĩa, giá trị khoa học của di tích lịch sử và văn hoá. Đây là một công việc thường trực trong mỗi cán bộ làm công tác quản lý di sản, không chỉ thông qua sách vở, báo, đài, truyền hình mà còn cả những đợt công tác ngắn ngày ở các bản làng xa xôi. Chỉ có như vậy, nhân dân mới tự giác tham gia công tác phát hiện, bảo vệ di tích lịch sử, ngăn chặn kịp thời các hành động phá hoại và sự xuống cấp của di sản văn hoá dân tộc. Cần làm cho nhân dân nhận biết giá trị di tích lịch sử văn hoá và tầm quan trọng của việc bảo tồn di tích, từ đó nhân dân sẽ có trách nhiệm giúp đỡ công tác bảo vệ di sản văn hoá dân tộc.

Phát huy vai trò tự quản, tự giác và chủ động của cộng đồng trong công cuộc bảo vệ và phát huy giá trị DSVHVT. Khuyến khích cộng đồng tự nguyện tham gia giữ gìn, phát huy giá trị di sản. Trao quyền cho cộng đồng trong quản lý di tích, danh thắng, tổ chức lễ hội, ...

Xử lý hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa Nhà nước và cộng đồng trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ di sản văn hoá vật thể. Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi từ cả hai phía. Cần đảm bảo các hoạt động kinh tế lâu dài, cung cấp những lợi ích kinh tế và xã hội tới tất cả những người được hưởng lợi từ di sản, từ đó kích thích họ tự nguyện, tự giác bảo vệ di sản, tạo nên chất keo gắn kết cộng đồng với di sản. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy

động các nguồn lực khác nhau trong việc bảo tồn di sản gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

Thúc đẩy tính tự quản của cộng đồng trong việc bảo tồn DSVHVT bao gồm một số nội dung chính sau:

Một là, tiến hành các hội thảo và chương trình tuyên truyền để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của DSVH. Điều này giúp cộng đồng hiểu được giá trị của di sản địa phương và vai trò của họ trong việc bảo tồn di sản đó.

Hai là, thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quá trình ra quyết định liên quan tới việc bảo tồn, gìn giữ hay khai thác DSVH, đảm bảo rằng các nỗ lực bảo tồn mang tính toàn diện và phản ánh ý chí, nguyện vọng, nhu cầu cũng như giá trị của cộng đồng dân cư đối với DSVH trên địa bàn.

Ba là, nhà nước và các tổ chức có liên quan có thể cung cấp hay trực tiếp tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại chỗ để dần trao quyền cho các thành viên cộng đồng tham gia tích cực vào các nỗ lực bảo tồn. Điều này bao gồm việc giúp nâng cao các kỹ năng phục hồi, quản lý và sử dụng bền vững các DSVH.

Bốn là, cơ quan có thẩm quyền cần thiết lập khung pháp lý minh bạch, rõ ràng để hỗ trợ các sáng kiến xuất phát từ cộng đồng trong việc quản lý DSVH của họ.

Bốn là, phát triển các mô hình kinh tế mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương, chẳng hạn như du lịch văn hóa.

Năm là, hợp tác với các chuyên gia, nhà khoa học chẳng hạn như các nhà bảo tồn và sử học, để đảm bảo rằng các phương pháp bảo tồn hợp lý về mặt khoa học và phù hợp về mặt văn hóa.

Sáu là, thực hiện các hệ thống giám sát tình trạng của các DSVHVT và đánh giá hiệu quả của các chiến lược bảo tồn để báo cáo các cấp có thẩm quyền và có các giải pháp kịp thời trong hoạt động bảo tồn di sản.

Hiện nay phát triển dựa vào cộng đồng đang là một xu thế của thế giới và là một trong các giải pháp hữu hiệu để khai thác bền vững di sản. Các công

ước của UNESCO cũng luôn đề cao vai trò của cộng đồng - những chủ thể đóng vai trò quan trọng trong việc sáng tạo, duy trì và trao truyền DSVH.

Đối với việc bảo vệ bất cứ một loại hình di sản nào, nghệ nhân đóng một vai trò hết sức quan trọng. Bởi vậy, bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT cũng có nghĩa là “bảo vệ”, quan tâm, chăm lo tới đời sống của đội ngũ nghệ nhân trong cộng đồng. Để “bảo vệ” những báu vật nhân văn sống, ngoài việc thừa nhận những tài năng, Nhà nước và cộng đồng cần tôn vinh và tạo mọi điều kiện tốt nhất về vật chất và tinh thần để họ có thể phát huy mọi khả năng trong việc bảo tồn các DSVHVT truyền thống. Và quan trọng hơn là để họ có ý thức trao truyền những giá trị vô giá kết tinh trong DSVHVT truyền thống của dân tộc cho thế hệ tương lai.

Để tập hợp sức mạnh của người dân, rất cần sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đoàn thể quần chúng với sự hỗ trợ, phối hợp của chính quyền các cấp, các ngành. Bên cạnh đó, cần cụ thể hóa “việc cần tham gia” bằng các chương trình, hoạt động cụ thể lồng ghép, gắn chặt với chiến lược, chương trình hành động của mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi địa phương, mỗi vùng dựa trên những lĩnh vực cần ưu tiên trong việc bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH lâu đời của thủ đô Viêng Chăn.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, việc vận động, tuyên truyền để nâng cao ý thức tự giác của người dân cần gắn với cuộc vận động xã hội hóa công tác bảo tồn. Chỉ khi người dân có ý thức trong việc bảo tồn DSVHVT thì mọi khó khăn đều có thể được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả. Người dân sẽ không tiếc công sức, thời gian, tiền bạc để phục vụ cho các hoạt động bảo tồn. Tuyên truyền, vận động cần phải làm một cách đồng bộ với nhiều phương thức khác nhau. Bên cạnh đa dạng hóa các chương trình tuyên truyền, cần đưa vào nội dung chương trình những thông tin cụ thể, sát thực và gần gũi với đời sống sinh hoạt của người dân nhằm mang lại hiệu quả cao.

Đào tạo và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở, nhằm hạn chế tình trạng: “Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ văn hóa chưa đáp

ứng được nhu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới”; “khắc phục về cơ bản sự thiếu hụt đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa”. Ở nhiều địa phương, cán bộ văn hóa cấp xã, phường là những người gần gũi với dân, nắm bắt mọi diễn biến của đời sống văn hóa cơ sở, do đó, hơn ai hết, họ là người có thể làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức tự giác của người dân trên địa bàn quản lý của mình. Do gắn bó chặt chẽ với dân, nên chính họ là người có thể kịp thời phát hiện sớm nhất những sai phạm hay những biến động bất thường trên địa bàn. Họ cũng là người có thể tham phản biện các dự án bảo tồn văn hóa địa phương một cách cụ thể và sát thực nhất.

4.2.1.4. Tăng cường giám sát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về di sản trong cộng đồng

Di sản văn hóa vật thể ở Viêng Chăn, từ That Luông đến các đường phố cổ, là tài sản quý giá của dân tộc Lào, gắn liền với lịch sử, văn hóa và bản sắc dân tộc. Tuy nhiên, trong quá trình đô thị hóa và hội nhập quốc tế, các hành vi vi phạm pháp luật về di sản như buôn bán đồ cổ, phá hoại công trình di tích, làm giả di sản đang ngày càng gia tăng, đe dọa sự tồn tại của những di sản này. Theo báo cáo của cơ quan quản lý di sản văn hóa Lào, tình trạng buôn bán đồ cổ trái phép tại Viêng Chăn đã tăng 30% trong 5 năm qua, với hàng trăm hiện vật lịch sử bị xuất khẩu trái phép ra nước ngoài mỗi năm.

Hành vi vi phạm pháp luật về di sản không chỉ gây thiệt hại vật chất cho các công trình di tích mà còn làm mất đi giá trị lịch sử, văn hóa không thể tái sinh của dân tộc. Hơn nữa, tình trạng này cũng làm giảm uy tín của pháp luật về di sản, khiến cộng đồng không còn tin tưởng vào khả năng bảo vệ di sản của nhà nước. Do đó, việc tăng cường giám sát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về di sản là yêu cầu cấp thiết và không thể trì hoãn để bảo vệ di sản văn hóa vật thể ở Viêng Chăn.

Tuy chính phủ Lào đã ban hành hệ thống pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa, nhưng việc thực thi pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế. Thứ nhất, nguồn lực giám sát còn hạn chế. Cơ quan quản lý di sản văn hóa tại Viêng

Chăn chỉ có khoảng 50 nhân viên giám sát cho hơn 200 di tích lịch sử trên địa bàn, dẫn đến khả năng phát hiện và xử lý vi phạm rất hạn chế. Thứ hai, quy trình xử lý vi phạm còn phức tạp và chậm trễ. Thời gian xử lý một vụ vi phạm có thể kéo dài đến 6 tháng, khiến các hành vi vi phạm không được xử lý kịp thời. Thứ ba, mức phạt tiền còn thấp so với lợi ích kinh tế mà người vi phạm đạt được từ việc buôn bán đồ cổ. Theo quy định hiện tại, mức phạt tiền tối đa cho hành vi buôn bán đồ cổ trái phép còn thấp, không đủ để ngăn chặn hành vi này. Ngoài ra, sự tham gia của cộng đồng vào công tác giám sát còn rất hạn chế. Nhiều người dân không biết về quy trình báo cáo vi phạm, hoặc sợ bị trả thù khi báo cáo cho cơ quan quản lý. Điều đó làm giảm hiệu quả của công tác giám sát, vì cộng đồng là nguồn thông tin chính giúp phát hiện các hành vi vi phạm tại địa phương.

Để tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào công tác giám sát di sản, chính quyền Viêng Chăn cần xây dựng hệ thống giám sát công cộng. Thứ nhất, cần mở đường dây nóng báo cáo vi phạm di sản, với chi phí gọi miễn phí và bảo mật thông tin người báo cáo, để khuyến khích cộng đồng tham gia báo cáo các hành vi vi phạm. Thứ hai, cần tổ chức các buổi hội thảo, lớp học tập cho cộng đồng về pháp luật bảo tồn di sản và cách báo cáo vi phạm, để nâng cao nhận thức và kỹ năng của cộng đồng trong việc bảo vệ di sản. Thứ ba, cần trao giải thưởng cho những người báo cáo vi phạm có giá trị, để khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng.

4.2.2. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

4.2.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đối với nhà nước và chính quyền các cấp về công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và chính quyền các cấp về công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể là nhân tố có ý nghĩa quyết định trong việc định hướng và nâng cao hiệu quả bảo tồn di sản. Trước hết, sự

lãnh đạo của Đảng bảo đảm công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể được đặt đúng vị trí trong chiến lược phát triển văn hóa và phát triển bền vững đất nước. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng là cơ sở chính trị quan trọng để Nhà nước thể chế hóa thành chính sách, pháp luật và chương trình hành động cụ thể. Đây là định hướng quan trọng để thống nhất nhận thức và hành động trong toàn bộ hệ thống chính trị. Trên cơ sở đó, Nhà nước tiến hành cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu của Đảng thành hệ thống chính sách và pháp luật phù hợp. Các chương trình, kế hoạch hành động về bảo tồn di sản văn hóa vật thể được xây dựng và triển khai đồng bộ. Việc thể chế hóa kịp thời góp phần đưa chủ trương của Đảng vào thực tiễn quản lý di sản. Điều này bảo đảm tính pháp lý và tính khả thi của công tác bảo tồn. Đồng thời, tạo cơ sở để huy động nguồn lực cho bảo tồn di sản. Vai trò quản lý nhà nước được phát huy rõ nét hơn. Qua đó, hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể được nâng cao.

Đảng lãnh đạo việc thống nhất nhận thức và hành động trong toàn bộ hệ thống chính trị đối với bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Đồng thời, thông qua công tác cán bộ, Đảng góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý di sản có bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao. Sự lãnh đạo của Đảng còn thể hiện ở việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về di sản văn hóa. Hoạt động kiểm tra, giám sát giúp bảo đảm các quan điểm, định hướng của Đảng được triển khai đúng mục tiêu và yêu cầu đề ra. Thông qua đó, những biểu hiện lệch lạc trong quản lý di sản được phát hiện kịp thời. Các hạn chế, bất cập trong quá trình bảo tồn di sản cũng được chỉ rõ một cách khách quan. Trên cơ sở kết quả giám sát, các cấp có thẩm quyền tiến hành điều chỉnh chính sách và biện pháp quản lý cho phù hợp. Điều này góp phần ngăn ngừa các sai phạm làm tổn hại đến giá trị di sản. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan. Tính kỷ cương và hiệu lực trong quản lý di sản được tăng cường. Qua đó, công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể đạt hiệu quả cao hơn.

Đảng cũng định hướng việc gắn bảo tồn di sản với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Quan điểm của Đảng nhấn mạnh bảo tồn di sản không tách rời mục tiêu phát triển đất nước. Việc khai thác giá trị di sản cần phục vụ trực tiếp cho sự phát triển bền vững. Di sản văn hóa được xác định là nguồn lực quan trọng của nền kinh tế. Thông qua định hướng này, các hoạt động bảo tồn được gắn với phát triển du lịch và dịch vụ. Qua đó, tạo thêm việc làm và sinh kế cho người dân địa phương. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Sự tham gia của cộng đồng trong bảo tồn di sản được tăng cường. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng góp phần phát huy vai trò của Nhà nước và chính quyền các cấp trong bảo tồn di sản văn hóa vật thể được phát huy đầy đủ và hiệu quả hơn.

4.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách về bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm phát huy nhân dân tham gia giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng các di sản văn hóa vật thể là nội dung quan trọng để khẳng định vai trò chủ thể của cộng đồng trong bảo tồn di sản. Trước hết, cần rà soát toàn diện các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến bảo vệ di sản văn hóa vật thể nhằm phát hiện những khoảng trống, bất cập hoặc quy định chưa phù hợp với thực tiễn. Trên cơ sở đó, sửa đổi và bổ sung các quy định theo hướng làm rõ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân trong việc giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng di sản. Hệ thống pháp luật cần tạo điều kiện để cộng đồng được tham gia trực tiếp vào các hoạt động giám sát, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại di sản. Đồng thời, cần quy định cụ thể các cơ chế khuyến khích, động viên và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân khi tham gia bảo tồn di sản. Việc hoàn thiện pháp luật cũng góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cộng đồng. Qua đó, tăng cường sự gắn bó và trách nhiệm của nhân dân đối với việc giữ gìn nguyên trạng các di sản văn hóa vật thể.

Rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và khả thi trong trùng tu, tôn tạo di sản văn hóa vật thể là yêu cầu cấp thiết trong quản lý nhà nước về di sản. Trước hết, cần tiến hành rà soát toàn diện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến trùng tu, tôn tạo di sản văn hóa vật thể để kịp thời phát hiện những quy định chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp với thực tiễn. Trên cơ sở đó, sửa đổi và bổ sung các quy định theo hướng thống nhất giữa pháp luật về di sản văn hóa với các lĩnh vực có liên quan như xây dựng, quy hoạch, du lịch và đầu tư. Hệ thống pháp luật cần làm rõ nguyên tắc, quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật trong trùng tu, tôn tạo di sản, bảo đảm tuân thủ các giá trị gốc và chuẩn mực khoa học. Đồng thời, tăng cường tính khả thi của các quy định thông qua việc cụ thể hóa trách nhiệm của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện. Việc hoàn thiện pháp luật còn góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động trùng tu, tôn tạo di sản. Qua đó, hạn chế tình trạng tùy tiện, sai lệch làm biến dạng di sản. Đây là cơ sở quan trọng để bảo đảm trùng tu, tôn tạo di sản văn hóa vật thể được thực hiện đúng pháp luật, đồng bộ và bền vững.

Hoàn thiện các quy định pháp luật, chính sách nhằm khai thác giá trị di sản văn hóa vật thể trong phát triển kinh tế là giải pháp quan trọng để phát huy hiệu quả nguồn lực di sản. Trước hết, cần rà soát và bổ sung hệ thống pháp luật theo hướng tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho việc khai thác, sử dụng giá trị di sản văn hóa vật thể gắn với phát triển kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch văn hóa và dịch vụ. Các quy định cần bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu bảo tồn và yêu cầu khai thác, tránh chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt làm tổn hại đến giá trị gốc của di sản. Chính sách cần khuyến khích các mô hình khai thác di sản bền vững, có sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp. Đồng thời, làm rõ cơ chế phân chia lợi ích từ khai thác di sản nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, cộng đồng và các chủ thể kinh tế. Việc hoàn thiện pháp luật cũng cần chú trọng quy định về trách nhiệm bảo

vệ di sản trong quá trình khai thác giá trị kinh tế. Qua đó, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và tạo động lực cho phát triển kinh tế dựa trên giá trị di sản văn hóa vật thể.

4.2.2.3. Đổi mới tư duy quản lý của chính quyền các cấp về di sản văn hóa vật thể ở thị đô Viêng Chăn

Nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy quản lý của Nhà nước và chính quyền Viêng Chăn về di sản văn hóa vật thể là nội dung có ý nghĩa then chốt trong việc phát huy vai trò chủ thể của Nhà nước đối với công tác bảo tồn di sản. Trước hết, cần thống nhất nhận thức ở các cấp, các ngành rằng di sản văn hóa vật thể không chỉ là đối tượng cần bảo vệ mà còn là nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững đất nước. Tư duy quản lý phải chuyển từ cách tiếp cận hành chính, khép kín sang quản trị di sản hiện đại, lấy giá trị di sản và lợi ích cộng đồng làm trung tâm.

Chính quyền cần coi trọng mối quan hệ hữu cơ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là du lịch văn hóa. Việc đổi mới tư duy quản lý còn thể hiện ở việc đề cao tính khoa học, dài hạn trong quy hoạch, kế hoạch bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Đồng thời, cần tăng cường trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong quản lý di sản. Nhà nước cũng phải chủ động tiếp thu các chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế về bảo tồn di sản. Qua đó, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm di sản văn hóa vật thể được bảo tồn và phát huy giá trị một cách bền vững.

Chính quyền địa phương cần coi trọng sự tham gia của cộng đồng dân cư trong bảo tồn và quản lý di sản. Đồng thời, phải đề cao nguyên tắc bảo tồn gắn với phát huy giá trị di sản một cách hợp lý, tránh chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt. Đổi mới tư duy quản lý còn thể hiện ở việc tuân thủ các nguyên tắc khoa học và pháp luật trong trùng tu, tôn tạo di sản. Việc quản lý phải tôn trọng các giá trị của di sản, gắn di sản với quyền lợi chính đáng của cộng đồng và các cơ quan quản lý, bảo vệ di sản là rất lớn. Cần gấp rút đưa hệ

thống di tích, danh thắng vào sự quản lý của các cấp chính quyền, không để tình trạng các di tích bị thả nổi, không ai quản lý trực tiếp, dẫn đến tình trạng xuống cấp, hư hại nhanh chóng.

Sở Thông tin, Văn hóa và Du lịch thủ đô Viêng Chăn cần trực tiếp quản lý các di sản với tư cách là cơ quan chuyên môn. Bộ TTVH&DL cần phối hợp với các phòng văn hóa, trung tâm văn hóa ở các huyện, quận để khảo sát và đẩy nhanh tiến độ xây dựng hồ sơ xếp hạng các di tích tiêu biểu; nghiên cứu, trình duyệt phương án di dời các hộ dân đang sống trong các khu di tích; xây dựng đề án tu bổ, tôn tạo các di tích trọng điểm. Các phòng văn hóa huyện, quận, thủ đô cần tiếp tục phát huy vai trò là cầu nối trong các khâu công tác quản lý di sản. Sở và phòng chức năng cần hợp tác và sát sao trong việc chỉ đạo các bản làng, huyện, quận, thành phố lập dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích, đặc biệt là các di tích kiến trúc nghệ thuật có giá trị đang bị xuống cấp, để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tăng cường việc giám sát hoạt động tu bổ, tôn tạo các di tích đã xếp hạng cũng như chưa được xếp hạng, tránh tình trạng để xảy ra việc tu bổ, tôn tạo không đúng nguyên gốc và thiết kế đã được duyệt. Ban văn hóa của làng, huyện, quận giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp cơ quan chức năng quản lý các di tích trên địa bàn toàn thủ đô, cần tích cực hơn trong việc định ra các hình thức cũng như huy động các tổ chức đoàn thể tham gia bảo vệ và phát huy giá trị của các DSVHVT. Chính quyền Viêng Chăn cần triển khai việc kiểm kê, phân loại cụ thể theo giá trị của từng di tích, lựa chọn các di tích tiêu biểu có giá trị để lập hồ sơ xin Nhà nước xếp hạng. Việc kiểm kê, phân loại các di tích văn hóa ở thủ đô Viêng Chăn hiện nay còn khó khăn. Trước hết cần tiến hành khảo sát, phân loại xây dựng kế hoạch, quy hoạch để bảo tồn và phát huy giá trị DSVHVT.

Nâng cao trình độ và nghiệp vụ DSVH cho đội ngũ cán bộ quản lý về DSVHVT. Quản lý Nhà nước trong bảo tồn DSVHVT là quá trình tác động của các cơ quan quản lý hoạt động văn hóa đến các đối tượng quản lý nhằm

đạt hiệu quả cao nhất trong phương diện KT-XH. Khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên nghiệp chuyên môn, trình độ quản lý như: ngoại ngữ, tin học v.v.. cho đội ngũ cán bộ quản lý về DSVHVT trong các cơ quan, đơn vị của thủ đô Viêng Chăn

4.2.2.4. Xây dựng quy hoạch tổng thể, dài hạn cho bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn gắn với phát triển kinh tế - xã hội và du lịch, khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, ngắn hạn, thiếu định hướng chiến lược

Việc xây dựng quy hoạch tổng thể, dài hạn cho công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quản lý nhà nước về di sản. Quy hoạch cần được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và cả nước. Bảo tồn di sản không thể tách rời yêu cầu phát triển, nhất là trong bối cảnh đẩy mạnh du lịch văn hóa và kinh tế dịch vụ. Một quy hoạch khoa học, đồng bộ sẽ tạo cơ sở để xác định rõ mục tiêu, lộ trình và giải pháp bảo tồn phù hợp. Qua đó, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún và thiếu trọng tâm. Quy hoạch dài hạn giúp các cấp quản lý chủ động trong phân bổ nguồn lực và lựa chọn thứ tự ưu tiên. Đồng thời, bảo đảm sự thống nhất giữa bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị di sản. Việc gắn bảo tồn di sản với phát triển du lịch cần được định hướng rõ ràng trong quy hoạch. Điều này góp phần khai thác hợp lý giá trị kinh tế của di sản mà không làm tổn hại đến giá trị gốc. Quy hoạch cũng tạo điều kiện để huy động các nguồn lực xã hội tham gia bảo tồn di sản. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp được tăng cường thông qua định hướng chung. Tính dự báo và ổn định trong quản lý di sản được nâng cao. Cần học tập kinh nghiệm quản lý DSVHVT ở các nước trên thế giới và trong khu vực một cách sáng tạo. Chú ý thích đáng đến kinh nghiệm của các địa phương làm tốt công tác quản lý di sản, quản lý tốt di sản hướng vào phục vụ xã hội.

Xây dựng quy hoạch bảo tồn di sản văn hóa vật thể trên cơ sở khoa học, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Việc

lập kế hoạch bảo tồn phải bảo đảm tầm nhìn dài hạn, tránh tình trạng manh mún và thiếu đồng bộ. Thông qua quy hoạch, các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo tồn di sản được xác định rõ ràng. Công tác phân bổ nguồn lực cho bảo tồn nhờ đó trở nên chủ động và hiệu quả hơn. Quy hoạch còn tạo cơ sở để kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Đồng thời, nâng cao tính dự báo trong quản lý di sản văn hóa vật thể. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp được tăng cường thông qua kế hoạch thống nhất. Qua đó, hiệu quả bảo tồn di sản văn hóa vật thể được nâng cao.

Trong quy hoạch cần thiết lập rõ ràng 03 vùng: Vùng I (Vùng lõi): Nghiêm cấm mọi hình thức xây dựng mới làm biến dạng di tích. Vùng II (Vùng đệm): Hạn chế chiều cao công trình, mật độ xây dựng và quy định về kiểu dáng kiến trúc để không lấn át di sản. Vùng III (Vùng phụ cận): Khu vực phát triển đô thị nhưng phải hài hòa về màu sắc và không gian xanh. Trong triển khai, thay vì phân bổ nhỏ lẻ hàng năm, thủ đô Viêng Chăn cần một chiến lược tài chính rõ ràng: Phân nhóm ưu tiên: Chia di sản văn hóa vật thể thành các nhóm (Ví dụ: Nhóm đặc biệt như Pha That Luang, nhóm di tích đang xuống cấp nghiêm trọng, và nhóm các công trình kiến trúc thời Pháp thuộc). Thiết lập dòng vốn ổn định cho các dự án trùng tu lớn để tránh tình trạng "đang làm thì hết vốn", gây hư hại thêm cho di sản văn hóa vật thể.

4.2.2.5. Bảo đảm và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư của Nhà nước, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho việc bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Nhà nước cần coi việc bảo đảm nguồn lực tài chính cho bảo tồn di sản văn hóa là nhiệm vụ quan trọng trong quản lý nhà nước về di sản. Việc ưu tiên bố trí ngân sách hợp lý giúp đáp ứng kịp thời yêu cầu bảo vệ, trùng tu và tôn tạo các di sản văn hóa vật thể. Nguồn vốn đầu tư cần được phân bổ có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với giá trị và mức độ xuống cấp của từng di tích. Đồng thời, Nhà nước phải chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý trong sử dụng

ngân sách cho bảo tồn di sản. Công tác giám sát, kiểm tra việc triển khai các dự án trùng tu, tôn tạo cần được thực hiện chặt chẽ. Qua đó, hạn chế tình trạng thất thoát, lãng phí và sử dụng vốn sai mục đích. Việc bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý nguồn vốn là yêu cầu cần thiết. Điều này góp phần nâng cao trách nhiệm của các chủ thể tham gia dự án. Nguồn ngân sách nhà nước cũng cần được kết hợp hiệu quả với các nguồn lực xã hội khác. Nhờ vậy, chất lượng các dự án trùng tu, tôn tạo di tích được nâng cao. Công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể được thực hiện đúng quy định và đạt hiệu quả thiết thực.

Nhà nước cần giữ vai trò kiến tạo trong việc tạo lập cơ chế thuận lợi nhằm huy động sự tham gia rộng rãi của cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội vào công tác bảo tồn di sản văn hóa. Việc xây dựng các cơ chế phù hợp sẽ giúp mở rộng nguồn lực xã hội cho bảo tồn di sản. Đồng thời, tạo điều kiện để các chủ thể ngoài nhà nước phát huy trách nhiệm và thế mạnh của mình. Nhà nước cần thiết lập cơ chế phối hợp rõ ràng giữa các bên tham gia bảo tồn di sản. Công tác tham vấn ý kiến cộng đồng và các chủ thể liên quan phải được thực hiện thường xuyên và thực chất. Điều này giúp các quyết định bảo tồn phản ánh đầy đủ lợi ích và nguyện vọng của xã hội. Bên cạnh đó, cơ chế giám sát cần được tăng cường nhằm bảo đảm tính công khai và minh bạch. Việc giám sát hiệu quả góp phần ngăn ngừa các hành vi làm tổn hại đến giá trị di sản. Nhà nước cũng cần bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia. Qua đó, nâng cao tính đồng thuận xã hội trong bảo tồn di sản. Sự phối hợp chặt chẽ giúp nâng cao hiệu quả quản lý di sản. Công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể vì thế được triển khai bền vững hơn.

4.2.2.6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo tồn di sản vật thể ở thủ đô Viêng Chăn

Việc chủ động tham gia các công ước và chương trình hợp tác quốc tế về bảo tồn di sản văn hóa vật thể có ý nghĩa quan trọng đối với nâng cao hiệu

quả quản lý di sản ở thủ đô Viêng Chăn. Thông qua hợp tác quốc tế, Chính quyền Viêng Chăn có điều kiện tiếp cận các chuẩn mực và nguyên tắc bảo tồn tiên tiến. Kinh nghiệm quản lý và phương pháp khoa học của các quốc gia, tổ chức quốc tế được nghiên cứu và vận dụng phù hợp với điều kiện của thủ đô. Việc tiếp thu và ứng dụng công nghệ hiện đại có ý nghĩa quan trọng trong công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể. Các tiến bộ khoa học - công nghệ giúp nâng cao độ chính xác trong khảo sát, đánh giá hiện trạng di sản. Công nghệ hiện đại hỗ trợ việc lập hồ sơ, số hóa và lưu trữ dữ liệu di sản một cách hệ thống. Trong hoạt động trùng tu, tôn tạo, công nghệ góp phần bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc khoa học và giữ gìn giá trị gốc của di sản. Việc ứng dụng kỹ thuật tiên tiến giúp hạn chế sai sót và can thiệp thô bạo vào di tích. Đồng thời, nâng cao chất lượng và độ bền của các hạng mục trùng tu. Công nghệ còn hỗ trợ công tác giám sát và quản lý quá trình bảo tồn. Qua đó, hiệu quả bảo tồn di sản văn hóa vật thể được cải thiện rõ rệt. Việc kết hợp công nghệ hiện đại với tri thức truyền thống tạo nên cách tiếp cận toàn diện.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa vật thể mở ra nhiều cơ hội quan trọng cho công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn. Thông qua các chương trình hợp tác, cán bộ làm công tác di sản có điều kiện tham gia các khóa tập huấn, hội thảo và trao đổi học thuật quốc tế. Quá trình này giúp đội ngũ cán bộ tiếp cận những tri thức mới và phương pháp quản lý tiên tiến. Kinh nghiệm thực tiễn từ các quốc gia có nền bảo tồn phát triển được chia sẻ và học hỏi hiệu quả. Năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý của cán bộ từng bước được nâng cao. Đồng thời, tư duy quản lý di sản được đổi mới theo hướng hiện đại và hội nhập. Việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ góp phần nâng cao chất lượng tham mưu chính sách. Qua đó, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa vật thể được tăng cường. Đội ngũ cán bộ ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu bảo tồn trong bối cảnh mới. Điều này tạo nền tảng vững chắc cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Việc tham gia các chương trình quốc tế cũng giúp hoàn thiện cơ chế quản lý di sản theo thông lệ chung. Đồng thời, các giá trị tiêu biểu của di sản văn hóa Viêng Chăn được quảng bá rộng rãi. Vị thế và uy tín của di sản văn hóa vật thể Viêng Chăn trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Hợp tác quốc tế còn góp phần thu hút sự quan tâm và hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Điều này tạo thêm nguồn lực cho bảo tồn di sản văn hóa vật thể ở thủ đô Viêng Chăn nói riêng, ở đất nước Lào nói chung.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 đã đi sâu các giải pháp về phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT ở thủ đô Viêng Chăn, nước CHDCND Lào nêu ra vừa mang tính trước mắt, vừa có tính chiến lược lâu dài. Với việc thực hiện các nhóm giải pháp đã nêu ra trên không chỉ là trách nhiệm của chính quyền địa phương, doanh nghiệp mà cần có sự tham gia của cộng đồng dân cư mới đem lại hiệu quả cao. Để muốn cho hoạt động bảo tồn phát triển cần phải có thêm những nghiên cứu, thống kê và đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện về chất lượng và số lượng nguồn lực phục vụ ngành. Như vậy, cần có kế hoạch sớm triển khai thống kê nguồn nhân lực ngành để có kế hoạch cụ thể bồi dưỡng đội ngũ lao động phục vụ bảo tồn các DSVHVT đạt trình độ, chất lượng theo yêu cầu của ngành, từng bước bắt kịp với xu thế phát triển của thế giới và khu vực, cũng như những đòi hỏi của thị trường hiện nay.

KẾT LUẬN

Di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn là báu vật của các thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau, là tài sản quý giá của quốc gia và nhân loại. Phát huy các chủ thể trong bảo tồn di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội là sứ mệnh đặc biệt quan trọng trước hết thuộc về nhà nước, vai trò của cộng đồng nơi có di sản, vai trò của xã hội và nhân dân. Thực tế cho thấy, có nhiều nguyên nhân làm cho di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn bị xuống cấp nghiêm trọng do sự khắc nghiệt của thiên nhiên, sự khai thác di sản quá mức thậm chí là sự phá hoại di sản của con người. Nhưng cũng có nguyên nhân quan trọng cần phải xem xét, nghiên cứu về tính hiệu lực, hiệu quả của hoạt động bảo tồn về di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn còn có những hạn chế, bất cập.

Vì vậy, việc nghiên cứu hoàn thiện Phát huy các chủ thể trong bảo tồn di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn là một yêu cầu cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn. Trong phạm vi luận án, những kết quả nghiên cứu cơ bản được thể hiện ở nội dung các chương sau đây: Chương 1, luận án đã khái quát tình hình nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài, những công trình nghiên cứu khoa học về DSVH, DSVHVT vai trò các chủ thể trong bảo tồn DSVHVT. Từ đó, xác định những kết quả nghiên cứu mà luận án kế thừa, những phân tích, đánh giá hoạt động Phát huy các chủ thể trong bảo tồn di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn, những công trình khoa học chưa giải quyết hoặc tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Chương 2, luận án đã tập trung nghiên cứu những cơ sở lý luận cốt lõi liên quan đến đề tài luận án, như: làm rõ khái niệm và thuật ngữ về DSVHVT, khái quát di sản VHVT thủ đô Viêng Chăn; quản lý nhà nước về DSVH. Luận án làm rõ vai trò các chủ thể về di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn và nội dung phát huy chủ thể trong bảo tồn DSVHVT. Luận án cũng đã đưa những vấn đề đặt ra. Chương 3, dưới góc độ thực tiễn, luận án đã phân

tích, luận giải và làm rõ thực trạng Phát huy các chủ thể trong bảo tồn di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn với những nội dung cụ thể như: chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, bảo tồn và phát huy di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn; Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy định pháp luật về di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn; Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn; Tổ chức và thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về bảo tồn, phát huy giá trị di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn ; Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn. Trên cơ sở phân tích thực trạng, luận án đánh giá thực trạng Phát huy các chủ thể trong bảo tồn di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn, chỉ ra kết quả đạt được, những hạn chế và tìm hiểu nguyên nhân của hạn chế. Chương 4, từ việc nghiên cứu lý luận, tổng kết kinh nghiệm, phân tích và đánh giá thực trạng Phát huy các chủ thể trong bảo tồn di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn, NCS đã đề xuất được 2 nhóm giải pháp hoàn thiện về Phát huy các chủ thể trong bảo tồn di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn. Các giải pháp này đã thể hiện được cơ bản những vấn đề cần xem xét và giải quyết trong hoạt động Phát huy các chủ thể trong bảo tồn di sản VHVT ở thủ đô Viêng Chăn trong thời gian tới đảm bảo có hiệu lực, hiệu quả hơn nữa.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Hà An (2013), “Bộ Văn hóa “siết” quản lý di tích”, *Báo mới điện tử*, ngày 07/12/2013.
2. Phan Thuận An (2002), *Lăng tẩm Huế - Một kỳ quan*, Nxb Thuận Hoá.
3. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam Văn hóa sử cương, tái bản*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Nguyệt Anh (2021), *Quần thể di tích đền Angkor - kỳ quan thế giới tại Campuchia*, tại trang <https://baodantoc.vn>, [truy cập ngày 23/12/2024].
5. Hoàng Tuấn Anh (2014), “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa hiện nay”, *Tạp chí điện tử Quốc phòng toàn dân*, ngày 11/8/2014.
6. Đặng Văn Bài (2001), “Vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (4), tr.11 - 13.
7. Đặng Văn Bài (2008), *Quản lý di sản văn hóa của Hà Nội - những vấn đề đặt ra từ thực tiễn*, tại trang <http://quydisan.org.vn>, [truy cập ngày 15/8/2024].
8. Đặng Văn Bài (2008), “Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Nhìn từ góc độ quản lý nhà nước”, *Tạp chí Di sản văn hoá*, (01).
9. Đặng Văn Bài (2009), “Phát huy giá trị di sản văn hóa trong quá trình hội nhập và phát triển”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (32), tr.85 - 92.
10. Đặng Văn Bài (2014), “Bảo tồn di sản văn hoá gắn với phát triển bền vững nhìn từ 6 tỉnh Bắc Trung Bộ”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, (46), tr.8-11.
11. Nguyễn Chí Bền (2001), “Di sản Văn hoá Phi vật thể, Từ sưu tầm Nghiên cứu đến Bảo tồn Phát huy”, *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, tr.63.
12. Nguyễn Chí Bền (Chủ biên) (2010), *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội*, Chương trình khoa học cấp nhà nước KX.09, Nxb Hà Nội, Hà Nội.

13. Nguyễn Chí Bền (2010), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Phan Thanh Bình (2012), *Nhận thức mới về di sản văn hóa*, tại trang www.vietnamnet.vn, [truy cập ngày 19/6/2024].
15. Trương Quốc Bình (2009), “Đổi mới hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa”, *Tạp chí Cộng sản*, (2), tr.72-76.
16. Trương Quốc Bình (2014), *Bảo vệ và Phát huy Giá trị Di sản Văn hóa Việt Nam*, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
17. Bounam Phongbuapheaun (2003), *Mỹ thuật Phật giáo Lào thế kỷ XVI - XVII ở thủ đô Viêng Chăn*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
18. Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch) (2003), *Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 về việc ban hành quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh*, Hà Nội.
19. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản văn hóa (2022), *Báo cáo tổng kết thực hiện Luật Di sản văn hóa*, Hà Nội.
20. BuaNgeun Phimachak (2010), *Nghệ thuật tạo hình Ngôi chùa Lào ở thủ đô Viêng Chăn*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
21. *Các hiến chương quốc tế về bảo tồn và trùng tu* (2004), Nxb Xây dựng, Hà Nội.
22. Champhon Vôngsa (2007), *Những giá trị văn hoá nghệ thuật của chùa Xiêng Thoỏng ở cố đô Luông Phạ Bang*, Luận văn thạc sĩ Văn hoá học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
23. Chanpheng Đuangvilay (2010), *Tìm hiểu một số Lễ hội của Lào*, Luận văn thạc sĩ Quản lý văn hoá, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.

24. Phạm Sanh Châu (2011), “Sức sống cho sự tồn tại của di sản văn hóa”, *Tạp chí Di sản*, (34).
25. Hoàng Xuân Chinh (2005), *Các nền văn hoá cổ Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
26. Chính phủ (2005), *Nghị định số 85/2005/NĐ-CP ngày 08/7/2005 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ di sản dưới nước*, Hà Nội.
27. Chính phủ (2010), *Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hoá*, Hà Nội.
28. Chính phủ (2010), *Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá*, Hà Nội.
29. Chính phủ (2014), *Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
30. Chính phủ (2014), *Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
31. Chính phủ (2017), *Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*, Hà Nội.
32. Chính phủ (2017), *Nghị định số 109/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam*, Hà Nội.
33. Chính phủ (2018), *Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh*, Hà Nội.

34. Chính phủ (2020), *Nghị định số 107/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
35. Chính phủ (2020), *Nghị định số 108/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
36. Chính phủ (2021), *Nghị định số 38/2021/NĐ - CP ngày 29/3/2021 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Văn hóa và Quảng cáo*, Hà Nội.
37. Chome Khathoumphon (2007), *Công viên Phật Xiêng Khuân với Hoạt động Du lịch ở thủ đô Viêng Chăn*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa du lịch, Trường đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
38. Trịnh Ngọc Chung (2015), *Quản lý di sản thế giới ở Việt Nam qua trường hợp cố đô Huế và đô thị cổ Hội An*, Luận án Tiến sĩ văn hoá học, Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội.
39. Cục Di sản Văn hóa (2005), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, tập 1, Cục Di sản văn hóa, Hà Nội.
40. Cục Di sản văn hóa (2014), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, tập 7, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
41. Cục Di sản văn hóa (2014), *Văn bản quản lý nhà nước về Di sản văn hóa*, Hà Nội.
42. Trần Thị Kim Cúc (2014), *Văn hóa Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
43. Nguyễn Văn Cường (Chủ biên) (2016), *Bảo vật Hoàng cung triều Nguyễn*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
44. Nguyễn Viết Cường (2014), “Bảo tồn di tích trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Di sản văn hoá*, số 2 (47) tr.7-9.

45. Nguyễn Viết Cường (2014), “Vấn đề nghiên cứu, áp dụng quy định quốc tế trong thực tiễn bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở nước ta”, *Tạp chí Di sản văn hoá*, số 1 (46).
46. *Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Trung Quốc* (2020), tại trang <http://www.ccchanoi.org>, [truy cập ngày 11/12/2024].
47. Hồ Sơn Diệp, Nguyễn Văn Hiệp (2013), *Đình Chùa Lăng Miếu - Di sản văn hóa vật thể của người Việt tại thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
48. Ngô Văn Doanh, Quế Lai, Nguyễn Đức Ninh, Nguyễn Hào Hùng (1985), *Tìm hiểu Văn hóa Lào*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
49. Quách Ngọc Dũng (2018), *Quản lý nhà nước về di tích quốc gia đặc biệt vùng đồng bằng sông Hồng*, Luận án Tiến sỹ Quản lý công, Hà Nội.
50. Phạm Đức Dương (1998), *Ngôn ngữ và Văn hóa Lào trong bối cảnh Đông Nam Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Dự án (2015), *Nghiên cứu tác động của du lịch hiện đối với di sản thế giới Vịnh Hạ Long*, nhóm chuyên gia Đại học Kent và Đại học Bradford (Vương quốc Anh) phối hợp với Đại học khoa học xã hội và nhân văn thực hiện, Hà Nội.
52. Dự án (2017), *Hợp tác quốc tế trong bảo tồn và quản lý Tràng An*, nhóm chuyên gia Đại học Cambrige và Đại học Queen’s Belfast nghiên cứu, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5 (khóa VIII)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị TW 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
65. Bùi Đẹp (1999), *Di sản văn hóa - Tự nhiên - Hỗn hợp*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
66. Nguyễn Khoa Điềm (1998), “Về Hội nghị: Chính sách văn hóa vì sự phát triển”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (6), tr.3- 6.
67. Phạm Duy Đức (2006), *Những thách thức của văn hoá Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
68. Phạm Duy Đức (chủ biên) (2010), *Phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020 xu hướng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Nguyễn Văn Đức (2013), *Tổ chức các hoạt động du lịch tại một số di tích lịch sử văn hoá quốc gia của Hà Nội theo hướng phát triển bền vững*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Hà Nội.

70. Paul Eagles (2002), *Du lịch bền vững trong những khu vực được bảo vệ*, do Ủy ban Liên chính phủ Bảo vệ Di sản Bảo toàn Thiên nhiên Thế giới (UNEP, IUCN) và Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO), Hà Nội.
71. Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn (2011), “Quản lý văn hóa ở một số nước và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, (01), tr.52 - 59.
72. Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn (đồng chủ biên) (2012), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Trần Thị Thu Hà (2005), “Từ một số kinh nghiệm của Nhật Bản nghĩ về Quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Báo chí và tuyên truyền*, (01).
74. Nguyễn Thị Thu Hà (2012), “Phát triển du lịch với việc quản lý di sản văn hoá ở Hội An”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, (32).
75. Nguyễn Thị Thu Hà (2013), “Một số kinh nghiệm quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 3 (44).
76. Nguyễn Hữu Hải (2015), *Quản lý học đại cương*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
77. Nguyễn Quốc Hùng (2013), “Một số kinh nghiệm quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá và thiên nhiên”, *Tạp chí Di sản văn hoá*, (3).
78. Nguyễn Quốc Hùng (2013), “Một số giải pháp đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá trong thời gian tới”, *Tạp chí Di sản văn hoá*, số 2 (43).
79. Nguyễn Văn Hùng (1996), "Vấn đề bảo vệ cổ vật trong các di tích lịch sử văn hóa ở Hà Nội", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (22).
80. Khamlien LaoPakdy (1997), “Ảnh hưởng của Phật giáo Lào đối với người Lào”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, (45), tr.7-10.

81. Khamphouphet Vanivong (2019), *Bảo tồn và Phát huy Giá trị Di sản Kiến trúc Khu phố Pháp tại thành phố Xạ Văn Nạ Khẹt CHDCND Lào*, Luận án tiến sĩ Kiến trúc, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Hà Nội.
82. An Khanh (2012), “Những hành vi bị cấm ở di sản vịnh Hạ Long, Quảng Ninh”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, (25).
83. Kheungkeo Keopaseuth (2011), *Những Giá trị Văn hoá Nghệ thuật của chùa Xi Mưòng, quận Xi Xạt Tạ Nác, thủ đô Viêng Chăn*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
84. Hoàng Đạo Kính (1996), “Bảo tồn di sản văn hoá vật thể Cố đô Huế trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, (21).
85. Nguyễn Thị Kim Loan (Chủ biên) (2014), *Quản lý Di sản văn hóa*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
86. An Ngọc (2014), *Thống nhất đầu mối quản lý di tích về các phòng di sản văn hóa*, tại trang Vietnam.net tháng 9/2014.
87. Nguyễn Thị Thông Nhất (2012), *Khai thác hợp lý các di sản văn hoá thế giới nhằm phát triển du lịch miền Trung Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Hà Nội.
88. Nhiều tác giả (1995), *Lịch sử Lào*, Nxb Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội.
89. Nguyễn Đức Ninh (1999), *Ngôi chùa Phật giáo trong sự Bảo tồn và Phát triển văn hóa Lào*, trong sách: “Một số Vấn đề về Văn hóa với sự Phát triển ở Việt Nam - Lào - Campuchia”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
90. Phadone Insaveang (2011), *Di sản Văn hóa cổ đô Luông Phạ Bàng với việc Phát triển Du lịch*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
91. Hoàng Phê (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
92. Phonesit Yernsengsuly (2015), *Nghệ thuật Kiến trúc Điêu khắc, Trang trí Vất Xi Xạ Kệt, Viêng Chăn, Lào*, Luận văn thạc sĩ Hội họa, Trường đại học Mỹ thuật Việt Nam, Hà Nội.

93. Phupha Heunsivilay (2016), *Quản lý Di tích Chủ tịch Cay Xỏn Phôm Vi Hản ở thủ đô Viêng Chăn, Nước CHDCND Lào*, Luận văn thạc sĩ Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
94. Pierre Pichard (1996), *Trùng tu*, EFEO.
95. Nguyễn Vũ Phương (2006), *Bảo tồn và Phát huy Di sản Kiến trúc trung tâm Lịch sử đô thị Hà Nội theo hướng Du lịch Văn hóa*, Luận án tiến sĩ kiến trúc, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Hà Nội.
96. Quốc hội (2009), *Luật Di sản Văn hoá Việt Nam năm 2001 sửa đổi, Bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
97. Saysamon Phothaling (2014), *Nghệ thuật Trang trí trên Kiến trúc gỗ Chùa Hỏ Phạ Kẹo và Chùa Ông Tụ tại Viêng Chăn, Lào*, Luận văn thạc sĩ Mỹ thuật, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Hà Nội.
98. Saysana Sisouphanthong (2007), *Lễ hội Thạt Luồng với Tiềm năng Du lịch ở thủ đô Viêng Chăn*, Khóa luận tốt nghiệp Văn hóa du lịch, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
99. Sengkeo Thinhthalai (2004), *Bảo tồn và Phát huy các Giá trị của Lễ hội Dân gian Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
100. Silua Bunkham (2001), *Xây dựng và Phát triển nền Văn hóa thẩm mỹ ở nước CHDCND Lào trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
101. Siviengsay Phomarath (2014), *Quản lý Khu Di sản Văn hóa Vất Phu Chăm Pa Sắc, tỉnh Chăm Pa Sắc, nước CHDCND Lào*, Luận văn thạc sĩ Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
102. Souksavanh Sivorravong (2012), *Xây dựng đời sống Văn hóa cơ sở ở tỉnh Chăm Pa Sắc, nước CHDCND Lào*, Luận văn thạc sĩ Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
103. Sukan Buthavong (2016), *Kinh tế Du lịch ở thủ đô Viêng Chăn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

104. Sutta Khathameunboun (2017), *Quản lý Di tích lưu niệm Chủ tịch Xu Pha Nu Vông ở thủ đô Viêng Chăn*, Luận văn thạc sĩ Quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
105. Trọng Tài (2016), “Nhiều sai phạm tại Ban Quản lý Vịnh Hạ Long”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, (35).
106. Nguyễn Toàn Thắng (2013), “Vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa hiện nay”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (3), tr.6-10.
107. Nguyễn Toàn Thắng (2013), “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá trong xu thế giao lưu hội nhập, bài học nhìn từ một số quốc gia Châu Á”, *Tạp chí Di sản văn hoá*, số 1 (42).
108. Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
109. Nguyễn Lệ Thi (1993), *Chùa Phạ kẹo một công trình Kiến trúc đẹp có giá trị của nhân dân Lào*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
110. Nguyễn Lệ Thi (2009), *Nghệ thuật Ấn Độ giáo và Phật giáo ở Lào*, Nxb Thế giới và Viện Văn hóa, Hà Nội.
111. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2009), *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
112. Nguyễn Thịnh (2012), *Di sản văn hóa Việt Nam, Bản sắc và những vấn đề về quản lý, bảo tồn*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
113. Thongmy Duansakda (2003), *Chùa Xi Xạ Kệt: Nghệ thuật Kiến trúc và Điêu khắc (Viêng Chăn, CHDCND Lào)*, Luận văn thạc Lịch sử, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
114. Lê Thị Thủy (2014), *Bảo tồn và Phát huy Giá trị Di sản Văn hóa ở quận Cầu giấy, thành phố Hà Nội hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
115. Phương Thúy, Đào Yến (2013), “Quản lý di sản ở Việt Nam còn nhiều bất cập”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, (33).

116. Nguyễn Danh Tiên (2014), "Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế", *Tạp chí Công sản*, (45).
117. Lưu Trần Tiêu (2002), "Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa", *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (25).
118. Huỳnh Ngọc Trảng, Phạm Thiều Hương (Dịch) (1997), *Quy pháp tạo hình và Phong cách Mỹ thuật Châu Á*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
119. Võ Quang Trọng (2016), "Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội", *Tạp chí Di sản văn hóa*, (39).
120. Trung tâm Từ điển học (2011), *Từ điển Triết học*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
121. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội), Đại học Kent và Đại học Bradford (Vương quốc Anh) (2015), *Nghiên cứu tác động của du lịch biển đối với di sản thế giới Vịnh Hạ Long*, Hà Nội.
122. Trường Đại học Cambridge và Đại học Belfast (Vương Quốc Anh) (2017), *Hợp tác quốc tế trong bảo tồn và quản lý Tràng An*.
123. Nguyễn Khánh Tùng, Trần Bá Hùng (2021), "Quản lý nhà nước về DSVH - những vấn đề đặt ra và giải pháp hoàn thiện", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (301).
124. Hồ Văn Tường (2012), *Di sản Văn hóa Vật thể của người Việt ở thành phố Hồ Chí Minh và Vấn đề Bảo tồn, Phát huy trong thời kỳ Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Viện văn hoá Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
125. UNESCO (1995), *Hướng dẫn xây dựng, thực hiện và giám sát các kế hoạch quản lý*.
126. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, Ủy ban Quốc gia UNESCO, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2017), *Bảo tồn và phát huy giá trị của đô thị di sản*, Hà Nội.

127. Ủy ban Quốc gia về thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa (1992), *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Bộ Văn hóa Thông tin và Thể thao, Nxb Thế giới, Hà Nội.
128. Viengphone Soukhavong (2006), *Bảo tồn và Phát huy Giá trị Văn hóa Nghệ thuật cụm di tích Mường Chăn Tha Bu Ly, thủ đô Viêng Chăn trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
129. Vilaythong Keomanyvong (2002), *Thạt Luổng Di tích và Lễ hội*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
130. Nguyễn Văn Vinh, Ngô Huy Quỳnh, Trần Thị Lý (1981), “Ngôi chùa với người Lào”, *Tìm hiểu lịch sử văn hóa nước Lào*, Tạp chí Nghệ thuật Đông Nam Á, (Tập II), Nxb Văn hóa, Hà Nội.
131. Trần Quốc Vượng (1996), “Lễ hội một cái nhìn tổng thể”, *Tạp chí Văn hóa dân gia*, (1), tr.12-15.
132. Trần Thị Hồng Yến, Thạch Thiết Hà (2007), "Bảo vệ di sản văn hóa truyền thống ở các làng xã được chuyển thành phường tại Thủ đô Hà Nội hiện nay", *Tạp chí Dân tộc học*, (32).

*** Tài liệu tiếng Lào**

133. Ban Tuyên truyền Luật pháp (2011), *Luật Di sản văn hóa Quốc gia in trong cuốn Luật và Pháp lí trong lĩnh vực văn hóa - xã hội*, Viêng Chăn.
134. Bounlom Sayyaseng (2016), *Quản lý di tích tôn giáo di sản văn hóa quốc gia: Chùa Xi Mường, quận Xi Xat Tạ Nác, thành phố Viêng Chăn*, Luận văn thạc sĩ, Trường đại học quốc gia Lào, Khoa học Xã hội, Viêng Chăn.
135. Bounthieng Silipraphan (2016), *Ý kiến chung về nghệ thuật của Lào và trang trí điểm đặc biệt*, in trong kỷ yếu Hội thảo "Bảo tồn di sản cùng với kỹ thuật và lịch sử Lào", Viêng Chăn.

136. Bộ Thông tin và Văn hóa (1991), *Thông báo số 502/BTV về việc thực hiện khảo sát di tích cổ và thu thập cổ vật có giá trị*, Viêng Chăn.
137. Bộ Thông tin và Văn hóa (1995), *Thông báo số 943/BTV, ngày 30 tháng 8 năm 1995 của Bộ trưởng Thông tin Văn hóa về bảo tồn và quản lý di sản văn hóa Quốc gia*, Viêng Chăn.
138. Bộ Thông tin và Văn hóa Lào, Viện nghiên cứu Viễn Đông của Pháp (EFEO) (1996), *Hội thảo bảo tồn di sản cùng với kỹ thuật và lịch sử Lào*, Viêng Chăn.
139. Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch (2016), *Chiến lược đến và kế hoạch phát triển thông tin, văn hóa và du lịch của Lào đến năm 2025*, Viêng Chăn.
140. BuaNgeun Phimmachak (2010), *Nghệ thuật tạo hình ngôi chùa Lào ở thủ đô Chăn*, Luận án tiến sĩ, Viêng Chăn.
141. Bunnam Phongbuapheun (2003), *Mỹ thuật Phật giáo Lào thế kỷ XVI - XVII ở thủ đô Chăn*, Viêng Chăn.
142. Bunheng Buasisengpaseuth (1995), *Lịch sử nghệ thuật và kiến trúc Lào*, Nxb Viêng Chăn.
143. Chayphet Sayarath (2005), *Viêng Chăn, cái nhìn của thành phố đang phát triển*, Nxb Recherches, Viêng Chăn.
144. Chính phủ (2016), *Chính sách văn hóa quốc gia của Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Viêng Chăn.
145. Chủ tịch nước Lào (1997), *Pháp lệnh số 03/L-TCN về bảo tồn di sản văn hóa, lịch sử và thiên nhiên quốc gia*, Viêng Chăn.
146. Cơ quan Du lịch Quốc gia; Cục tư vấn văn hóa châu Á-Thái Bình Dương, UNESCO Băng Cốc (2006), *Du lịch và Quản lý di sản ở Luông Phạ Bàng, di sản thế giới CHDCND Lào*, Nxb Pangkham.
147. Cục Di sản, Bộ Thông tin và Văn hóa (2012), *Nhà cột mốc ở thành phố Viêng Chăn*, Viêng Chăn.

148. Dalany Luonglith (2017), *Ý kiến của du khách đến quản lý tài nguyên văn hóa trong kính Bảo tàng Hồ Phạ Kẹo*, Luận văn thạc sĩ Nghệ thuật học, Đại học quốc gia Lào, Khoa học Xã hội, Viêng Chăn.
149. Đảng bộ thủ đô Viêng Chăn (2015), *Văn kiện của Đại hội Đảng bộ thủ đô Viêng Chăn lần thứ VI*, Viêng Chăn.
150. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (1986), *Văn kiện Đại hội lần thứ IV*, Nxb Nhà nước, Viêng Chăn.
151. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (1996), *Văn kiện Đại hội lần thứ VI*, Nxb Nhà nước, Viêng Chăn.
152. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn Quốc lần thứ VIII*, Viêng Chăn.
153. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2007), *Nghị quyết về việc xây dựng nền văn hóa Lào trong thời kỳ mới trong Hội nghị toàn quốc Ban Chấp Hành Trung ương lần thứ 9 Khóa V ngày 01 tháng 10 năm 1994*, Văn phòng Bộ Thông tin và Văn hóa, Viêng Chăn.
154. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn Quốc lần thứ IX*, Viêng Chăn.
155. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn Quốc lần thứ X*, Viêng Chăn.
156. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn Quốc lần thứ XI*, Viêng Chăn.
157. Himakone Manotham (2010), *Thủ đô Viêng Chăn 450 năm, nguồn gốc thủ đô Viêng Chăn*, Tập II, III, Nxb Viêng Chăn.
158. Hongheun Khunpithac, Sit. Phiavong (2018) (Biên tập), *Thạt Luổng: báu vật linh thiêng của nước Lào*, Nxb Ủy ban quốc gia phụ trách dự án trùng tu Tháp Thạt Luổng lần thứ IV, Viêng Chăn.
159. Humphan Rattavong (2004), *Đất nước Lào và Văn hóa Lào*, Nxb Quốc gia, Viêng Chăn.

160. Khamphao Phonekeo (2012), *Thành lập Thủ đô Viêng Chăn 450 năm (từ năm 1560-2010)*, Nxb Sisavăth, Viêng Chăn.
161. Khochon Keomanivong (2003), *Bản giới thiệu di tích Hồ Phạ Kẹo*, Viêng Chăn.
162. Maha Sila Viravong (2001), *Lịch sử Lào từ thời cổ đến giữa thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Viêng Chăn.
163. Maha Vêthi Vorakun, Maha Khămpăn Vilachit (1969), *Văn hoá và phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân Lào*, Nxb Bộ Ngoại giao, Viêng Chăn.
164. Nhotkeo Phonsamec (1975), *Các ngôi chùa - ngọn tháp quan trọng*, Bộ Giáo dục xuất bản.
165. PhongsaVăt Boupha (2015), *Hồ Khăm: Phủ Chủ tịch*, Nxb Nhà nước.
166. PhaAchan Phong Samaleuk (1986), *Khái quát lịch sử Thạt Luồng Viêng Chăn-Lào*, Viêng Chăn.
167. Quốc hội (2013), *Luật di sản Quốc gia Lào (bản sửa đổi bổ sung năm 2013)*, Nxb Quốc gia, Viêng Chăn.
168. Quốc hội (2015), *Hiến pháp nước CHDCND Lào 2015*, Nxb Quốc gia Lào, Viêng Chăn.
169. Sở Thông tin Văn hóa Và Du lịch thành phố Viêng Chăn (2018), *Tổng kết thực hiện công tác Thông tin Văn hóa và Du lịch của thành phố Viêng Chăn trong 6 tháng đầu năm 2018*, Viêng Chăn.
170. Sở Thông tin, Văn hóa Và Du lịch thành phố Viêng Chăn (2016), *Báo cáo thống kê du lịch*, Viêng Chăn.
171. Sunet Phothisan (2000), *Lịch sử Lào*, Nxb Quốc gia, Viêng Chăn.
172. Tham Sayasitsena (1995), *Tượng đài chiến thắng: Công trình, Định nghĩa, Vinh quang*, Nxb Giáo dục, Viêng Chăn.
173. Thongsavath Paseuth (2010), *Vương quốc Lào trước thời Pháp thuộc*, Nxb Quốc gia, Viêng Chăn.

174. Thủ tướng Chính phủ (1993), *Nghị định số 174/TTG-CP, ngày 13 tháng 11 năm 1993 của Thủ Tướng chính phủ về Di sản văn hóa, Lịch sử và Thiên nhiên cấp Quốc gia*, Viêng Chăn.
175. UNESCO, Cục Bảo tồn Bảo tàng Lào (2000), *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Luông Phạ Bang*.
176. Ủy ban nhân dân Thủ đô Viêng Chăn (2010), *Thủ đô Viêng Chăn, kỷ niệm 450 năm*, Nxb Thủ đô Viêng Chăn.
177. Văn phòng Di sản văn hóa thế giới cổ đô Luông Phạ Bang (2014), *Luật pháp bổ sung về bảo tồn di sản*, Luông Phạ Bang.
178. Viện Nghiên cứu văn hóa, Bộ Thông tin và Văn hóa Lào (2005), *Di sản Lane Xang*, Viêng Chăn.
179. Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) (1996), *Bảo tồn Di sản cùng với kỹ thuật và lịch sử Lào*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế.

*** Tài liệu tiếng Anh**

180. Anna karlstrom (2009), *Preserving impermanence, the creation of heritage in Vientiane*, Department of Archaeology and Ancient History, Uppsala University.
181. Arne Kislenko (2009), *Culture and Customs of Laos*, Hanchao Lu Series Editor, GREEN WOOD PRESS Westport, Connections, London.
182. Arthur Pederson (2002), *Managing Tourism at World Heritage Sites*.
183. Central Public Works Department (2013), *Handbook of Conservation of Heritage Buildings*, New Delhi.
184. Condomina George (1970), The Lao. In: Nina S.Adams and Alfred W.McCoy(eds). *War and Renovation*. Harper and Row, New York.
185. D. Hien, M. Barbetti và Thongsā Sāyavongkhamdy(1992), *An Excavation at Sisattanak Kiln site, Vientiane Lao PDRD*, Viện Nghiên cứu Châu Á và Thái Bình Dương, Đại học Sydney.
186. Francis Engelmann (1996), *The Symbol of Lao Nation: That Luang Viêng Chăn*. Báo Vientiane Times, Viêng Chăn.

187. George Coedes (1959), An introduction to the history of Laos, In: Rene de Berval(ed) *Kingdom of Laos - The Land of the Million elephant of the White Parasol (pp.22-23). France Asie, Saigon* [English translation to *Presence du Royaume Lao 1956*].
188. Kapila D. Silva và Neel Kamal Chapagain (1996), *Asean Heritage Management, context, concerns and prospects*.
189. Ken Taylor (2004), *Cultural Heritage Management: A Possible Role for Charters and Principles in Asia*, International Journal of Heritage Studies Vol 10, No. 5, December 2004, p. 417-433.
190. Long, C (2002), *A history of urban planning policy and heritage protection on Vientiane, Laos*. International Development Planning Review.
191. Marc Askew, William S. Logan và Colin Long (2010), “*Vientiane: Transformations of Lao landscape*”, Routledge, New York.
192. Neville Agnew and Martha Demas (2004), *Principles for the Conservation of Heritage Sites in China*, Getty.
193. Patrick Gay (1997), *Lan Xang Heritages of Laos*, International Printing, Vientiane.
194. Paul Levy (1974), *Histoire du Laos (p.123)*. Paris : Presses Universitaires de France.
195. Peter Howard (2003), *Heritage: Management, Interpretation, Identity*, A&C Black.
196. Sally Brockwell (2013), *Transcending the Culture - Nature Divide in Cultural Heritage, Views from the Asia-Pacific Region*, Sue O’Connor & Denis Byrne, The Australian National University.
197. Shimizu Naho (2007), “*Trade ceramics recovered from old city of Vientiane*”, Kokusai Kogyo.

*** Tài liệu tiếng Pháp**

198. Gendron và Parmentier (1954), *L’Arts du Laos*, Publications d’Ecole Francaise d’Extrêm Orient, vol XXXV, Paris/Hanoi.

199. Gendron và Parmentier (1954), *L'Arts du Laos*, Publications d'Ecole Francaise d'Extrêm Orient, vol XXXV, Paris/Hanoi.
200. Henry Deydier (1952), *Introduction a la Connaissance du Laos*, Saigon, Imprimerie Francaise d'outrer - Mer.
201. Madelaine Giteau trong (2001), *Arts et archeologie du Laos*.
202. Marc Pabois, Bernard Toulrier (2005), *A rchitecture colonial et patrimoine. L'experience francaise*.
203. Michel Lorrillard (2004), *Les inscriptions du That Luang de Vientiane: donnees nouvelles sur l'histoire d'un stupa Lao*, BEFEO.
204. Michel Lorrillard (2010), *Vientiane au regard de L'archeologie*, BEFEO.
205. Sophie Clement - Charpentier và Pierre Clement (2008), *Les debuts de Vientiane, capital colonial*, Chinh sửa do Y. Goudineau và M. Lorillard.

*** Tài liệu tiếng Thái (dịch sang tiếng Việt)**

206. Bhakhakanok Ratanawaraporn (2011), "*The guideline for conservation of living heritage temples in Thailand context*" (Hướng dẫn bảo tồn các ngôi đền di sản trong hoàn cảnh của Thái Lan), Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Silpakorn Thái Lan.
207. Khamsouk Keovongxay (2013), *Sim - Vientiane: Form, Aesthetic and Symbol*, Viêng Chăn - Xim : Mô hình, Thẩm mỹ và Biểu tượng, Luận án Mỹ thuật, Đại học Khon Khen, Thái Lan.
208. Sangoan Lotboun (2002), *Nghệ thuật Phật giáo Lào* (in lần thứ II), Nxb Sai Than, Băng Cốc, Thái Lan.
209. Somkiart Lophetsarat (2000), *Lao Buddha: the image and its history* (*Lịch sử xây dựng tượng Phật Lan xang*), Mỹ thuật Phật giáo Lào, Nxb Sài Than.

*** Tài liệu trên trang Web**

210. ICOMOS Hiến chương Venice-Hiến chương Quốc tế về Bảo tồn và Trùng tu Di tích và Di chỉ 1931, 1964.
211. (m.tailieu.vn/doc/hien-n-chuong-ven...)

212. (tailieuxanh.com/vntll0878785-hien-chuong-conven...)
213. Northeastern Illinois University, Center for Southeast Asian Studies. “Resources for Lao Studies.” (<http://www.seasite.nui.edu>)
214. UNESCO 1972a Convention Concerning the protection of the world cultural and natural heritage UNESCO, Paris. (<http://whc.unesco.org/en/convention>)
215. UNESCO 2003a Convention for the safeguarding of the Intangible cultural Heritage, UNESCO, Paris. (<http://www.unesco.org/culture/ich/index.php>)
216. Visiting Art Cultural Profiles Project. “Laos Cultural Profile,” www.culturalprofiles.org.uk/laos.